

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307

1.—	Tao-dàn Phổ-Thông		7 — 10
2.—	Những tư-tưởng lộn xộn về Trung-Thu . .	Thiếu-Son	11 — 15
3.—	Những giọt mưa thu (chuyện ngắn)	Phong-Cầm	16 — 20
4.—	Tết Trung-Thu	Song-An	21 — 25
5.—	Chuyện cũ người xưa: Tiếng sáo đêm thu .	Tân-Phong	26 — 30
6.—	Thi-sĩ văn-sĩ tiền-chiến: Mộng-Sơn	Nguyễn-Vỹ	31 — 34
7.—	Khải-Hưng bị thủ tiêu	Kim-Tưởng	35 — 36
8.—	Thơ Thu	Nguyễn Thu Minh	37 — 41
9.—	Trăng Thu năm cũ (chuyện ngắn)	Hoàng-Thắng	42 — 52
10.—	Thu lạc lõng (thơ)	T.T.H.N.	53
11.—	Khoa-học: Chụp hình mặt trăng	Zdenek - Kopal	54 — 60
12.—	Đặng Dung, viên dũng tướng cuối cùng của nhà Trần	Nguyễn-dinh-Diệm	61 — 64
13.—	Trung Thu trong chiến khu	Thiếu-Son	65 — 69

Sắp xếp bài, trình bày bìa và nội-dung, cho màu. . . Cô Diệu-Huyền
Bìa và các phụ bản. Họa sĩ Duy-Liêm
Tranh vẽ — Ngọc-Tài
★ Bản kẽm Nguyễn-Diệu
★ Bìa Offset Văn-Quốc

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.



Tao đàn
Thơ Chông



Nam - Thu Hòa - Khúc

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
Lá ngập trời-bời đến ai-quan !
Cây cỏ ngậm-ngùi sầu thế-hệ,
Nước-Non vương-vấn hận thời-gian.
Vườn Thơ vắng bướm, hương tàn-tạ,
Cánh nhạn tung mây, gió phủ-phàng !
Ôi mảnh hồn Trăng từ vạn-kỷ
Gieo chi đất bụi một màu tang ?

NGUYỄN-VỸ

Cùng Quý Thi Hữu,

Chúng tôi rất vui mừng
vừa nhận được trên 200
bài thơ của Quý Bạn gửi
về góp văn hay ý đẹp với
Tao - Đàn Phở - Thông.
Chúng tôi xin chân thành
cảm tạ thịnh tình của



các Quý Vị Nam Nữ Thi
nhân từ khắp bốn
phương trời miền Nam,
trao về chúng tôi mỗi
thông cảm bản-khoản
giữa mùa Thu ảo-nã
của Non Sông, mùa Thu
tan-tác cả trong lòng

người...

Chúng tôi xin lần lượt khỏi
đăng từ số này và tiếp tục
qua các số tới, cho đến hết mùa
Thu. Thơ của Quý Bạn sẽ đăng
theo thứ tự nhận được trước hay

sau, còn giá trị **VĂN-CHƯƠNG** và
TU-TƯỜNG của mỗi bài thì xin
tùy Bạn đọc thưởng thức. Chúng
tôi không dám lạm quyền phê-
phán.

N.V.

Non-non bên giậu cúc khoe vàng,
Hứng ánh trăng ngà chén dạ-quang.
Xào-xạc sân ngô rơi chiếc lá,
Tròn-vò bóng tỏ lộng ngàn phương.
Xanh-xanh sắc nước cá trời nhuộm,
Trắng-trắng đầu non cánh nhạn trương.
Đôi cảnh âm-thâm đêm quế nguyệt,
Tĩnh thu man-mác suốt canh trường.

THUẦN-ĐỨC (Gia-Định)

Rải-rác sân ngô phủ lá vàng,
Trung-Thu giai-tiết đã kề sang.
Khoe xinh nguyệt sắc, gương tròn-trịa,
Khêu đẹp cúc màu, vóc diềm trang.
Chữ nhạn lưng trời bay lả-lướt,
Rượu quỳnh bên triện, nhấp xinh-xoàng.
Kim-phong nhẹ-nhẹ đưa hơi lạnh,
Thắng-thường, hồn thơ tứ ngập tràn.

MỘNG-HÓA (Đakao)

Thu sang nhuộm lá vàng.
Gợi nhớ chuyện buồn than.
Gió phất lòng rung động,
Mưa rơi dạ ngồn ngang.
Nền trời mây phủ kín,
Quanh cảnh sắc điêu tàn.
Chịu đựng mùa thê-thảm,
Xuân về mới lạc-quan.

Gió phất rung rinh rụng lá vàng,
Đầy trời u-ám cảnh bi-quan.
Khêu lòng nhớ đến mùa binh-lữ
Xót dạ ngậm-ngùi nỗi tóc-tang.
Xao-xuyến tâm hồn con rối loạn
Đầy đưa thân phận đợi thời-gian
Thu ơi, sản-sóc măm non nhé!
Nhắc-nhở Xuân sang kéo héo tàn.

LIÊN-ĐƯỜNG

(285/110 Trần-bình-Trọng — Chợlớn)

IV

Ai nhặt giùm tôi những lá vàng ?
Góp về đây lót nẻo thu sang.
Đêm khuya trống-trải phòng khuê lạnh,
Chân gối đầy vơi ánh nguyệt quang !
Tĩnh giấc, bàng-hoàng thu trở lại,
Giao mùa quạnh-quẽ, bướm đi hoang !
Thu nay về ngập ngừng đâu đó ?
Ai nhặt giùm tôi những lá vàng ?

NGUYỄN THỊ MỸ-LINH

(Tòa Thị-chính — Đà-Nẵng)

Thu ơi, ơi nhuộm lá thu vàng ?
Muôn sợi tơ lòng dệt ngồn ngang.
Héo hắt hơi may, đầu thoáng lại,
Lững lờ mây trắng, nhẹ trôi sang.
Cố hương ngàn dặm cam hồ hững,
Duyên kiếp ba sinh chịu bể bàng.
Mấy mảnh u tình toan buộc chặt,
Thu về như gợi mối bi quan.

Lá ngô rơi rụng báo thu sang,
 Cánh nhạn tung mây, cuốn bụi ngàn.
 Xơ xác rừng phong, trời âm đạm,
 Tiêu điều gác nguyệt, đất thênh thang.
 Tương lai mộng đẹp, nhìn trăng bạc,
 Du tử hồn quê, gởi gió vàng.
 Nửa gối canh tàn, mơ thấy bướm,
 Trăm năm thân thế luống bàng hoàng.

MINH-KHA
 (63 đại lộ Khổng-Tử — Chợ Lớn)

VI

Thu ơi ai nhuộm lá thu vàng ?
 Gọi khách giang-hồ mộng chứa-chan
 Mộng buổi non-sông ngời chiến-thắng,
 Mơ ngày đất-nước chói vinh-quang.
 Mong hồi thanh-trị chung đoàn-kết
 Ước thuở thanh-bình chẳng rã-tan
 Chờ lúc Bắc-Nam vui thống-nhất,
 Trông Cà-May thắng tới Nam-Quan.

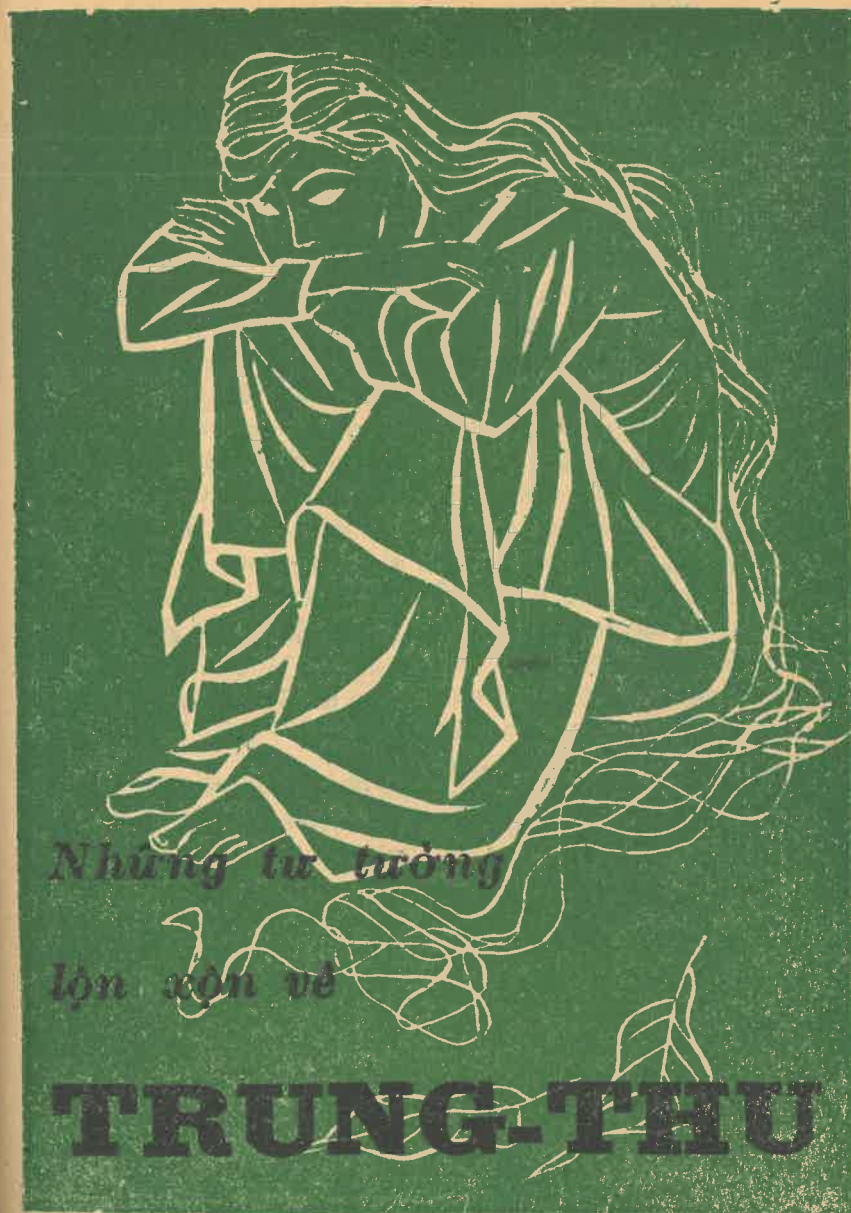
CAO-THIẾU-LANG
 (34, Đại-lộ Thống-nhất—Sài Gòn)

VII

Heo hắt thu phong cuốn lá vàng,
 Răng ai nhuộm lá buổi thu sang ?
 Núi cao ngai tiết, sâu đôn lạnh,
 Trăng sáng, vì sương hận bẽ bàng.
 Thơ thân giữa dòng thuyền lữ g dừng,
 Nỉ non trước dậu khách mơ màng.
 Thu về chạnh nhớ nghìn thu trước !
 Kìa bóng Minh-Hoàng, tiếng học vang !

YÊN HÀ KHÁCH

(Giáo-sư trường Đại-học — Saigon)





Hồi nhỏ tôi học ở Trường Hàng Vôi. Tôi ở nhà cô tôi ở Phố Hàng Hòm. Mỗi ngày

phải đi qua Phố Hàng Gai 4 chuyển. Những ngày thường Phố Hàng Gai không có gì lạ. Nhưng gần tết Trung-Thu thật là hấp-dẫn vô-cùng. Nào là đèn kéo quân, nào là tiền-sĩ giấy, nào là đèn xếp, đèn lồng và vô số đồ chơi khác được bày ra ở khắp các cửa hàng.

Anh em tôi chỉ được phép coi mà không có tiền mua. Số con nít như chúng tôi đông hơn số con nít được cha mẹ dẫn tới để lựa và mua những món đồ chơi vừa ý muốn của chúng nó. Chúng tôi chẳng những thèm mà còn ghen, còn tức, còn căm-hờn những kẻ được sung sướng hơn mình.



Lớn lên tôi có vợ và có con. Saigon không có phố Hàng Gai như Hà-nội. Nhưng Saigon cũng có bán đồ chơi cho con nít trong dịp Trung-Thu. Tôi nhút-định trả cái thù hồi niên-thiếu là phải làm sao cho con tôi được sung-sướng hơn tôi hồi trước, nghĩa là cho chúng nó có

đồ chơi trong ngày Tết Trung-Thu để chúng nó khỏi thèm-khát, khỏi căm-hờn những đứa trẻ tốt phước hơn chúng nó.

Tôi nhút-định như thế nhưng lại không làm theo ý-định được. Khi chúng nó chưa biết chơi thì tôi có tiền. Nhưng tới tuổi chúng nó biết chơi thì tôi lại không giữ tròn lời hứa. Mẹ chúng nó lo cho chúng nó ăn còn chẳng xong, làm sao mua được đồ chơi cho chúng nó? Bây giờ chúng nó đã lớn xộn, có đứa đã đi làm. Chúng nó không còn thèm - khát những đồ chơi tháng Tám nữa. Nhưng dầu sao chúng nó cũng đã như chúng tôi, đã trải qua những giờ phút bất-mãn và bất-bình trong những ngày tết của trẻ thơ.



Hai thế-hệ nói trên đã chịu ảnh-hưởng của chế-độ thực-dân và sống thiếu-thốn trong những ngày tao-loạn. Năm nay là lần thứ nhút tôi được tham-gia cái Tết của trẻ em dưới chánh-thề Cộng-hòa vì mấy năm trước tôi còn mắc kẹt trong vòng lao-ly. Tôi không quá lạc-quan mà cho rằng chánh-thề của ta có chiếc đũa của bà tiên mà làm cho tất cả các nhi-đồng Việt-Nam được

đồng-đều sung - sướng. Nhưng tôi chắc rằng dầu sao thế-hệ này cũng khổ hơn những thế-hệ trước kia. Căn-cứ vào số trẻ em được cấp sách tới trường so-sánh với số học-sinh những lớp trước, ta có thể tin rằng ta không đi thật lùi và đời sống của trẻ em được chăm sóc nhiều hơn.



Trẻ em được đi học nhiều hơn thì số trẻ em có đồ chơi trong dịp Trung-Thu này cũng nhiều hơn, bớt thêm khát, tủi-nhục và căm-hờn.

Hồi nhỏ thỉnh-thoảng tôi cũng có dịp lên chườn. Những dịp đó là những tháng bãi trường mà tôi được đi tỉnh đề sống với Thầy tôi, làm thông-phán Tòa-sứ. Nhà có bồi, có bếp và tôi được lên chúc cậu ngon lành. Có một bữa tôi vác chén ra trước cửa mua chè lại nhằm lúc gặp một ông bạn đồng-liêu của thầy tôi thấy được. Ông rầy một cách thân ái : " Sao không bảo người ở nó đi mua cho. Con ông phán mà vác bát đi mua chè ".

Tôi không buồn ông bạn của thầy tôi. Trái lại tôi hãnh diện được có người biết tôi là con ông phán và khuyên tôi nên ở nhà ở, chị ở có người

giữ gìn cái thề thống của mình. Mà tôi càng giữ gìn cái thề-thống của tôi bao nhiêu thì tôi lại càng bị chú bếp, anh bồi xa cách tôi bấy nhiêu. Nói xa cách chứ thật là ghét bỏ.



Tôi lập gia-đình ở trong Nam. Người Nam không có lối kêu con bằng cậu mà cũng không có lối bắt buộc kẻ ăn, người ở của mình phải kêu con chủ nhà bằng cô hay bằng cậu. Hồi chúng nó còn ẵm ngửa thì ai cũng âu-yếm kêu chúng nó bằng em. Khi chúng nó đã biết đi, đứng, nghịch-ngợm, khóc-kê và ăn vạ thì người ta hay kêu chúng nó bằng mầy. Những người được trả tiền để chăn nuôi chúng nó cũng gọi chúng nó bằng mầy. Có khi chúng nó cũng làm cho người ta buồn. Có khi cha mẹ chúng nó vì binh con vô-ly cũng làm cho người ta tủi. Nhưng phần nhiều người ta thương yêu chúng nó thật-tình vì người ta được coi chúng như con, em và được gọi chúng nó bằng mầy. Hiện có đứa đã lớn xộn mà thỉnh thoảng vẫn có những bà vú già lụm-cụm hay con ông phán và khuyên tôi nên ở nhà ở, chị ở có người

đã tóc bạc hoa-râm tới thăm chúng nó vẫn gọi chúng nó bằng mây hay bằng em như trước. Chúng nó chưa từng hãnh-diện được người ta tôn-trọng trên địa vị « con ông phán », nhưng chúng nó sung sướng được người ta thương yêu và giữ vững sự thương yêu cả mấy chục năm trường.

Phong kiến trọng tôn ti trật tự rồi làm dung tôn ti trật tự để ngăn cách con người với con người. Xã hội không đứng trên một miếng đất phẳng và được hình dung như một cái thang. Mỗi nấc thang có một lớp người đứng nhất là ông ngồi cao chót vót, khổ nhất là người ngồi nấc cuối cùng. Còn những người ngồi ở các nấc khác thì dầu tuy có đội người ta mà chùn vẫn được đạp lên đầu những kẻ khác.

Qua tới ông tư bản thực dân thì tiền là tất cả. Mua chuộc người cũng bằng tiền. Làm cho người ta phải tủi nhục, đau đớn khổ sở cũng bằng tiền.

Cả hai cái thế lực phong kiến và thực dân đã xúm nhau vào mà thao túng con người, làm méo mó cả cái nhân bản của dân ta. Lòng người lớn khổ nạn tình

nhân ái thì lòng con nít cũng héo mòn khô cạn.

Kể tới ông Cộng sản đề ra sự giáo dục căm thù, nhưng dầu là chỉ nhằm vào thực dân và phong kiến thì sự căm thù cũng không đem lại lòng nhân ái đối với đồng bào đồng loại. Trong thời kỳ kháng chiến, sự căm thù còn có đối tượng. Sau thời kỳ kháng chiến, tôi nhứt định đã đào căm thù.

Nay đã sang Thu. Sắp đến ngày Tết của trẻ em. Đời tôi cũng đã sang thu. Tôi đã sống những ngày rạo rực của tuổi xuân. Tôi đã sống những ngày gay gắt của mùa hạ. Tôi sắp qua những ngày đông tàn tạ thì tôi càng tha thiết với mùa Thu êm dịu và hiền hòa. Tôi trông đợi mùa Thu không phải là để ngắm mảnh trăng thu. Chị hằng năm nay chưa chắc đã rực rỡ huy hoàng mà rất có thể bị mây mờ che phủ. Tôi trông Trung - Thu là trông ngày tết của trẻ em, những mầm non của dân tộc. Tôi mong cho hết thầy đều có đồ chơi, nhưng nếu có cậu nào mà cha mẹ không thể mua đồ chơi cho được thì xin đừng có bất bình, bất mãn và hậm hực.

Với những kẻ có đồ chơi, Nhưng tôi cần nhân nhủ với những cậu có dư đồ chơi và thứ nhứt là những đồ chơi mắc tiền mà cha mẹ các cậu thừa sức mua cho các cậu. Nếu các cậu có hảo tâm mà cho các bạn nghèo lối xóm chơi chung là tốt lắm. Nhưng nếu không làm thế được thì các cậu cũng chớ nên vinh may, vinh mặt làm oai, làm phách với những con nhà nghèo. Chúng nó tủi về sự không có đồ chơi thì ít mà tủi về những thái độ bất nhã đó nhiều hơn. Cái tủi hổ sẽ đưa đến sự căm hờn làm mất đoàn kết và là sự độc-độc nguy hiểm nhứt trong tâm hồn con nít. Các cậu có lẽ còn nhỏ quá chưa lãnh hội được những ý tôi muốn nói. Nhưng muốn nói với những bậc phụ huynh của các cậu thì tôi lại ngập ngừng sợ thất lễ.

Tôi trực nhớ tới một truyện xưa, truyện ông Sở Quân làm chức thái phó dạy Thái tử ở đời Hán. Thái tử học thành tài, ông xin về nghỉ. Vua ban 20 cân vàng. Thái tử thưởng riêng 50 cân. Ông dùng tiền đó đãi đãi xóm làng hết. Con ông nhờ cậy người tới nói với ông phải nhún nhút để lập nghiệp.

Ông trả lời : « Tôi vẫn lo chức trăm năm cho con tôi rồi. Ruộng đất nhà tôi cũng còn, nếu

con tôi chịu khó làm ăn thì nội đó cũng ăn được trọn đời. Tiền này Vua và Thái tử ban cho tôi dưỡng già chứ có phải để sắm thêm gia nghiệp đâu. Nay tôi có sắm thêm ruộng nữa thì tức là tôi muốn cho con tôi biếng nhác đó. Nó hiền mà nhiều của thì hại chí. Nó ngu mà nhiều của thì thêm lỗi, mà người ta còn oán ghét nó thêm. »

Ông Sở Quân thường hay nói câu này : « Tri túc bất nhục, tri chi bất sĩ, công thành, danh thối, thiên chi đạo dã. » Nghĩa là : « Biết đủ thì không nhục. Biết thôi thì không hổ. Công thành thì thối lui. Đạo trời là thế đó. » Những người tuổi đã sang Thu hay đang khô héo trong những ngày đông tàn tạ càng nên suy nghĩ những lời nói của người xưa. Ta không làm lại được cuộc đời của ta, nhưng ta đặt tất cả hy vọng vào thế hệ sau ta để làm tiếp những công việc ta còn bỏ dở và để cho nhân loại càng ngày càng tiến bộ hơn lên. Và muốn vậy thì phải BIẾT ĐỦ, BIẾT THÔI trong những công việc tranh danh, đoạt lợi, ích kỷ, bôn ba, nhưng cũng phải BIẾT CÒN, BIẾT NỬA trong công việc giáo dục và xây dựng cho những kẻ kế nghiệp ngay từ hồi chúng còn là những thiếu nhi đương mong có đồ chơi Tháng Tám.

NHỮNG GIỌT MƯA THU

★ PHONG-CẨM

H

ôm ấy là một ngày đầu thu mưa rơi không ngớt, thành phố lầy lội, tôi không thể ra khỏi nhà.

Một người bạn đến thăm mách cho một chỗ dạy tư.

Ấy là nhà Hà-Lương, một phú thương Trung - hoa. Ông có hai cô con gái đến tuổi cập - kê và người cháu trai vừa trưởng - thành. Cả ba cần luyện Việt-văn để thi vào Trung-học.

Gia - đình họ Hà ở trong một tòa nhà rộng lớn kiến - trúc theo xưa. Hà-Lương tuổi đã cao, tóc râu điểm bạc, dáng người phúc-

hậu hiền lành, nói tiếng Việt rất rành. Ông niềm - nở tiếp tôi đưa đi xem chỗ dạy học ở trong cái nhà thủy-tạ xây trên cái hồ có chiếc cầu gỗ bắt ngang.

Thật là thơ-mộng. Đứng ở đây tôi có cảm - giác đang thưởng - thức một bức tranh thủy - mặc ; dưới hồ sen nở tung-bùng, nước xanh trong vắt, từng bầy cá vàng bơi lội nhón-nhờ. Nơi đầu cầu gỗ bước vào nhà thủy-tạ, nhô lên hai cụm liễu mảnh mai, lá lên xanh biếc, một ngọn gió thoảng qua làm rung-rinh nhánh liễu gầy buông rơi những giọt nước mưa long-lanh như giọt lệ.

Chính nơi này bắt đầu buổi

học đầu tiên với nhiều cảm - giác nhẹ-nhàng êm-ái lắng xuống đáy lòng tôi khi giáp mặt hai cô gái họ Hà. Quả nhiên hai đứa hoa đẹp, cái đẹp thủy-mị đoan-trang thuần Á-Đông, ít thấy ở thành-phố đầy ánh sáng văn-minh. Họ vẫn vóc bím, cài vành lược bạc, mặc áo chèn màu xanh, hường, không son - phấn mà má vẫn hồng, da trắng, mi cong, mắt đen long lanh như gợn nước hồ thu.

Họ là chị em song-sanh, tuổi độ đôi mươi, chỉ có thể phân biệt ở chỗ một cô hơi gầy lẳng-lẽ trang nghiêm, một cô liếng-thoảng cười đùa hồn nhiên.

Nhị Quyên, chính cái cô ít nói ít cười là chị, cô em lại là Tam-Quyên, người thứ ba kẻ như là ngoại cuộc : Hà Lâm, anh họ của hai nàng.

Những giọt mưa thu vẫn dật kín màn trời vẫn đục như âm-thầm dật nên những sợi tơ tình dề gần bó tâm hồn đa cảm vào lưới yêu đương qua các buổi học phân thiết mà thầy và trò tuổi hây còn xanh quá.

Nào mình có dối được lòng mình đâu ! Vẫn tưởng đóng vai nhà mô phạm, mình không có quyền mơ tưởng bóng hình cô học trò xinh đẹp, nhưng mà tuổi tôi

cũng chỉ mới đôi mươi, tuổi nàng cũng không kém lứa, gần nhau thân thiết, tự nhiên tôi thấy cái gì khác lạ náo nức trong lòng. Làm sao cắt nghĩa được tình yêu ?

Tôi đã thầm yêu Nhị Quyên. Ở nàng tôi thấy phản chiếu hình ảnh của con người thường hiện ra trong giấc mơ hoa. Đôi lúc tôi cảm thấy mình quá mơ mộng, viễn vông, làm gì nàng có thể yêu tôi. Dầu sao giữa hai đảng vẫn còn có sự cách biệt của bức tường chung tộc.

Yêu dề rồi đau khô, ôm mối tình tuyệt vọng thì thà đừng yêu. Ý nghĩ thầm kín này làm tôi băn khoăn, chán nản. Nhiều buổi học trôi qua trong yên lặng, lạnh-lùng, mất vẻ hăng hái vì kẻ có tình thường hay giữ ý và lời. Tưởng rằng lòng tôi mãi-mãi chôn chặt một khối tình, thế rồi một hôm tôi tìm được sự nhẹ nhàng sung-sướng như kẻ lạc loài nhìn thấy một tia lửa giữa đêm mù.

Những gợn mây mù vẫn đục bám lấy bốn mái đầu xanh dường như bị xóa tan đi nhường cho sự vui vẻ hồn nhiên hứa hẹn một tình yêu nhẹ nhàng chớm nở. Như giảng «Truyện Kiều» tôi hỏi Nhị Quyên, Tam Quyên cách phục sức của đàn bà thời xưa. Nhị Quyên

mãi đang suy nghĩ, Tam Quyên làm lạnh trả lời một câu khiến ai cũng phải bật cười :

— Nên dùng Thuốc Bắc.

Thì ra Tam Quyên hiểu lầm «phục sức» có nghĩa y phục và trang sức ra phục hồi sức khoẻ, tôi phải mất công giải thích cho cô gái liếng thoắng hiểu rằng Thúy-Kiều không phải bệnh hoạn gì nên chẳng có chuyện điều trị bằng thuốc Bắc thuốc Nam.

Hiều vỡ lẽ ra. Nhị Quyên khoan khoái tươi cười. Đây là nụ cười đầu tiên tôi được thưởng thức trên môi người đẹp từ ngày vào dạy học đến nay. Nó làm cho tôi sung sướng vô cùng. Thật tình chưa lúc nào nụ cười hé nở trên đôi môi hồng thắm kia. Nụ cười ngẫu nhiên càng tăng thêm vẻ đẹp trên gương mặt yêu kiều của cô gái đôi mươi.

Giữa hai chị em giống nhau như hai giọt nước, chỉ một cô hơi gầy và diêm-dạm mang lại cho lòng tôi một thứ hương yêu nhẹ-nhàng tinh khiết và bằng bạc như ánh trăng thu.

Buổi học vui vẻ trôi qua, tôi bắt đầu chiếm bụng lòng yêu của Nhị Quyên mà không hay. Ít ngày sau nàng mượn tôi mua dùm một quyển «Truyện Kiều». Dịp tốt

cho tôi ngỏ nỗi lòng, tôi viết một bức thơ lời lẽ chân thật ép vào quyển sách đem trao cho nàng. Tôi hồi hộp đợi chờ. Buổi học hôm sau và hôm sau nữa Nhị-Quyên thỉnh thoảng vắng mặt. Tại sao? Chỉ biết rằng nàng ngộa bệnh. Nàng bệnh thật hay cáo bệnh để tránh gặp tôi? Tôi làm cho nàng khinh rẽ, ghê tởm giận hờn? Tôi không khỏi băn khoăn, giá tôi đừng viết thư tỏ tình thì có phải êm thắm không? Làm sao tôi cưỡng được sự rạo rức của con tim. Bây giờ lỡ rồi, tôi đành âm thầm chịu lấy sự bất rứt của lương tâm.

Ngờ đâu Nhị Quyên lâm bệnh thật. Một tuần sau mới biết chắc hẳn khi thấy lương y đến xem mạch hốt thuốc cho nàng. Tôi chợt rõ nàng mắc bệnh đau tim. Từ ngày mẹ ruột qua đời, nàng vướng phải chứng bệnh nguy-hiểm này. Mọi sự kích động mạnh mẽ đều có thể làm cho bệnh nàng tái phát. Bức thơ của tôi có liên-quan gì đến cơn bệnh của nàng? Cảm-dộng ư? Phần nộ ư? Gia-đình đình-ninh tại đời gió, trở trời, còn tôi nghĩ rằng tại bức thơ.

Tôi xin phép thăm nàng, song cha nàng từ chối bảo nàng cần

vinh-dưỡng. Các buổi học kế-tiếp kéo dài trong sự buồn-tênh, lạnh lùng như những giọt mưa thu rã rích ngoài trời. Tôi nhìn khung cửa sổ đóng im lìm trĩu nặng buồn thương.

Nhiều hôm nay một sự lạ âm-thầm diễn ra, tôi bắt chợt Tam-Quyên và Hà-Lân nhìn tôi bằng con mắt khác thường, thiếu êm-dịu. Tôi làm gì phật lòng họ? Tôi đã gieo sóng gió vào cái gia-đình một già ba trẻ?

Quả đúng như sự linh cảm. Buổi sáng tôi vừa vào đến cổng thì gặp Hà-Lương ra đón, mời vào phòng khách. Họ Hà vẫn giữ thái-độ diêm-dạm ôn-hòa mời tôi dùng trà. Trong sự êm - dịu thường chứa đựng cả cơn phong-bà. Bất ngờ Hà - Lương hỏi tôi bức thơ tình gửi cho Nhị-Quyên.

Như kẻ cắp bị bắt quả - tang, tôi cúi đầu im lặng nhận hết lỗi lầm. Hà - Lương cho biết vì bức thơ kia có lời lẽ kích-thích nên khiến bệnh tim của Nhị-Quyên tái phát. Nói đến yêu-dương họ Hà bảo rằng một cuộc tình duyên Hoa-Việt không bao giờ thành-tựu.

Trả bức thơ lại tôi, họ Hà đưa tôi vào phòng con gái nhờ an-ủi

nàng và khuyên nàng quên đi mối tình ngang trái.

Bây giờ tôi mới rõ lòng yêu của Nhị - Quyên. Mới có mấy ngày mà nàng biến đổi rất nhiều. Hình vóc thêm gầy, làn da mét xanh, đôi mắt lơ lơ như một mối tuôn nhiều ngấn lệ. Đang nằm mẹp trên giường, vụt thấy tôi lù lù hiện đến, nàng vùng chồm dậy chạy đến toan ngã vào lòng tôi. Nếu không có Hà - Lương ở đó có lẽ tôi ôm chầm lấy nàng rít lên những tiếng yêu-dường.

Nhưng bấy giờ tôi phải tỏ ra lãnh đạm nói lên những tiếng tuyệt-tình nên đi nổi lòng thốn-thức. Tuy yêu nhau nồng thắm vô cùng đến khi được gặp mặt nhau chỉ lặng - lẽ mà nhìn dè rồi thốt ra những lời phụ nhau, còn gì đau khổ cho bằng. Nỗi đau khổ càng thêm thắm thía bằng những giọt lệ của nàng tiến tới về; tuy phải xa nhau nhưng làm sao giấu được lòng nhau!

Mưa thu vẫn nhỏ giọt đều đều, trời lạnh, mây mù buông thấp như khâm liệm một mối tình vừa tan vỡ. Lặng lẽ, thần thờ tôi ra khỏi nhà họ Hà bằng mình trong mưa rơi, gió lạnh. Từ đây không

bao giờ tôi trở lại, từ đây dưới mái nhà thủy tạ, bên đôi cùm liễu gãy, bên đàn cá vàng nhớn như bơi lội sẽ không còn bốn mái đầu xanh chụm vào nhau đề rồi cảm nhau bằng tình ý và lời. Tại vì đâu, nếu không phải vì người Hoa kẻ Việt?



BẮT buộc phải xa nhau... Tôi vẫn không làm sao quên được bóng hình của người con gái di-bang âu sầu trong khung cửa. Liên tưởng đến phút tiễn đưa nhau bằng nước mắt lòng tôi ngậm ngùi chưa xót biết đời nào nguôi.

Thật ra, tình của chúng tôi tha thiết lắm chớ nào phải mối tình thoáng qua trong mưa bay gió lạnh. Cho nên khi trở về nhà cũ lẻ đẽo những kỷ niệm cũ lại hiện về đeo đuổi như một ám ảnh nặng nề.



★ LÝ-LUẬN DÀN BÀ.

Trong sân ga, ông chồng nhìn theo chiếc xe lửa chạy xa dần, phàn nàn với vợ:

— Nếu em không sửa-soan lâu quá thì mình đã đến kịp rồi.

Bà vợ: — Đành vậy. Nhưng nếu anh dừng hỡi em, thì mình khỏi đợi chuyển sau lâu quá.

T.L.L.

Rồi bỗng một hôm, có người đến dăm cửa trao bức thư của nàng. Lòng hồi hộp mở thư ra đọc. Thư báo tin buồn bệnh nàng nguy kịch sáng nay nàng phải xuống tàu trở về cố quốc, nàng ước mong được thấy tôi ra tiễn đưa ở tận bến tàu.

Đọc xong thư nàng, tim tôi đập mạnh. Nhìn lại đồng hồ, tôi sửng sờ hoảng hốt rồi cầm đầu chạy như một người điên.

Trời lại lấm tấm mưa rơi, nền mây âm đạm, tôi tìm đến tận nơi thì con tàu cũng vừa tách bến ra khơi mang theo người yêu không bao giờ gặp nữa.

Nghẹn ngào chưa xót tôi ngừng nhìn mưa rơi mỗi lúc thêm nặng giọt. Những giọt... mưa thu, giờ đây biến thành những giọt... lệ khóc than mối tình đầu tan vỡ chỉ còn âm vang trong lòng tôi những buồn thương mãi mãi không thôi...





I cũng biết một năm có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông, mà mùa Thu thứ Ba trong năm. Nếu theo

Dương-Lịch thì mùa Thu bắt đầu từ Lập-Thu và chấm dứt vào Lập-Đông nghĩa là từ 4 - 8 đến 1-11 DL-1959. Âm - Lịch của nước ta tính theo lịch của nhà Hạ (khoảng năm 2205-1766 trước TC) định mùa Thu năm vào các tháng 7, 8, 9 Âm-Lịch. Theo nhà Thương (1766-1122) định tháng Chạp là tháng giêng, thì mùa Thu bắt đầu từ tháng 6 AL. Nhà Chu (1122-250) cho mùa Thu rơi vào tháng 5, 6, 7. Nhà Tần (246-207) dời mùa Thu vào tháng 4, 5, 6.

Nhưng Thu là của Trời đất, mà Lịch là của loài Người, không vì người mà Thu sai chệch. Thu báo hiệu trước khi đến :

«Ngô-dồng điệp lạc: Thiên hạ cộng tri thu.» (Lá ngô đồng rụng, ai cũng biết là Thu đến).

Và rằm tháng 8 khi trăng tròn sáng suốt là Trung-Thu.

Nói đến Thu thì ai cũng biết tích

Đường-Minh-Hoàng du Nguyệt-Điện và mối tình tuyệt-dối giữa Quý - Phi và nhà Vua thì - sĩ Huyền-Tôn (713-755), ai cũng nhớ đến chiếc áo Thúy-Dịch, với Vọng - Nguyệt - Đài nơi đó chẳng bao giờ Đường - Minh - Hoàng được cùng Quý - Phi thưởng ánh trăng rằm vì An-Lộc-Sơn đã dấy loạn. Ai cũng nghe nói đến điệu Nghê-Thường Vũ khúc kỳ thực là bản Nhạc Bà-la-Môn của Tiết-Độ-Sứ Hà-Tây Dương-Kính-Thuật (Theo sách Thiên-báo di-sử và Long-Thành-Lục trích trong Đường-dại Tòng-Thư).

Duy chỉ có ngày Tết Trung - Thu do ở đâu mà đến và truyền lan đến nước ta hồi nào, không có sử sách nào ghi chép rõ cả.

★ SONG-AN CƯ-SĨ

Cuốn sách xưa độc nhất của Việt - Nam có đề - cập đến rằm Trung-Thu có lẽ cuốn «TANG - THƯƠNG NGÂU - LỤC» do các văn - sĩ Phạm - đình - Hồ và Nguyễn - Ân viết. Trong bài «VƯƠNG - PHỦ CỔ-SỰ», (Nhưng việc cũ trong Phủ Chúa Trịnh) tác-giả có ghi một lễ vui trong đời sống của Chúa Trịnh

và của nhân-dân thời ấy,

Chính Nguyễn-Ân cũng nghe một anh đầu bếp cựu nội-thị của Chúa Trịnh Tĩnh-Vương Trịnh-Sâm (1767-1782) kể lại trong khi anh ta làm mướn cho tác-giả.

«Hàng năm đến ngày rằm Trung-Thu thường có tổ-chức lễ vui lớn. Trước đó vài tháng Chúa lấy gấm vóc trong kho giao cho kẻ tùy thuộc dùng để kiến-tạo ra nhiều thứ đèn. Mỗi lần làm hàng trăm nghìn chiếc. Họ thi nhau chế tạo ra nhiều kiểu kỳ-lạ tinh-xảo khác thường. Mỗi chiếc trị-giá đến vài mươi lạng bạc thôi ấy.

Chúa Trịnh có một nơi gọi là Bắc Cung. Trong đó có một chiếc hồ đặt tên là Long Trì rộng chừng nửa dặm vuông (2 esu) chung quanh có đường đi trồng liễu rất đẹp. Ven hồ các đại đóa mọc đầy. Đến mùa thu các nở hoa hương thơm ngát. Nội thị lấy các chiếc đèn làm ra treo suốt theo bờ hồ trên các cành liễu. Họ còn lấy hoa lá kết từng quán nhỏ bên bờ hồ.

Đến ngày rằm Trung Thu nội thị từ tam phẩm trở lên giả trang làm phụ-nữ đem hàng bày bán : hoa quả rượu thịt chất từng đống như núi nhỏ. Đến đêm lên đèn,

ánh đèn lấp-lánh qua cành liễu soi bóng xuống hồ lại thêm trăng thanh gió mát hương các dịu dàng rất là ngoạn-mục.

Cung nga thị nữ lẫn lộn với gia-đình quan-lại trẩy hội đông đúc. Tiếng trả giá mua hàng chòng ghẹo cười đùa giòn cợt ồn cả một khu. Dân gian cũng trà trộn vào xem tấp nập.

Chúa Trịnh lên xe ngựa đến thưởng vui với quan dân cung nữ. Màu sắc hòa nhịp với trăng ngà, hương các, mùi phấn ngậy ngất hoa tình. Đúng nửa đêm Chúa Trịnh xuống thuyền cùng với phi tỷ cung nữ.... Thuyền được treo đèn kết hoa đầy ra giữa hồ thả trôi theo làn gió. Ban Văn Công từ chiều phục vụ trên một khán đài gọi là Hữu Ao được lệnh tháp tùng theo. Tiếng nhạc trầm bổng du dương vọng trên mặt hồ.

Chúa Trịnh cùng các người đồng hội say hương hứng rượu đồng gõ mạn thuyền nhịp mái chèo cất tiếng hát theo lối đờ đưa. Giục đưa lại, vắng vắng các câu đối đáp tình tứ rất rào. Tiếng sáo, chơi với tiếng địch trầm lắng, tiếng nhị hồ gọi nhớ xen lẫn với giọng thanh thanh của cung nữ, giọng kìm vàng

của những chàng ca sĩ mai danh nào đó... Cảnh tượng thật là vô cùng ngoạn mục.

Trên bờ, nhân dân chen lấn hoặc kẻ có gan phóng lên một câu hò thâm thúy và đội ngoài thuyền đối đáp... Trăng, Hoa, Đèn... thật là vui nhộn. Cuộc dạo thuyền có khi kéo dài tới lúc trăng xế bên gành, tiếng gà gáy sáng mới chấm dứt ! »

Nhân đó dân - gian cũng bắt chước theo Chúa, tồ-chức tại gia những cuộc họp mặt đề thưởng trăng. Tùy theo nhà giàu, nghèo, quan-quyền hay dân-giã, họ sáng chế ra những kiêu đèn đặc-biệt: đèn tự-dộng xê - dịch các con bù-nhìn, lật-đật bắt chước sự thật ở đời trông cười tẻ, có thứ đèn nhắc lại tích Bát-Tiên-quá - Hải, có thứ đèn dùng sự chuyển-vận của hơi nóng từ thấp lên cao, đề xoay một vòng giấy có dán hình binh-lính, chiến mã... Ánh đèn thấp ở trong in hắt bóng các hình giấy lên bìa đèn. Vòng giấy quay, các «bóng» chạy: Một màn ảnh thô-sơ. Đó là chiếc đèn kéo quân ! Nhưng nhà nghèo thì tạm dùng các thứ đèn bình-dân thô-kệch hơn : đèn tôm, cua, rùa, cá, thỏ, ếch, xếp v.v... Nhưng nhà nào cũng gắn làm sao cho có một Ông nghệ giấy.

Đèn Ông Nghệ giấy là tượng trưng cho khoa-cử, cho kết - quả của mười năm đèn sách, cho xu-hướng của thời-đại. Ông Nghệ hay là Tiến-sĩ là một cấp bằng khá cao trong ngành khoa - cử : Trên hết là Trạng-Nguyên, Bân-Nhân Thám-Hoa (Nhất - Giáp) Hoàng-Giáp (Nhị-Giáp) rồi tới ông Tiến-Sĩ tục gọi Ông Nghệ (Tam-Giáp), Ai cũng ưa thích cho con mình đậu Ông Nghệ đề «đề hàng Tòng», đề «ăn trên ngồi trước», đề dành đầy đủ may-mắn bước vào hoạn-đồ. Mãi sau khi « Ông Nghệ, ông Cống cũng nằm co » thì xu-hướng lại chuyển qua các «ông Phán Ông Thông đề «tối rượu sâm-banh, sáng sữa bò». Nhưng danh từ «Tiến - Sĩ giấy» cũng là một danh-từ chế-diệu dùng để chỉ-trích các anh chàng vênh-váo tự-phụ là «thần-đồng» rui thi trượt.

Mùa Thu là mùa gặt hái, nên nhân-dân có thời-giờ nghỉ-ngơi. Mùa Thu cũng là mùa sửa-soạn cho những cuộc truyền-từ lưu - tôn.

Bởi thế các bánh trái thường căn-cứ trên những nông - phẩm vừa mới gặt được : bánh dẻo, cốm dẹp... và Hát Trống-Quân. Trống-Quân là do chữ Trung-Quân mà ra. Mỗi khi đi - dịch

binh-lính cần phải chuyển - vận quân - nhu quân - cụ rất nặng, thường đặt ra những câu hò ngắn - đề vừa đi vừa hát cho quên mệt. Dân-gian bắt chước, đem áp dụng vào đời sống thường ngày.

Họ gặt hái xong là trai gái rủ nhau hát trống - quân. Trống là một cái thùng sắt tây (thùng dầu hôi) có sợi giây dừa chằng ngang miêng, hai đầu đóng xuống đất. Khi hát họ gõ nhịp vào giây, khiến thùng phát ra những tiếng đệm bập bùng, bập bùng, tùy theo đánh mạnh hay nhịp (như đàn contrebasse), Có người nệ cổ cho

điệu hát Trống-quân là một điệu hát Tàu nhập-cảng bắt nguồn từ bài Nguyệt-Xuất trong Kinh-Thị (Nguyệt-Xuất hảo hề...) Nhưng nói như vậy là không đúng. Điệu Trống-quân là một điệu dân - ca miền Bắc nước Việt cũng như điệu Hò lơ Hò lơ tại miền Nam hay hát giả gạo miền Trung vậy.

Tóm lại, Tết Trung-Thu có lẽ phát sinh từ đời Đường, truyền qua Việt-Nam. Nhưng lễ ấy lại bị dân ta đồng-hóa và biến thành một ngày lễ Nhi-Đồng có tánh chất độc-đáo và đặc - biệt Việt - Nam.



★ TÀI DÂN BIỂU.

Một ông dân biểu trẻ tuổi hỏi ông Churchill :

— Theo ông, một chánh khách phải có những biệt tài gì ?

Ông Churchill đáp :

— Một chánh khách tài giỏi phải có thể tiên đoán sự gì sẽ xảy ra ở ngày mai, và ngày sau nữa, và phải biết giải-thích vì những lý do gì mà những điều ông tiên đoán đó không xảy ra được.

★ KHÔNG SÀNH TÂM LÝ

Nàng.— Hu ! hu ! hu !

Chàng.— Kìa em, sao em khóc vậy ?

Nàng.— (tức tưởi). Hu ! hu ! hu !. Cả tuần nay, em luôn luôn nhắc mình Trung-Thu này đừng cho em gì hết. Vậy mà mình cũng không nhớ cho em một món gì hết !

T.L.L.



Tiếng sáo

H O A
S O N

C UNG con gái như Vua Mục-Công nhà Tần, thời Chiến-quốc bên Tàu, tự cô chí kim thật là hi-hữu. Có lẽ tại vì Công-chúa Lộng-Ngọc là con gái út của Vua chẳng? Hay tại vì nàng đẹp hơn tất cả các nàng Công-chúa? Sắc đẹp của Lộng-Ngọc thật là phi thường, huyền-mơ diễm-lệ như một nàng tiên giáng-thế. Vua Tần Mục - Công rất yêu - quý nàng và rất chiều chuộng nàng.

Biết con gái thích ở nơi tĩnh-

mịch, Vua sai cất riêng cho nàng một nhà lầu tuyệt đẹp, như một cung tiên, tên là Phượng-lâu, và xây ở phía trước một đài vọng-nguyệt, tên là Phượng-dài. Thấy con gái mê nghe tiếng sáo, nhà Vua bèn mời thầy đến dạy công-chúa thổi sáo, và mướn thợ tiện cho nàng một ống sáo bằng ngọc long lạnh màu sắc, xinh đẹp vô ngần.

Công - chúa thổi sáo rất hay.

★ TÂN-PHONG

Tiếng sáo ni-non, lúc khoan lúc nhặt, vi-vu trong gió trong mây, như tiếng tơ lòng reo-rất, khi tĩnh khi say... Công - chúa đêm đêm ra đứng Phượng-dài, thổi tiếng sáo khoan-thai, giọng ngân, giọng dài, như thồn thức chờ ai, nhớ ai... Tiếng sáo du-dương, vọng xa mười phương, như nhắn lời tri-kỷ, ảo-não thê-lương, âm - thâm rên-rỉ... Công-chúa thương ai nhỉ? Nhớ ai nhỉ? Vua Tần Mục-Công dò hỏi ý con:

— Ta muốn chọn người rẽ xứng đáng với con...

Nhưng Công-chúa Lộng-Ngọc mỉm cười buồn-bã:

— Muôn tâu Phụ-Hoàng, biết ai là người xứng đáng với con? Nếu con chưa gặp được người tài-dức song toàn thì thà con ở vậy thôi.

Nói xong, nàng lại khẽ đưa ống sáo lên môi, thổi ra giọng buồn ai-oán, thoang - thoảng xa-xôi...



Đêm Trung-Thu nay đã khuya, Công-chúa Lộng-Ngọc nằm mát ngoài hiên Phượng - đài. Nàng ngược lên nhìn trăng, đôi mắt nàng mơ-màng như quyen-

luyến với Hằng-Nga trên Nguyệt-Điện. Gió thổi hiu-hiu làm rung động bức rèm tơ. Công-chúa lim-dim ngủ, bỗng chợt nghe vắng-vắng tiếng sáo, của ai như thổi khúc nghê-thường, man-mác du-dương từ xa vọng lại.

Ánh trăng bàng-bạc tràn ngập âm - thanh, nàng đang bàng - khuâng xao-xuyến thì, ô kìa! lạ thay! một chàng thanh - niên phượng-phi tuần - tú, cỡi chim phượng rẽ làn mây xanh từ phương tây bay đến. Phút chốc, chàng đã đứng trước mặt nàng, mỉm cười khẽ cúi đầu chào:

— Công-chúa đang chờ ta?

Công-chúa Lộng-Ngọc bẽn-lên đứng dậy, chấp hai tay đáp lễ:

— Dám hỏi chàng là ai? Chàng từ đâu đến đây?

— Ta là người thổi sáo ở trên núi Hoa-Sơn. Số - kiếp đã định đêm Trung - Thu này duyên ta duyên nàng tạo-ngộ. Nàng muốn nghe ta thổi khúc sáo Hoa-Sơn không?

Công - chúa mỉm cười e - lệ. Chàng lấy sáo thổi lên, hiu-hắt lâm-ly, réo-rắc mê - ly... Nàng nghe rạo-rực tâm hồn, như tiêu tan bao nhiêu sầu mộng. Tiếng sáo vừa dứt, chàng bước đến gần nàng, dịu-dàng nắm lấy hai

bàn tay ngọc. Nàng sung-sướng cảm-dộng, không còn thẹn thùng nữa, gục đầu vào vai chàng.

Nhưng Công-chúa dứt mình tỉnh dậy. Nàng hồi-hộp, nao nao: chỉ là một giấc chiêm-bao !

Vâng, chỉ là một giấc chiêm-bao !

Sáng ngày Công-chúa thuật lại rõ-ràng giấc điệp cho Vua cha nghe. Tần Mục-Công mỉm cười :

— Núi Hoa-Sơn cách xa muôn dặm. Sao con lại thấy trong mơ chàng nhạc-sĩ ở Hoa-Sơn ? Con có nhớ mặt chàng không ?

Công-chúa Lộng - Ngọc thẹn thù, đỏ bừng đôi má :

— Chàng là một người toàn-thiện, một người lý-tưởng, đôi mắt mơ-mơ, nụ cười băng quơ...

Vua Tần Mục-Công lại mỉm cười :

— Chỉ là người trong mộng !

Nhưng từ hôm ấy, Công-chúa Lộng-Ngọc biếng ăn biếng ngủ. Nàng thờ-thần như con người mất trí. Nàng lấy sáo thổi, thổi được năm ba tiếng rồi lại ngáp ngừng, như bị mối tơ vương, như nghe lời sầu thương...

Vua Mục-Công thấy thế, bèn

sai cận-thần tên là Mạnh-Minh, phi ngựa đến núi Hoa-Sơn để tìm xem có ai là chàng nhạc-sĩ như người mà Công-chúa đã gặp gỡ trong giấc mơ vàng ?

Mạnh-Minh đi mấy ngày đêm, đến một làng nọ dưới chân núi Hoa - Sơn, và hỏi người làng. Người ta chỉ tay lên núi :

— Trên ngọn núi xanh-xanh mờ mịt khói mây kia có một người thổi sáo.

— Là ai đấy ?

— Không biết là ai. Ngài cứ lên xem, chắc thế nào cũng gặp. Chàng ở đâu đến, từ mấy hôm nay, nhưng ở luôn trên núi, thường ngồi trên tảng đá, thổi sáo vi-vu.

Mạnh - Minh nghe theo người trong xóm, cỡi ngựa trèo lên lưng núi. Quả thật, y trông thấy ngồi trên một tảng đá, một người đang thổi sáo. Y tiến đến chào :

— Chàng là ai đây ? Có thể cho ta biết tên họ được chăng ?

Nhạc-sĩ ngưng thổi, đáp :

— Tôi tên là Tiêu - Sử. Vậy chứ Tiên - sinh là ai ? Đến đây hỏi tôi có việc chi ?

— Bì-nhân là Mạnh - Minh. làm quan trong triều Vua Tần-Mục-Công. Hoàng-đế muốn vời

chàng về Triều để nghe chàng thổi sáo.

— Tôi xin vâng lệnh.

Tiêu-Sử cầm ống sáo đi theo Mạnh-Minh xuống núi về Triều.

Vua Tần - Mục - Công nhìn chàng :

— Nhà người thổi sáo hay lắm phải không ?

Tiêu-Sử khẽ nghiêng đầu, cung kính đáp :

— Muôn tâu Bệ-Hạ, tôi chỉ biết thổi sáo, không biết hay hay không ?

— Nhà người thổi cho ta nghe.

— Xin tuân lệnh.

Tiêu-sử liền đưa ống sáo lên môi, thổi lên một bài. Tiếng sáo êm-ái vang xa, tê - tái tan ra, như tơ lòng nức - nở. Tiếng sáo vi-vu trong tiếng lá mùa Thu, ni-non tan-vỡ... Một ngấn-lệ thanh - thanh rơi trong mây xanh ! Một hơi thở bàng-hoàng hòa trong

gió vàng. Ai chờ ai ? Ai nhớ ai, lòng ai nao-nao, xao-xuyến ?..Trắng Thu lênh-đênh, tình Thu mông-mênh, đâu bờ đâu bến ?... Tiếng sáo vi-vu, êm-ru, bao lời lưu-luyến !...

Nhưng tiếng sáo chưa ngưng, bỗng Công-Chúa Lộng-Ngọc vén rèm bước ra. Nàng bèn lên đến gần Vua cha, quỳ dưới chân Vua, thỏ-thẻ :

— Muôn tâu Phụ-Hoàng, đó là người trong giấc mộng của con.

Sau lễ thành-hôn, Tiêu-Sử về ở với Công-Chúa trong Phượng-



lầu. Mùa Trăng Trung-Thu là cả một mùa Trăng-mặt. Tài-tử giai-nhân say-mê đêm ngày, không ăn, không uống. Tiêu-Sử dạy cho Công-Chúa thổi bài sáo Hoa-Son, đôi uyên-ương hòa chung tiếng lòng với tiếng sáo. Mà lạ thay, dần dần Tiêu-Sử chỉ ăn chút ít hoa quả, Công-Chúa Lộng-Ngọc, vợ chàng, cũng theo như chàng, các món ăn mặn đều không dùng nữa. Đôi tình-nhân thích cùng nhau uống rượu, nhưng say tình mà không say rượu. Một buổi chiều tàn thu, đứng trước Phụng-đài, nhìn xuống vườn Thượng uyển ngập lá vàng rơi, Tiêu-Sử ôm lấy tay Công-Chúa:

— Mùa Thu gió bụi sắp tàn, nhưng tình-yêu của đôi ta sẽ là Thu bất diệt.

Công-Chúa Lộng-Ngọc âu-yếm nhìn chồng:

— Sao có mùa Thu bất diệt?

Tiêu-Sử nói thật cho Công-Chúa nghe:

— Ta không phải người phạm trần. Tên cũng không phải là Tiêu-Sử. Ta vốn là một vị Tiên trên thượng-giới được lệnh xuống trần gian để sắp-đặt lại lịch-sử đời nhà Chu. Ta đầu thai làm con nhà họ Tiêu, cho nên người ta gọi là Tiêu-Lang. Ta học hành thi-đỗ, được bổ vào Quốc-tử-giám

coi về việc sử-sách. Thấy ta có công chinh dốn sử nhà Chu. Vua Chu mới phong cho ta chức-vụ Tiêu-Sử, tính đến nay đã quá 100 năm rồi. Bởi Công-Chúa với ta đã có duyên tiền-định, nên mùa Thu năm nay tiếng sáo Hoa-Son đã nổi chát hai ta đời-dời kiếp-kiếp. Nhưng ta biết trước tình-yêu trên trần-gian này không bao giờ bền lâu. Một mùa Thu! Phải. Nàng ạ, chỉ một mùa Thu! Mùa lá rụng. Cho nên hôm nay Thu tàn, đôi ta được gọi về Tiên-giới. Kìa, nàng xem, trong đám mây mờ, đã hiện ra con Phụng và con Rồng... đang bay về đây...

Tiêu-Sử vừa ngưng lời, thì con Rồng và con Phụng đã đáp trước mái hiên Phụng-Đài. Tiêu-Sử nắm tay vợ:

— Đôi ta từ giờ cõi trần đêm nay, là đêm Thu tàn.

Như một giấc mơ, Công chúa Lộng-Ngọc mỉm cười, theo chồng. Chàng cúi lên con Phụng, nàng cúi trên con Rồng, rồi cả hai bay bổng lên chín tầng mây...

Vua Tần-Mục-Công lập đền thờ con rồng và con gái trên núi Hoa-Son, đặt tên là đền Tiêu-Nữ. Nhà vua ngự-du lên núi thăm đền, rồi trở về Cung. Ngài bước chân lên Phụng-Hoàng-lầu, đứng yên hàng giờ giữa cảnh lầu đài vắng-lặng...

Đôi mắt nhà Vua âm-thầm trào hai ngấn lệ...



10. — MỘNG - SƠN

★ NGUYỄN-VỸ



Ôi muốn dành số đặc biệt Trung-Thu này cho một Nữ sĩ tài hoa mà tính tình và chí hướng đã đặt nàng

vào một địa vị riêng biệt trong nữ giới Hà nội, trước đây 20 năm. Tôi đã nói tên nàng: Mộng-Sơn.

Bước chân vào làng văn một lượt với Anh Thơ, nàng lớn hơn

tác giả «Bức tranh quê» vài ba tuổi thôi.

Con gái thứ hai của một ông quản lý đồn điền ở Chũ, (Phủ Lạng Thương), và có một căn bản học thức tạm đầy đủ. Vũ thị Mai tuy còn là một cô gái trẻ trung nhưng thích ở miền rừng núi hoang - dã hơn là ở thành thị thích Văn thơ và tư tưởng triết lý hơn là trang điểm và các thú

vui vật chất nơi phồn hoa. Lúc đầu lấy bút hiệu là Sơn Tiên, Vũ thị Mai đổi tên lại là Mộng-Sơn sau khi đã đăng vài ba bài thơ khả ái trên báo "ĐÔNG-PHƯƠNG" của Lan Khai.

Nàng có vẻ đẹp rắn rỏi chứ không thùy mị, ưa những cử chỉ và hành động tình nghịch và cương quyết hơn là điệu bộ tha thướt éo lá của phần đông thiếu nữ "lãng mạn" thời bấy giờ. Nàng rất mê đọc sách, và tuy ở giữa miền rừng núi Phủ Lạng Thương nhưng sách gì mới xuất bản ở Hà nội Mộng Sơn đều có nhờ người mua về đọc hết cả.

Rất thông minh — một thông minh thấu triệt được nhiều trạng thái thâm thúy của sự vật, — như Nữ sĩ George Sand của Pháp, và một khiếu nhận xét tế nhị mọi khía cạnh khúc chiết của tư tưởng, Mộng Sơn hai chục xuân xanh mà tinh thần đã cứng rắn và bao quát rộng tầm suy cứu hơn một phụ nữ trên ba mươi tuổi đã đổ vài ba văn bằng.

Nhưng Mộng Sơn không lãng mạn phóng túng như G. Sand, cô tình nhân say mê và bội bạc của Thi Sĩ Musset, và cũng không giản dị ngây thơ như Anh Thơ. Mộng Sơn không ưa đùa cợt

với ái tình và không dễ tình cảm làm chủ lý trí. Lý tưởng của nàng là đem nữ tính đa cảm phụng sự cho tình yêu nhân loại.

Mộng Sơn khác hẳn các thiếu nữ "lãng mạn" của thế hệ tiền chiến, là ở chỗ đó. Văn thơ của nàng cũng thấm nhuần đầy rẫy tình thương sâu đậm ấy.

Hai bài liên tiếp của Thế Lữ công kích thơ của tôi trong hai số báo PHONG HÓA vừa ra được hai tuần lễ, gây một dư luận xôn xao trong Thi Đoàn Bắc Việt, thì Mộng Sơn là cô gái xa lạ từ trên rừng núi Phủ-Lạng Thương gửi bài về nhiệt liệt công kích Thế-Lữ và bình vực tập Thơ của tôi. Từ đó tôi quen với Mộng Sơn, nhưng chỉ giao thiệp cùng nhau bằng thư từ gần một năm trời mà chưa biết mặt. Và cũng từ đây, người ta trông thấy rải rác trong các tờ báo văn học ở Hà-nội những bài thơ của Mộng Sơn làm toàn theo lối thơ Bạch Nga. (Bạch Nga là con Bạch Nga, — Có người gọi là Thiên Nga, — Pháp ngữ là Le Cygne, lông trắng toát, tượng trưng sự trong trắng, thuần túy và tịch mịch của Thơ). Do đó mà

làng Thơ Hà nội lúc bấy giờ gọi Mộng Sơn và tôi là hai con Bạch Nga, và đặt chúng tôi vào gần như một thi phái. Không cần đếm xia đến những lời công kích và mạt sát, Mộng Sơn ngồi ở trên núi rừng xanh của Chủ, hăng hái diễn tả những tư tưởng dồi dào của nàng trong các bài thơ Bạch-Nga gửi về đăng trong các báo Hà thành.

Một năm sau, Mộng Sơn về ở luôn Hà nội, và làm chủ bút tờ báo *Việt Nữ* của Bùi xuân-Học. Nhưng về đây, do sự tiếp xúc với các giới cách mạng, Mộng Sơn dần dần từ bỏ làng Thơ mà bước sang lĩnh vực học thuyết chính-trị. Nàng khao khát cách mạng vô sản và hình như khuynh hướng theo Đệ tứ quốc tế (trotskyisme). Vào khoảng 1938-39, Mộng Sơn không còn là con Bạch Nga duyên dáng kêu vang dưới ánh nắng hồng trên hồ Hoàn Kiếm nữa. Nàng đã trở thành một nữ sĩ rất hăng hái của một nhóm chính-trị.

Từ đó, trên đường tranh đấu cách mạng, Mộng Sơn dần dần xa tôi, vì tôi chủ trương Cách-mạng dân tộc chống Đế quốc và phát xít; đoàn kết tất cả các lực-lượng dân chủ, không chia rẽ giai cấp và không đấu tranh giai cấp,

còn Mộng Sơn thì theo chủ-trương tranh đấu giai cấp nhưng lại cũng chống cả Cộng Sản Đệ-tam quốc tế của nhóm «Stali-niens».

Tuy vậy, mối thông cảm Văn-nghệ giữa chúng tôi vẫn còn. Khi được tin của Trương Tửu cho hay rằng tôi bị bắt và bị giam ở Lao, thì Mộng Sơn đến thăm và đem cho tôi một chiếc bánh mì và một kí chả lụa. Tôi không sao quên được nét mặt cứng cỏi nhưng buồn bã đau đớn của cô gái 22 tuổi, Nữ sĩ cách mạng, đứng yên lặng nhìn tôi.

Rồi tôi bị đày đi nơi xa, không được tin Mộng Sơn nữa.

Mãi đến 1952, tôi đột nhiên vui mừng được đọc một quyền sách mới xuất bản từ Hà Nội gửi vào Đà-Lạt tặng tôi. Quyền sách nhan đề là "*Vượt cạn*" với tên tác giả là «BÀ MỘNG SƠN».

Tôi chưa thấy một Nữ Sĩ Việt Nam nào viết được một quyền sách về phụ nữ mà cảm động thấm thía và sâu sắc như quyền *VƯỢT CẠN* của Mộng Sơn.

Đây là một tiếng kêu vừa náo ruột bi thảm, vừa mỉa mai chua chát, và đầy uất hận cho số phận.

của người đàn bà phải sinh đẻ trong các trường hợp đau thương. Mộng Sơn diễn tả cũng cảm động không kém PEARL PUCK, một nữ sĩ Mỹ đương thời.

Năm 1953, chị Thụy-An, tác giả quyển « Đôi vợ chồng » và « Hai mớ tóc » đi Hà nội về có cho tôi hay rằng Mộng Sơn viết rất nhiều và sắp xuất bản mấy quyển sách khảo luận về triết học và văn học sử.

Nhưng, cách đây ba tháng tôi được đọc một tạp chí tranh

ảnh của Việt Cộng xuất bản ở Hà nội hồi đầu năm 1959, thấy có một bức hình của Mộng-Sơn đang bị bắt làm lao công trong nhà máy sợi Nam Định.

Thế là đời sống Văn nghệ và tư tưởng của một nữ sĩ tài hoa đã bị nghiền nát trong guồng máy của chế độ độc tài,

Tôi ngắm tấm hình của Mộng-Sơn, — văn diện mạo của Mộng-Sơn hồi nào, mà ngắm nghĩ buồn bã lan man...

Chào

* DANH NGÔN

Tiền bạc cũng như đồng phân. Nếu không rải nó ra thì nó chẳng ích gì cả. (L'argent, comme le fumier, sert à fort peu de chose s'il n'est pas répandu).

FRANCIS BACON

* KINH NGHIỆM VỀ NGHỀ NGHIỆP

Một ông, tay ôm cái má sưng vù, vừa rên vừa bước vô phòng một ông bác-sĩ trông răng. Nha-y an-ùi :

— Ông nhức lắm hả ? Không sao đâu, tôi nhổ cái răng, ông hết đau liền... Tôi nhổ êm lắm...

Người đau răng, vừa rên vừa đáp :

— Đừng có nói dối, ông ơi ! Tôi cũng là bác-sĩ nha-y đây, tôi biết mà !

KỶ-LAM (Đà-Lạt)

KHÁI-HƯNG

bị thù - tiêu vì hai câu đòi

★ KIM-TƯỜNG

L.T.S.— Chúng tôi có nhận được bài lai-cảo sau đây của bạn Kim-Tường, ở Nha-Trang, và xin đăng nguyên-văn.

Bạn nào có tài-liệu gì bổ-túc thêm, chúng tôi xin hoan nghênh, và thành thật cảm ơn.

P. T.

truy tầm bắt cóc các nhà trí thức ở vùng này, trong đó có Khái-Hưng.

Khái-Hưng cùng 200 nhà trí thức khác giam ở Lạc quần, gọi là « Trại hối thất chính trị, Liên-khu Ba » dưới quyền bộ trưởng Bò-xuân Luật.

TRONG mục văn nghệ sĩ tiền chiến số 17 ông Nguyễn Vỹ có nói đến Khái-Hưng làm cho tôi nhớ ngay cái chết bí mật của Khái-Hưng.

Vào năm 1945, mặt trận Đông Dương bùng nổ, tình hình Hà nội lúc bấy giờ trở nên trầm trọng. Các nhà trí thức phải trở về miền quê lánh nạn, trong đó có nhà văn Khái-Hưng của chúng ta. Khái-Hưng trở về vùng quê ngoại của ông thuộc làng Lịch diệp, huyện Trúe-Ninh, tỉnh Nam Định. Chẳng bao lâu vùng Nam-Định trở nên gay go, Việt-minh

Ở trại giam này Khái-Hưng được đôi chút tự do. Được một tuần sau tại đây có tổ chức tiệc trà liên hoan, các cán bộ tụ tập đông đủ. Một cái phòng nhỏ chính giữa đề một tấm ảnh già Hồ to lớn, chung quanh cắm hoa đẹp đẽ. Con vui đã chấm dứt, một nhân viên đề nghị mượn Khái-Hưng đề vài câu thơ dưới tấm ảnh của cụ Khái-Hưng vẫn điềm nhiên không nói năng gì, cầm bút viết ngay câu đầu :

« Vùng vẫy bốn mươi năm,
đọc, đất ngang trời, tranh
thủ tự do đèn nợ nước »,
và câu thứ hai :

Hồ-hào trăm vạn lý đồn mây,
thức gió đầu tranh độc
lập trả thù người » (1)

Đề xong cả bọn tằm tắc khen,
có kẻ nói « một bức ảnh thật đẹp
lại thêm hai câu thơ tuyệt hảo thì
bức ảnh này có giá trị biết dường
nào ». Nhưng cái nghĩa của câu
này là nói xô già Hồ. Ngay chiều
hôm ấy Khái-Hưng bị điệu về bộ
trưởng Bồ-xuân-Luật thăm vấn,
Khái-Hưng không nói một lời.

Đêm hôm ấy, một đêm không
trăng không sao, trời tối đen như
mực, Khái-Hưng cùng nhiều nhà

trí thức khác bị dẫn đi trong đêm
tối. Chúng thủ tiêu bằng một loạt
súng lục chĩa vào tai và xô ngay
xuống bến Cự gà, vô tâm tích.

Chỉ có hai câu thơ hóa hình,
Khái-Hưng của chúng ta hóa ra
người thiên-cổ.

Đó là những điều tôi biết, đã
kể cho bạn nghe.

(1) Có lẽ Việt-Minh hiểu trại
câu này bằng mấy tiếng nói lái:
HỒ-HÀO, và LÝ DỖN...
chẳng ? Xin chất-chính các bạn
cao-kiến hơn.

TÒA SOẠN

★ DANH NGÔN

Phụ-nữ mặc áo quần mỏng, vừa có ý tỏ ra rằng mình
muốn che thân, vừa có ý tỏ ra rằng mình muốn khỏa-thân.

LIN YUTANG (Văn-sĩ Trung-Quốc)

★ GIẢI-THÍCH MỘT TRANH VẼ.

Khách chỉ một bức họa trầu-tượng, hỏi họa-sĩ :

— Cái này là cái gì ?

Họa-sĩ :

— Đó là một bầy bò trên một đồng cỏ.

— Đâu, đồng cỏ đâu, tôi đâu thấy trong tranh ?

— Bầy bò đã ăn sạch rồi.

— Ra vậy, thế còn bò đâu, tôi cũng không thấy ?

Họa sĩ có vẻ phiền vì ông khách kém hiểu biết về lối vẽ...
đơn-thời của họa-sĩ, nên đáp hơi sân giọng :

— Thưa ông, sao ông lại muốn rằng bầy bò phải có ở nơi mà
không còn cỏ cỏ ?

T.L.L.



B Ầ Y giờ là mùa
thu. Mùa này là mùa
mưa gió thổi, mùa
muôn thuở... « thu
khi mưa rụng lá ngô đồng ».
Những hạt mưa từng ước áo
Viên tư Mã đất Giang - Châu,
đêm xưa thương đời kỷ - nữ mà
tài sắc hảo huyền còn lại ít to
đàn lạnh lẽo. Những hạt mưa nửa
chiều tưởng niệm, khúc « Lãng
ca » còn ngâm - ngùi trong lòng
người làm cò bến Tô-Đài...

Người xưa khi đem chữ « thu »
(秋) hòa với chữ « tâm » (心)
thành ra chữ « sầu » (愁) hẳn
đã có dụng ý sâu xa vậy.

Nhớ đến mùa thu của Bạch -
Cư Dị :

« Vạn-lý thanh quang bất
khả ty

★ NGUYỄN-THU-MINH

Thiên sầu, ích hận nhiều
thiên nhĩ

Thùy nhân lũng ngoại cửu
chính thú,

Hà xứ đình tiền tận biệt-ly

Thất sủng cố kỳ quy viện dạ

Mộ phiên lão tướng thương
lâu thì

Chiến tha kỷ hử nhân
trường đoạn,

Ngọc thổ ngàn thêm viễn
bất tri ».

(TRUNG THU NGUYỆT)

Bản dịch của Tân-Đà :

« Bóng đầu ? Trong sáng vô ngần
Sầu thêm, giận đắp cội trần

khắp nơi

Đông lâu đồn thú kìa ai.

Biệt - ly buổi mới đầu người
trước sân ?

Canh khuya ai đó phi tần.

Vua không yêu nữa tần ngần
về cung.

Biên thành thế thủ không xong
Bạc đầu, ông tướng thông dong
lên chòi.

Soi cho đứt ruột bao người
Thiền thư ngọc thỏ trên trời
biết chi?.

(Tràng giữa thu)

Ấy ai phi tần khi thu về lạnh-
lẽo, dẫu xe dê không hề lại
vãng và lòng chưa nguôi nhớ quân
vương. Ấy ai đồn thú ngoài biên
cương ngàn trùng cách trở, rượu
dù mềm môi vẫn không quên vị
đắng đêm ly-biệt...

Cũng chỉ vì biệt-ly tự nghìn
năm đòi đoạn lòng người nên
Đới-Thức-Luân khi gặp cố-nhân
đã cùng ai hòa khúc « Tận Túy
ca » vì qua đêm nay, hồi chuông
sớm sẽ giục khách lên đường.
Lại gặp nhau giữa đêm mùa thu
xao-xuyến ánh trăng, mối tình
hoài cang về khuya càng se-sắt...

Giang nam cố nhân ngẫu tập.
Thiên thu nguyệt hựu mãn
Thành khuyết dạ thiên trùng
Hoàn tác Giang-nam hội
Phiên nghị mộng lý phùng
Phong chi kình ám thước
Lộ thảo phú hàn trùng
Cơ lữ trường kham túy
Tương lưu, úy hiểu chung.

Bản dịch của Trần Trọng San:
Trời thu sáng mặt trăng đầy
Thành thành sầu kín đêm nay
mấy trùng

Giang-nam gặp hội tương phùng
Còn ngơ trong giấc mơ mộng
gặp nhau

Chim e gió động vườn sau,
Cỏ sương phủ kín bãi sâu lạnh
lòng

Say sưa kiếp sống long đong.
Sớm mai sợ lắng hồi chuông
giục người.

Giờ đây, xin người hãy trở
về với một nữ-sĩ triều Lê : nữ-
sĩ Ngô-chi-Lan :

Gió vàng hiu hắt cảnh tiêu sơ
Lẻ tẻ bên trời bóng nhạn thưa.
Giếng ngọc sen tàn bóng hết
thắm,
Rừng phong lá rụng tiếng như
mưa.

(Mùa Thu)

Và Nguyễn-Khuyến, thi-nhân
cuối thế-kỷ XIX qua bài :

THU ĐIỀU

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo
Từng mây lơ lửng trời xanh
ngắt

Ngô trúc quanh co khách vắng
leo

Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,

Cá đâu đớp động dưới chân
bèo.

Quách - Tấn trong
« Đêm thu nghe quạ kêu »:
Từ Ô-y-hạng rủ rê sang,
Bóng lẫn đêm thâu tiếng rợn
ràng.

Trời bến Phong - Kiều sương
thấp-thoáng

Thu sông Xích-bích nguyệt mờ
màng

Bồn chồn thương kẻ nương song
bạc

Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng
vàng?

Tiếng dội lưng mây đồng vọng
mãi

Tình hoang mang gợi tứ hoang
mang.

Màu sắc Đường thi không
những bàng bạc trong thơ danh
sĩ đời Đường, mà còn lưu-luyến
mãi trong rung cảm lớp thi-nhân
hậu thế. Và bến Phong-Kiều, và
sông Xích - bích cũng không là
quê hương những danh sĩ đời
Đường, mà còn là làn môi, là
sóng mắt, là tấm lòng những thi-
sĩ không hề là máu mủ của Bạch-
Cư-Dị, Vương-Xương-Linh...

Rồi đến nhà thơ Nguyễn-Vỹ,
nhà thơ bất tử với bài « Sương
Rơi » đã nói lên tất cả điều hiu,

nhỏ nùng của mùa thu qua
« Tiếng sáo đêm khuya ».

Xin lắng nghe :

.....
.....
Tiếng sáo vi-vu đêm thu.
Nhỏ nùng thê - lương chi bấy !
Tiếng sáo êm-ra, ấm-u,
Lòng ta để-mê tê-tái !

Mười phương, tơ sương mịt mù,
Hồn vương sầu thương đêm thu.
Ôi tiếng sáo buồn ai oán
Dội chi khắp trời hoang vu?...
Đêm khuya, gió lạnh, trăng tà,
Ôi tiếng lòng ai xót xa !
Ôi tiếng sáo buồn lại lắng
Rơi trong thăm thẳm lòng ta !

Người thổi sáo ơi ! Im tiếng !
Đêm khuya, gió lạnh, trăng tà
Dội chi mối sầu lưu-luyến
Dằng dặc non nước bao-la ?...

Người thổi sáo ơi ! Im tiếng !
Không nghe giọt lệ đêm thu ?
Reo chi những lời xao xuyến.
Khóc chi những tiếng vi-vu ?...

Đã nhắc đến mùa Thu tưởng
không còn ai quên được Lưu -
Trọng-Lư :

Em không nghe mùa thu,
Dưới trăng mờ thồn thức.
Em không nghe rạo-rực
Hình ảnh kẻ chinh phu.

Trong lòng người cô phụ
Em không nghe rừng thu.
Lá thu kêu xào-xạc

Con nai vàng ngơ ngác

Đạp trên lá vàng khô.

(Tiếng thu — 1937)

Hay không nhớ đến Đinh -
Hùng, nhà thơ của thần tượng,
bộ lạc, nhà thơ nổi tiếng là cầu
kỳ, lại không hề cầu kỳ, rắc rối
chút nào hết khi hát lên « Bài
hát mùa Thu » :

Hôm nay có phải là thu ?

Mấy năm xưa đã phôiêu du
trở về.

Cảm vì em bước chân đi,
Nước nghiêng mặt ngọc lưu ly
phốt buồn.

Ai về xa mãi cô thôn ?

Một mình trông khóit hoàng hôn
nhớ nhà.

Ngày em một bước chân ra,
Tuy rằng cách mặt, lòng ta chưa
sầu.

Nắng trôi, vàng chảy về đâu ?

Hôm nay một thực bắt đầu
vào thu.

Chiều xanh trắng bóng mây xưa
Mấy năm xưa đã viễn du trở về.
Rung lòng dưới bước em đi,
Lá vàng lại gọi phân-ly mất rồi!
Trời hồng, chắc má em tươi ?
Nước trong, chắc miệng em
cười thêm xinh ?

Em đi, hoài cảm một mình.
Hai lòng riêng đề một tình cô
đơn.

Hôm nay tưởng mắt em buồn :
Đã trông thấp thoáng, ngọn cỏ
bóng sương.

Lạnh lòng trăng gió tha hương?
Em về phương ấy ai thương em
cùng ?

Và Nguyễn-Bính, một Nguyễn
Bính quê mùa như ánh trăng quê
một Nguyễn-Bính ở Huế mà vẫn
nhớ Huế. Và những vần thơ Huế
xưa kia của người nghệ-sĩ ấy
sao mà lững lơ, sao mà duyên
dáng...

«Mùa thu hoa cúc lại tàn
Thuyền ai buộc mái bên làn
cây cong.

Người về đề lạnh phòng không.
Thu rơi từng cánh cho lòng nhớ
thương.

Có người cung nữ họ Vương
Lên lầu nhìn giãi sông Hương
nhớ nhà.

(THU RƠI TỪNG CÁNH)

Thơ Huế — 1940

Nhưng dòng đời vẫn không
phẳng lặng, dù mỗi khi thu về, lá
mùa thu vẫn rụng vàng trên lối cũ.
Tôi bỗng nhớ Hoàng-Trúc-Ly,
nhà thơ lớn lên trong lửa khói,
đã gọi đến mùa thu cái tiêu điều
của cảnh vật qua hào quang cảm
hứng của tình người :

•Chàng đây ai hát nữa,
Tâm sự hướng về đâu.
Thu xưa xa lắm và vui lắm
Trăng nước chưa qua một nhịp
cầu

Hương dương từ thuở ngưng
dòng mộng
Nâng tự trời cao lạc nẻo đời
Lòng đất cựa mình nghe dao
động
Mùa về tha-thiết quá, Thu ơi !

Chùng đây ai hát nữa
Cắm cắm lá rụng rồi
Ngàn trùng u-uất làn mây sửa
Tay bút cơ hồ lặng lẽ thôi.

Một đi là hết cả
Thế-hệ chen hàng đôi.
Nghĩ đến rừng cửa mạnh sâu lưu
thủy
Cho lửa bùng lên tiếp mặt trời.

—Sáng trăng không sáng chuyện
đời

Thì thương đôi mắt em ngồi
ước mơ —

Nức lòng biết mấy bài thơ,
Mười năm còn hẹn một giờ
hoan ca.

Ta nghe nhạc vọng ngang đầu
lưỡi

Cảm xúc trào ra tự thịt da
Đẹp quá ! Thu qua mùa chuyển
mới

Tay ai nhảy múa giữa cung nga.
(GỖI MÙA THU)

Ô I còn muốn viết, viết
nhiều nữa. Những mùa
thu giăng giăng mây xám bên
chân trời Âu-Mỹ. Những mùa
thu không ánh lửa trên hoang đảo
xa-xôi nào. Nhưng trang giấy có
hạn, mà duyên văn tự lại vô cùng.

Vậy xin thấp nén hương lòng,
gọi là lời cầu - nguyện mùa thu
hãy trở về yên tĩnh với tiếng thu
kỳ-ảo nhất, êm-ái nhất từ muôn
đời và muôn nơi...



trăng Thu năm cũ

★ HOÀNG-THẮNG



Nhìn Thọ
ngồi trầm
ngâm suy
nghĩ rồi lại
nhìn ánh
trăng Thu
mát dịu tỏa

vào phòng qua khung cửa sổ nhỏ,
tôi bứt dứt khó chịu.

Hình như Thọ hiểu ý nên sau
một phút ngập ngừng, anh nói
vội tôi :

— Chắc anh ngạc nhiên và bực
mình, mỗi lần anh rủ tôi đi
chơi dưới ánh trăng, tôi đã
không thích đi, lại còn tỏ ra
khó chịu ?

Không muốn làm mất lòng
người bạn mới, tôi vội lắc đầu :

— Không, tôi đâu có bực mình.
Anh không đi cũng không sao,
nhưng...

— Nhưng ? Thọ vội ngắt lời.

— Nhưng tôi thấy tiếc cho anh
đã không biết thưởng thức cái
đẹp của ánh trăng mát dịu, mơ
hồ. Kia anh trông xem, ngoài
vườn đầy ngập ánh trăng. Nếu
chúng mình đi chơi anh sẽ
thấy mình như đang tắm dưới

ánh trăng vậy. Đẹp biết bao !

Thọ nở nụ cười buồn héo hắt :

— Đẹp biết bao ! Tôi biết lắm.
Chính tôi cũng thích nhìn ánh
trăng, đi dưới ánh trăng như
anh nhưng cái thích đó đã thuộc
về dĩ vãng rồi. Nếu anh muốn
hiểu nguyên do, tôi cũng vui
lòng kể lại anh nghe mầu tằm
sự đau buồn của tôi về ánh trăng.
Phải, về ánh trăng một mùa Thu
năm cũ.

Đôi mắt Thọ ngược phin trắng
mơ màng như cố gọi lại trong
tâm trí những hình ảnh đã qua.
Giọng anh buồn buồn, đôi khi
chuyển sang vui vẻ yêu đời rồi
lại cảm hôn buồn bã.

— « Tôi thích ngắm ánh trăng
từ thuở nhỏ khi tôi còn sống ở
thôn quê. Vào mùa Trăng, cứ
tối tối ông tôi lại trải chiếu ra
sàn gạch ngồi uống trà tàu ướp
hương sen, kể chuyện cổ tích
cho hai anh em tôi nghe. Chúng
tôi nằm gối đầu lên đùi ông,
tai chú ý nghe chuyện nhưng
mắt vẫn nhìn bóng tối đang phủ
kin khắp vườn.

Vài con đom đóm lập lờ
nhờn nhơ bay trong vườn cây
tối om, tiếng côn trùng kêu ri-
rỉ dưới đám cỏ như ai oán càng
tăng vẻ âm u và gây cho chúng
tôi một cảm giác sợ sợ như có
những bóng ma đang ẩn nấp
chờ đợi cơ hội để dọa nạt
chúng tôi.

Tiếng gió thì thảo khẽ lè trên
ngọn cây, tiếng kéo kết của
những thân tre cọ sát vào nhau
càng tăng thêm sự ghê rợn của
đêm quê.

Cạnh chỗ chúng tôi nằm chỉ
lẻ loi có một ngọn đèn con của
ông tôi dùng để châm đóm hút
thuốc. Ánh sáng không đủ tỏa
hết chiếc chiếu cặp điều nhưng
cũng làm cho chúng tôi bớt sợ.

Năm nghe chuyện một lúc là
mặt trăng hiện ra như có ai đã
treo nơi đầu ngọn tre. Ánh sáng
mát dịu trải xuống sân át hẳn
ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn
con. Ánh sáng loang loáng rung
rinh trên những ngọn cây, cành
lá. Ánh sáng xuyên qua những
kẽ hở, nhuộm loang lổ trên đám
cỏ xanh dưới vườn. Côn trùng
đã bớt than van vì ánh sáng đã
trở lại. Đom đóm cũng thôi bay
vì ngỡ ngàng, tủi phận nhỏ nhoi.

Tôi nằm nhìn ánh trăng từ
từ lên cao, tròn vành vạnh, lơ
lững giữa trời trong không một
gợn mây.

Nhìn ông tôi râu tóc đã bạc
bây giờ lại càng bạc trắng hơn,
tôi đã hỏi :

— Ông ơi, tại sao ông Trăng

kia không có chân mà cũng đi
được nhỉ ?

Dù biết có giảng giải tôi cũng
chưa thể hiểu được nên ông tôi
chỉ nói qua loa :

— Ờ ờ ông Trăng không có
chân nhưng vẫn đi được. Cháu
lớn lên đi học, chịu khó học
chăm sẽ biết.

Tôi vẫn còn thắc mắc hỏi
thêm :

— Thế tại sao ban ngày Ông
Trăng lại không đi hả ông ?

Ông tôi phải gắt :

— Thôi cháu đừng hỏi nữa,
đề ông kể chuyện chú Cuội trên
cung Trăng cho mà nghe.

Chúng tôi cùng reo lên :

— A ! phải đấy, ông kể cho
chúng cháu nghe đi.

Ông tôi cười khà khà, tay nhẹ
vuốt chòm râu bạc, tay chỉ lên
cung Trăng :

— Các cháu có nom thấy ở
giữa ông Trăng có một khối đen
đen không ?

Chúng tôi nhui mắt nhìn theo
tay chỉ của người rồi cùng reo to :

— Có, có ông ạ. Cái gì thế hả
ông ?

— Đấy là cây Đa, còn chú
Cuội thì đang ngồi nơi gốc cây.
Các cháu có thấy chú ta không ?

Chúng tôi lại trở mắt nhìn lần
nữa nhưng chẳng thấy nó ra
hình thù gì cả. Nó chẳng giống
cây đa nơi sau đình đầu làng
tôi với những rễ cây chằng chịt
ngoằn ngoèo, buông thẳng từ

trên cao rủ xuống như những con rắn lục, với những ống bình vôi vỡ, trắng xóa treo lung tung quanh cây. Còn chú Cuội chúng tôi chẳng thấy đâu cả.

Ông tôi nói thêm :

— Các cháu hãy nhìn thật kỹ mới thấy được.

Chúng tôi càng cố nhìn theo đến mỗi mắt cũng không thấy chi lạ hơn. Ánh sáng mát, gió nhẹ thoảng đã ru chúng tôi vào giấc ngủ. Một giấc mộng đẹp của tuổi thơ ngây toàn những tiên và hoa bướm.

Nhón lên chúng tôi đã biết mặt trăng là một hành tinh quay chung quanh trái đất và tiếp nhận ánh sáng mặt trời rồi chiếu xuống trái đất. Tôi tiếc ông tôi đã không còn nữa để khoe với Người là tôi đã biết tại sao ông Trăng không có chân lại biết đi.

Nhưng tôi vẫn nghiên ngắm ánh trăng, nhất là những đêm rằm, mười sáu. Trăng lúc đó sao mà đẹp, đa tình đến thế!

Có những lúc tôi hoài vọng bầu như vô vọng là có một ngày tôi lên tận mặt trăng để thám hiểm. Cái kỳ vọng đó bây giờ sắp được thực hiện phải không anh? Bao chí đã tốn bao nhiêu giấy mực để nói về mặt trăng. Bao nhà bác học đã dày công nghiên cứu để chế tạo một loại hỏa tiễn đưa con người vượt không gian lên chiếm cung Quảng.

Tôi tin rằng chúng ta sẽ được lên nhưng tôi cũng chắc rằng « nó » sẽ không đẹp như chúng ta đang ngồi đây nhìn nó. Sự thật bao giờ cũng trắng trợn, trần trụi. Vì trần trụi nên nó không đẹp.

À tôi đã nói lạc đề rồi nhỉ?

« Rồi chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ. Cũng như bao thanh niên, tôi say sưa trong công-tác, mong rằng với tài sức nhỏ mọn của mình hợp cùng tài sức của các bạn cùng một thể hệ, sẽ mang lại một cái gì rạng rỡ cho núi sông.

Tôi thường đi công-tác luôn nên tôi thích đi về đêm vừa mát mẻ, phóng khoáng, lại được ngắm ánh trăng thỏa thích.

Có những đêm đi dò dục, tôi đã ngồi trên mui cả đêm, say sưa ngắm trăng như ngắm người tình nhân đẹp. Trời trong, ánh sáng chiếu xuống sông lấp lánh như vàng thoi. Ánh sáng lán tăn tan loãng theo những con sóng nhấp nhô mỗi khi mái chèo nhắc lên khỏi mặt nước.

Các dò dục đi từ Chợ Đại về Cầu Yên thường đi về đêm. Muốn khỏi mỗi lung suốt đêm dài, người lái dò nằm ngả luôn, chèo mái dầm bằng chân. Chân họ dấn mái chèo đều đặn, nhịp nhàng. Họ ngêu ngao hát những câu ca-dao tình tứ hoặc hò đáp lại khi có một chiếc

thuyền vượt nhanh qua hoặc lướt ngược lại.

Thuyền cứ lướt nhanh trên nước như ngựa phi trên đường cát sỏi. Công việc nhìn đường, lái trái, ngoẹo phải, tránh nhau đã có người đằng mũi hô lên. Họ cũng đang dấn mái chèo, đảo người về phía trước như xung-phong tiến bước vào trận tiền.

Mấy tiếng « bắt » « cạy » của người đứng đầu mũi thỉnh thoảng vang lên đã làm tôi phải nhăm đi nhăm lại. « Bắt trái » « Cạy phải », cạy phải « Bắt trái ». Cũng như tôi đã có lần học nhảm « xăm trong » « lổp ngoài » hoặc « chải chấy, bắt rận » để khỏi nhảm lẫn.

Nếu tôi là một thi nhân, nguồn cảm hứng sẽ tuôn rào rào như sóng nước. Và nếu khi thi sĩ Tần Đà còn sống chắc ông sẽ không quên đặt đồ nhảm trên mui thuyền, tay cầm chai bố, rồi tứ thơ tả cảnh trên sông nước, dưới ánh trăng vàng của đêm Thu đề ghi lại cảnh đẹp hùng vĩ của Hóa-công sẽ tuôn bay lai láng.

Cũng vì đi dò dục, tôi đã biết yêu Người đem tình yêu đến cho tôi tên là Huệ. Lần đầu tiên nhìn nàng tôi đã yêu nàng ngay. Tôi còn nhớ rõ lại khi gặp nàng như tôi đang ngồi nói chuyện với anh.

Lúc đó kim đồng hồ dạ quang nơi cổ tay tôi hằn rõ con số 11 xanh biếc. Đã 11 giờ



khuya. Trên mui thuyền chỉ có một mình tôi ngồi hút thuốc lá, mơ màng ngắm trăng trong nước biếc. Tiếng nước rào rạt nơi mũi thuyền rồi vỗ lổp đớp vào hai bên hông như vô tận.

Chợt con dò chòng chênh. Tiếng người lái dò gắt lên trong đêm khuya, hơi hoảng hốt :

— Các ông bà làm gì mà rung cả thuyền lên thế?

Có tiếng người con gái trả lời :

— Trong khoang nóng quá không thể nào ngủ được.

Giọng khàn khàn của bác lái đã dịu lại :

— Vậy các cô chịu khó lên mui ngồi đỡ một lúc cho mát, lúc nào buồn ngủ hãy vào.

Có tiếng lục đục trong khoang, tiếng chân bước chập chững, lao đao về phía lái. Tôi quay trở lại nhìn. Một đầu người, rồi hai đầu người nhô lên khỏi mui. Nhìn người thứ nhất rồi

lại nhìn người thứ hai. Hai cô gái còn trẻ.

Người thứ nhất không có nét gì đặc biệt nhưng khi nhìn người thứ hai, trái tim tôi chợt đập mạnh. Nàng đẹp quá. Ánh trắng chiếu vào mặt nàng, sơn lên một màu hơi trắng bệch. Đôi mắt long lanh, sáng như hai ngôi sao lấp lánh trên nền trời đen kịt. Mớ tóc bồng hơi rối hất ngược về phía sau theo chiều gió thổi mạnh. Nàng đẹp một cách quyến rũ, huyền ảo.

Tôi nhìn nàng mà tưởng như nhìn một nàng Ma hay nàng Hồ trong Liêu trai chí dị của Thuở xa xưa nào. Tôi chợt rung mình, người hơi rợn, có lẽ vì lạnh cũng có, sương xuống đã ướt đầm hai vai áo nâu bạc.

Sợ nhưng yêu. Tôi đã yêu nàng ngay. Tình yêu đã đến với tôi nhanh quá như tôi đã yêu nàng say đắm từ kiếp trước (hoặc nàng là hiện thân của ánh trăng mát dịu hiền hòa tôi vẫn từng mê mết.)

TÔI ĐÃ YÊU NÀNG GIỮA MÙA TRĂNG

Người con gái nói trống không:

— Gió lộng nhỉ, trăng cũng đẹp quá.

Tôi mỉm cười trả lời nàng:

— Trên này mát lắm, các cô trèo lên núi mà hứng gió cùng thưởng trăng.

Cả hai không nói gì, lặng lẽ

trèo lên núi. Sau khi đã tìm được chỗ ngồi chắc chắn, cô thứ nhất nói:

— Ngồi thế này nhớ ngủ quên là có châu rơi xuống sông ngay.

Tôi nói xen vào:

— Không rơi được đâu vì còn vương cái gờ gỗ nép dưới chân núi. Vội lại nếu các cô mà rơi xuống thì uổng quá, còn ai dám ngồi đây để ngắm ánh trăng đang dẹt xuống mặt sông những mảnh lụa vàng, cùng nhìn dòng nước kia uốn éo những vũ điệu mơ huyền.

Cô thứ hai mỉm cười:

— Ông nói văn hoa quá. Tôi cũng chắc dòng sông óng ánh vàng kia không nở lấp kia chúng tôi nếu chẳng may rơi xuống, phải không ông?

— Tôi vội kêu lên:

— Chà, cô nói văn hoa hơn cả tôi. Thật không ngờ hôm nay lại được ngồi nói chuyện với người đẹp, lại biết thưởng thức ánh trăng cùng nói những lời bay bướm.

Nàng không nói gì nhưng đôi mắt nàng nhìn thẳng mắt tôi, nụ cười hé mở trên đôi môi mòng mọng. Đôi mắt nàng như hai ngọn lửa hồng, hàm răng ngọc đều đặn trắng nuốt trong ánh trăng ngà.

Tôi sửng-sò ngây ngất vì nụ cười, ánh mắt của nàng. Tôi không biết nàng Chiêu-Quân đẹp đến bậc nào mà vua Hán phải gạt nước mắt đem nàng cống rợ

Hồ để tránh nạn binh đao, thành tan nước mất. Còn tôi nhìn người đẹp dưới ánh trăng ngà đang ngồi trước mặt, tôi thấy nàng đẹp quá, đẹp tuyệt vời. Đôi ngọn lửa hồng trong mắt nàng như đun sôi trái tim tôi. Men rượu ái tình vùn vụt bốc lên muốn làm mờ mắt. Tôi chỉ muốn nhảy xuống sông, dìm mình trong làn nước lạnh để cho lòng dịu lại, cho con tim đỡ rộn rã vì yêu đương.

Tôi đã vô tình thốt lên, cái vô tình sâu sắc trong cái vô thức mà tôi không thể nào kiểm soát nổi:

— Dưới ánh trăng cô đẹp quá, đẹp huyền ảo như một nàng tiên. Phải chăng cô đã ở trên Cung-Quảng xuống đây?

Nàng e thẹn cúi mặt nhìn xuống dòng nước, mớ tóc bay hất lên cao chơi vơi. Tôi chắc nàng cũng chẳng nhìn thấy mặt trăng đang nhảy uốn éo dưới làn nước bạc xao động. Cả cô bạn gái cũng không nói một lời. Còn tôi cũng im lặng một thứ im lặng thắm thía.

Tôi nghĩ tới bài thơ ca ngợi Đôi mắt người Con Gái đẹp của bạn tôi. Lúc này tôi tưởng như chính người bạn đó đã tả hộ cho tôi. Tôi ngâm khe khẽ:

*Đôi mắt của nàng nhìn thẳng tôi,
Lòng tôi rung động, máu tim sôi.
Ôi đôi mắt hồ thu trong vắt,
Lặng lẽ mơ-màng đến đắm say,
Đôi mắt mơ màng, ôi đắm say,
Làm tôi say đắm từ phút này,*

*Đôi mắt: đôi sao trong vũ-trụ,
Rực sáng huy hoàng trong tối đêm.*

Chợt nàng ngừng đầu lên khoe hỏi:

— Anh biết làm thơ? Anh là một thi sĩ?

Lần đầu tiên nàng nói chữ « anh » tự nhiên không ngượng ngập.

Sung sướng vì đã được nàng chú ý đến nên dù tôi không phải là tác giả bài thơ tâm tình đó, dù tôi chẳng phải là một thi nhân, tôi cũng nhận bừa một cách nhũn nhặn:

— Trong một phút cỏi mở, hứng khởi, tôi đã sáng tác bài đó. Chắc cũng chẳng hay ho gì, mong cô đừng cười nhé.

Nàng nghiêm nghị hỏi lại:

— Anh tả có đúng không hay chỉ diều cợt?

Giọng tôi trở nên mơ màng:

— Bao nhiêu chữ là bấy nhiêu thành thực, nhiệt tình. Nó đúng như mặt trăng đang ở trên đầu... chúng ta.

Rồi chúng tôi quen nhau. Nàng tên Huệ, cô bạn tên Kha. Cả hai trước cùng ở Hà Nội, tản cư đi buôn, có cửa hiệu tạp hóa ở Hùng-Phủ. Biết tôi cũng về đó, cả hai đã vui-vẻ mời tôi đến nhà chơi. Cố nhiên là tôi cũng rất vui vẻ nhận lời.

CÙNG VÀO MÙA TRĂNG THÁNG SAU, HUỆ ĐÃ THÚ THẬT HUỆ YÊU TÔI.

Lúc này vào năm 1950, quân

Pháp đang mở rộng mặt trận Liên Khu Ba. Chúng tràn xuống Chợ Đại, rồi trưa ngày 24-5-1950, thị-trấn Hùng-Phú đã bị chúng chiếm đóng.

Huệ và Kha cũng như bao người buôn bán ở Hùng-Phú phải vội vã rời bỏ nơi bến đời chạy tạt sang Chi-Nê rồi theo giòng người xuôi xuống Nho-Quan, Phủ-Quảng thuộc Thanh-Hóa.

Trong khi người yêu của tôi phải long đong khổ sở trong những ngày chạy loạn thì tôi đang có công-tác trong Thanh-Hóa. Được biết Hà-Nam đã mất lòng tôi bứt rứt lo ngại cho Huệ, không biết Huệ có thoát khỏi tay giặc không hay đã bị ngắt lịm trước những tấm thân thô kệch, đồ sộ, đen nhánh của bọn lính da đen. Tôi rùng mình kinh tởm và thương cho nàng. Chà mẹ nàng đã bị chết ngay đêm đầu tiên khi gia đình nàng đang lạng lẽ bò dưới gầm cầu Nhị Hà để ra ngoại ô cùng bao người dân thành-phố. Nàng bị bơ vơ và bị ném vào đời sớm quá với non hai mươi lần hoa đào nở đỏ ối trên mái tóc đen huyền. Bây giờ... bây giờ Huệ ra sao ?

Tôi thần thờ, biếng ăn, biếng ngủ, chỉ lặng ngồi ngắm ánh trăng để tưởng nhớ tới khuôn mặt nàng hôm gặp gỡ đầu tiên. Phần đông các bạn trong Ban đã liệt tôi vào thành phần « tạch tạch sè » (tiểu-tư-sản), chỉ ưa mộng ảo-tưởng mà quên sự thật đấu tranh thiết thực của giai-cấp

cần-lao vô-sản (!). Tôi không cãi lại họ, tôi không muốn tranh luận nhưng đã thầm khinh họ. Họ đâu có biết mỗi u-sầu thầm kín của tôi và đâu họ có ý-thức để thưởng-thức cái đẹp của ánh trăng.

NHƯNG TÔI ĐÃ GẶP LẠI NÀNG CŨNG VÀO GIỮA MÙA TRĂNG.

Đang thần thờ bước qua dãy phố Phủ Quảng Mới mới được dừng lên, một tiếng gọi giật giọng phía sau lưng đã làm tôi giật mình.

« Anh Thọ ! Anh Thọ ! ».

Quay phắt lại tôi đã nhìn thấy Huệ. Huệ bằng xương, bằng thịt của tôi đang đứng trước một căn nhà gianh nhỏ. Mặt nàng hơn hờ nhưng cũng chưa phải hết nỗi lo sợ nhọc nhằn của những ngày chạy loạn vừa qua.

Tôi vội chạy lại ôm chầm lấy nàng, mặc bao anh em nhà « Vệ » trở mắt nhìn. Huệ cũng ôm chặt lấy tôi như muốn được che chở. Đôi giòng lệ tuôn dài trên đôi má bầu bĩnh của nàng.

Giọng của Huệ cũng ướt như nước mắt :

— Em lo quá, đã tưởng không còn được gặp anh nữa.

Tôi vuốt tóc nàng mơn trớn :

— Bây giờ thì em hết lo rồi chứ ? Anh cũng thế, anh chỉ sợ em không chạy được hoặc chúng ta không gặp được nhau nữa. Nhưng bây giờ...

Huệ thủ thỉ :

— Nhưng bây giờ thì sao ?

Tôi nhìn nàng không nói gì nhưng trong thâm tâm tôi đã nghĩ tới lúc tôi lo sợ cho Huệ nếu nàng bị lính da đen bắt được. Chúng tôi âu yếm nhìn nhau sung-sướng. Nhìn quanh gian nhà chật hẹp không thấy Kha đâu tôi vội hỏi :

— Còn cô Kha đâu ?

Mặt Huệ hơi thoáng buồn :

— Vào Nho-Quan chị ấy gặp người chị họ nên đã ở lại đó rồi.

Rồi nàng than thở :

— Sống có một mình, em ngại quá, nhưng cũng chẳng biết tính làm sao.

Hôm đó tôi ở lại với Huệ. Hai chúng tôi ngồi nơi ngưỡng cửa ngắm ánh trăng, kể cho nhau nghe những chuyện xảy ra trong khoảng thời gian xa cách.

Thấy Huệ ở một mình bất-tiện, còn tôi, tôi cũng dư biết trong cơ quan, tôi đã bị cấp lãnh đạo không tin dùng nữa vì tôi không thuộc thành phần vô-sản như họ.

Giai cấp tiểu tư sản chúng tôi đang rầy chết trước uy thế của đảng Lao động tức đảng Cộng sản trá hình. Trái cam đã bị vắt gần hết nước, phải vội bỏ chúng trước khi chúng dùng mình đến tận lực.

Tôi quyết định về thành, cả Huệ cũng theo. Nàng bằng lòng ngay vì trong thâm tâm Huệ cũng mong mỗi từ lâu như vậy.

Chúng tôi hẹn gặp nhau ở Địa. Tôi đi trước, còn Huệ bán xong mọi thứ sẽ đến sau. Nhờ có giấy chứng minh thư tôi đi lọt hết các trạm gác bọn Dân Quân, công-an.

Cùng theo một tốp đồng dân-quê cùng hồi cư, chúng tôi lạng lẽ nắm tay nhau rào gót đi trong bóng tối chập choạng. Chúng tôi lạng lẽ đi theo các con đường mòn trên đồng ruộng. Không ai nói với ai lời nào, trong thâm-tâm chúng tôi chỉ mong chóng tới đích không gặp một trắc trở nào.

Mặt trăng đỏ ối đã nhỏ khỏi chân trời quang đãng. Ánh đêm chuyển màu. Xa Xa có tiếng chó sủa như cắn ma. Tôi chợt nhớ, vội bảo Huệ :

— Tối nay đúng rằm tháng Tám, chắc ở thành vui lắm em nhỉ.

— Ừ, phải đêm nay là Tết Trung Thu. Em nhớ hồi còn bé, mỗi năm cứ tới rằm tháng Tám em lại được mẹ em mua cho, nào đèn kéo quân, đèn con thỏ cùng bánh mứt làm cỗ trông. Giăng. Năm nay chúng mình không có gì cả anh nhỉ.

Tôi vội an ủi Huệ :

— Đêm nay không có thì ngày mai chúng ta sẽ có. Muộn gì.

Chợt Huệ nói khẽ :

— Anh ạ, em trông mặt trăng đỏ ối như máu, em sợ làm sao ấy.

Tôi chợt rùng mình vì giọng

nói lạnh lẽo của Huệ. Tiếng nói như ở dưới mồ thoảng lên, lạnh như gió đêm cuối Thu. Tôi bóp chặt tay nàng không nói gì.

Mặt trăng đã lên cao, đổi màu đỏ ối sang màu vàng sẫm rồi sang vàng nhạt. Một đám mây lớn bay qua che khuất cả ánh trăng. Bóng đêm được dịp trùm vội cảnh vật bằng tấm màn nhưng đen nhưng lại vội vã rời bỏ ngay khi mặt trăng đã vươn ra khỏi đám mây thô kệch, méo mó.

Đã gần tới đích rồi. Làng tôi đã ẩn hiện nơi xa xa, nhưng còn phải vượt qua chiếc đồn binh Pháp chót nữa. Chúng tôi ngồi tạm dưới bờ đường chờ cho trăng lặn mới tiếp tục nốt đoạn hành trình chót nhưng nguy hiểm.

Tôi đỡ Huệ ngồi xuống, kéo đầu nàng ngã vào vai, thủ thủ :

Em cố ngủ một chút chờ trăng lặn chúng ta sẽ đi.

— Tay chỉ về phía xa xa, nơi chiếc đồn đứng sừng sững, ngạo nghễ :

— Qua cái chướng ngại vật kia nữa là chúng ta tự-do rồi.

Chợt Huệ nói :

— Anh thấy trăng hôm nay thế nào ?

— Đẹp lắm em ạ. Đối với chúng ta đêm nay trăng đẹp hơn mọi lần trăng cũ vì chúng ta đang ngắm nó bên cạnh sự nguy hiểm và cũng bên cạnh bờ Tự do.

Huệ tự nhiên buồn rầu nói :

— Em lại nghĩ khác, em thấy trăng lạnh lẽo quá. Nhìn ánh trăng mờ ảo em tưởng như nhìn thấy cái chết đang bao phủ mọi cảnh vật.

Tôi rợn người hỏi vội :

— Sao em lại có tư tưởng bi-ai thế ?

— Em cũng không biết tại sao nhưng em linh cảm thấy thế. anh Thọ, anh có yêu em không ?

Tôi ôm ghì lấy nàng, thủ thủ bên tai :

— Sao em lại còn phải hỏi anh như vậy ? Chúng mình cùng về là một chứng minh sáng tỏ nhất.

— Nếu vậy anh hôn em đi. Em muốn hưởng cái hơi nóng từ môi anh truyền sang môi em. Em lạnh quá anh ạ.

Mặt Huệ ngừng lên, đôi môi hé mở. Tôi nhận thấy đôi mắt nàng như bị ánh mây mờ che phủ. Mặt nàng xanh nhợt dưới màu sữa của ánh trăng.

Tôi vội cúi xuống hôn lên đôi môi nàng, trong óc cổ xua đuổi mọi ý tưởng hắc ám, chết chóc mà Huệ vừa thốt ra cũng như tôi vừa chợt nhận thấy.

Có tiếng húng hắng ho, tiếng suýt suýt rồi im bật. Nhưng... một lần sáng loé lên trời, một tiếng «bục» rồi «uỳnh».

Trong đêm vắng, tiếng ho của một người vô ý tứ, đã vang trong không gian và làm mục tiêu cho lính canh trên vọng lâu lô-cốt. Chúng bắn hỏa pháo và nổ mìn

tiếng về phía chúng tôi. Sự việc xảy ra nhanh quá. Cát bụi, đất bay mù mịt. Tiếng kêu thét đến rợn người hòa theo tiếng liên-thanh nổ ròn tan hợp thành một nhạc điệu kinh khủng. Đạn lửa vèo vèo bay trên không trung như những ngôi sao tinh lạc.

Tôi chưa kịp tỉnh trí thì Huệ đã ôm chặt lấy tôi, yếu ớt nói :

— Anh, em chết mất.

Đến đây Huệ nghẹn-ngào không sao nói được nữa. Nàng gục đầu vào ngực tôi, người nàng ướt át.

Tiếng súng đã im bật. Chỉ còn tiếng rên rĩ của những người bị thương đang hấp hối. Mặt trăng vẫn thản nhiên nhìn chúng tôi không thương xót.

Người Huệ đầy máu. Tôi cũng không hiểu tôi có bị thương không nhưng người tôi cũng đầy máu. Có thể là máu của nàng, có thể là máu của tôi, của cả hai người cùng quện hòa lẫn nhau. Máu máu như mặt trăng rằm tháng Tám mà lúc sớm Huệ đã nói với tôi.

Huệ ngược nhìn tôi, đôi mắt đẹp của người con gái đang yêu đời đã mờ đi vì lệ và cũng mờ đi vì kiệt sức.

— Anh, em chết mất. Em đã cảm thấy cái chết khi nhìn thấy ánh trăng lạnh lẽo quá. Nhưng em cũng không ăn hận vì đã được chết trong tay anh. Anh, anh có yêu em không ?

Nhìn đôi vai của Huệ run-run theo tiếng nấc, lòng tôi se lại.

Mắt tôi cũng mờ lè. Tôi thôn thức nói với nàng :

— Anh yêu em lắm. Tình yêu của chúng ta bất diệt. Em, em không thể chết, em chết thế nào được. Em phải sống, sống mãi-mãi với anh, với mỗi tình đẹp-đẽ của đôi ta.

Huệ lắc đầu, giọng nàng đã hỗn hèn đứt quãng :

— Em rất sung sướng được anh vẫn yêu em. Thế là em mãn nguyện rồi. Em có thể chết bây giờ hay trong phút chốc, vậy anh hôn em đi.

Nghe nàng nói lòng tôi se thắt lại. Tim tôi đau nhói như có một bàn tay vô hình nào bóp mạnh. Không ngờ Huệ lại lâm vào hoàn cảnh ác nghiệt đến thế. Tôi cúi xuống hôn lên đôi môi của Huệ lúc này đã lạnh như một pho-tơng đá.

Mặt Huệ rực sáng như ngọn đèn dầu trước khi tàn, môi nàng nở nhẹ :

— Anh nhớ cứ đến rằm tháng Tám lại thấp cho em vài nén hương thơm để nhớ tới đứa em bé nhỏ của anh nhé. Em tiếc không được biết quê anh. Biết làm sao bây giờ ? Nhưng em chắc quê anh đẹp lắm, đẹp như mỗi tình đầu của chúng ta anh nhỉ !

Huệ cố gắng dơ tay lên vuốt tóc, xoa mặt tôi lúc này đã đầm-đia nước mắt. Tôi hôn lên bàn tay nàng, bàn tay đầy máu và đất. Tóc tôi, mặt tôi, môi tôi cũng đầy máu và đất. Mùi máu mặn-mặn, tan h tanh.

Huệ cố gắng lắp bắp nói :

— Vĩnh...biệt...anh...yêu.

Rồi... tay nàng rút mạnh xuống, đầu nghẹo sang bên, môi vẫn nở nụ cười tươi, mắt mở trừng-trừng ngược nhìn trời cao như cảm hôn ánh trăng quái ác.

HUỆ ĐÃ CHẾT CÙNG GIỮA
MÙA TRẮNG, ĐÚNG TRẮNG
RẦM THÁNG TÁM

Vuốt mặt cho Huệ xong, tôi cảm hôn nhìn khói đen chắc-nịch của chiếc đồn binh Pháp. Tay hông xác người yêu, tôi đã cảm hôn đứng lặng nhìn chiếc lô- cốt gạch, chiếc đồn của quân cướp nước đã gây cho tôi bao niềm tủi hận, đau thương, đã làm cho Huệ cùng mấy người bên cạnh tôi phải chết một cách thê thảm. Mắt tôi căng ra như muốn rời khỏi trông mắt.

Tôi muốn tôi là một trái bọc pha cỡ lớn, lao vào chân đồn nổ tung lên cho chiếc đồn tan vỡ thành từng mảnh vụn; tan từng mảnh nhỏ như cát bụi. Nguyên thủy là cát bụi chúng phải trở về cát bụi.

Nhìn ánh trăng thân nhiên tỏa xuống mái vòm lâu lô cốt, lòng tôi tràn một niềm công phần đến cùng độ. Tôi muốn ánh trăng chỉ riêng chiếu xuống chỗ tôi đứng, chiếu riêng vào mặt người yêu của tôi đang nhắm mắt ngủ một giấc ngủ ngàn thu. Tôi chỉ muốn ánh trăng chiếu riêng xuống nơi những người dân lành đang mong ước một đời sống thanh bình, yên vui với gió mây.

Tôi không muốn ánh trăng

chiếu xuống chiếc đồn khốn nạn, kia cũng như bao chiếc đồn khác. Tôi muốn mái đồn, sân đồn của, quân cướp nước phải luôn luôn, đầm chìm trong bóng đêm, đầy đất, đầy lo sợ hãi hùng. Chúng không đáng được hưởng ánh trăng hiền hòa của tôi, của những người dân hiền lành.

Cũng vì thế, nhìn ánh trăng nhất là ánh trăng rằm tháng Tám như hôm nay, lòng tôi lại dâng lên một niềm cảm hôn, buồn thương tiếc nhớ. Tôi đã nghĩ tới Huệ và cũng như tôi không thể nào quên nàng được.

Nhìn đám trẻ nhỏ vui đùa dưới ánh trăng, tay cầm chiếc đèn xếp hoặc đèn Ông Sao tươi cười hơn hỏ chạy theo đám múa sư tử, tôi phải chạy trốn vào một xó kín trong nhà, úp mặt vào lòng bàn tay khóc nức nở. Tôi khóc cho tôi, cho người yêu của tôi, cho mối tình tan vỡ. Nàng đã bỏ tôi giữa đêm rằm tháng Tám, giữa một mùa Thu đẹp, nhắm mắt thở hơi cuối cùng trong tay tôi dưới ánh trăng, trong mát mẽ.

Thọ nói xong thồn thức khóc. Tôi ngồi lặng yên không dám nói một câu gì, cũng không dám làm một cử động mạnh trong giây-phút thiêng liêng này. Tôi muốn anh được tự-do trút nỗi ưu-tư đã xúc tích từ lâu trong lòng bấy giờ mới được dịp cởi mở.

Trăng thu cũng như cảm thông nỗi buồn đau khổ của anh vội lẫn trốn vào đám mây dày.



THU LẠC LÒNG

Mây trôi bằng làng khắp trời
Nắng thu trong vắt không người tri âm !
Chị ơi trăng gió mệnh-mông
Chị đi là một tấm lòng em theo !

Ngày về nhớ nhé, chị ơi !
Sương rơi thấm áo ướt người cô đơn
Em mơ thấy những mộng hường
Lá rơi tĩnh giấc chiếc giường nằm trơ...

Sương rơi sương mãi rơi rơi,
Mắt em lệ ướt máy bờ thương đau.
Đã đành lỗi ước cùng nhau
Duyên em nghĩa chị bắc cầu chưa xong.

Thôi còn gì nữa mà mong ?
Chị đi em khép tấm lòng từ đây !
Từ đây góc bẽ chân mây
Hoang liêu ứ cả những ngày chia-ly !

T.T.H.N.
(Huế)



CHỤP HÌNH VÀ HỌA BẢN ĐỒ MẶT TRĂNG

★ Giáo-sư ZDENEK KOPAL
Giám-đốc viện Thiên-văn
Đại-học-đường MANCHESTER (Anh)

Giới thiệu ★

DỪNG dưới đất ngó lên, thì Mặt Trăng như một cái bánh dẻo Trung Thu, chứ có gì lạ đâu ! Rất giản-dị như thế, rất bằng-phẳng như thế, nhưng nó đầy thi-vị biết bao ! Mỗi triệu triệu năm rồi, nó vẫn treo lơ-lửng giữa trời bao la, và mỗi triệu triệu người đứng hay ngồi trên trái đất, đêm vẫn thích ngược cổ lên nhìn nó, ngắm nó, mê nó, thèm nó, gọi nó !

Nó không ừ-hử một lời. Nó không bao giờ đáp lại. Vì vậy, Mặt Trăng vẫn còn là một bí-mật cao vòi-vọi đối với loài người. Cho nên loài người đã tìm cách đến gần Trăng, để tìm hiểu Trăng là cái gì ? Nó chứa đựng cái gì ? Có ai ở trên đó ? Có gì ở trên đó ?

Khoa-học của Thế-kỷ XX đã tạm trả lời cho ta biết. Kiến viễn-vọng (telescope) đã chụp hình được Mặt Trăng và đã họa bản-đồ tổng-quát của Vệ-tinh huyền-ảo kia.



Đây, một nhà Bác-học chỉ Mặt Trăng mà bảo chúng ta rằng : Kia, nó xa lắm, nhưng nó gần lắm, các bạn ạ. Ông Giáo-sư Zdenek-Kopal, Giám-đốc Thiên-văn Viện, trường Đại-học Manchester, Anh-quốc, chỉ cho chúng ta biết làm thế nào khoa học đã chụp hình được mặt Trăng và họa rõ bản đồ Mặt Trăng. Bài dưới đây viết bằng chữ Anh, chúng tôi vừa nhận được, kịp dịch dâng vào số đặc biệt Trung Thu. Đọc bài này, các bạn không còn thấy Mặt Trăng đầy thi-vị nữa, mà chỉ chứa đựng toàn một thứ đất... và đất... Không có một giọt nước, không có một lá cây ! Không một bóng người, không một tiếng động, không một hơi thở !...

Có Hằng Nga di-cư sang thế giới nào ? Chú Cuội chạy trốn đi đâu ? Con Ngọc Thổ chui vào hang nào ? Cây Đa sao đã biến mất... Ôi buồn, ôi hoang-vắng !



Thôi, đây, tôi xin nhường lời cho Giáo-sư Zdenek Kopal...

N. V.



Muốn họa bản đồ mặt Trăng, chỉ có thể dùng các kính viễn-vọng được mà thôi, (telescopes)

các kính này nhìn thấu suốt qua được miền không khí trống rỗng giữa trái đất và mặt Trăng, xa không dưới 221.000 dặm Anh,— độ 355.700 ki-lô-mét. Phương pháp họa đồ mặt Trăng cũng giống như họa đồ các vùng núi non cao vút và hiểm trở của mặt Đất, bằng cách đo theo hình tam giác từ một khoảng cách nào, hay là đo theo các hình ảnh đã chụp được từ trên không gian. Chỉ khác có một điều là khoảng cách từ Đất lên Trăng

có xa hơn, cho nên mặt kính kính vĩ của telescope phải xoay thế nào để thấy địa thế mặt Trăng cho thật rõ ràng. Hiện nay với những kính Chiết quang có tiêu điểm dài (long-focus refractors) thông dụng ở nhiều nơi, người ta có thể nhìn thấy tỉ mỉ, tường tận, các vùng trên mặt Trăng trong mỗi khoảng dài độ 100 mét. Giá sử trên mặt Trăng có những thành phố cũng như ở mặt Đất, thì nhìn trong kính chiết quang chúng ta có thể phát họa được những nét chính của bản đồ các đô thị ấy và cả

đến những dấu vết của các huyện đin to lớn nữa. Đó là nói thí dụ thế thôi, chứ thật ra thì người ta đã chẳng thấy một cái gì trên mặt Trăng cả.

Mặt Trăng thật sáng tỏ cũng chỉ hiện ra là một cảnh hoàn toàn hoang vu, quanh quẽ.

Lúc mặt Trời mọc hay mặt Trời lặn trên mặt Trăng, chúng ta đã nhận thấy những bóng dài rọi nghiêng do những chỗ trời cao nhất trên mặt Trăng, thì chúng ta biết rằng đó là những ngọn núi. Người ta đã đo được rất dễ dàng cái bề dài của những bóng ấy, nhờ những tấm hình chụp được bằng đơn vị góc cạnh (angular units), rồi đổi sang ki-lô-mét. Phép đo ấy chẳng khó gì, bởi vì khi người ta đã biết được vĩ độ (latitude) của mặt Trời đối với

cảnh thế mặt Trăng mà ta đang quan sát, (biết được là nhờ một Thiên-văn lịch), thì ta có thể tính được ngay cái bề cao của ngọn núi rọi ra bóng ấy.

Phương pháp tiện lợi hơn hết để đo vĩ độ của mặt Trời đối với mặt Trăng trong những lúc mặt Trời mọc, hay lặn, là dùng một kính viễn vọng (telescope) mạnh nhất (như telescope ở chót



núi Palomar của Mỹ chẳng hạn) để quay phim mặt Trời khi nó đang lên trên mặt Trăng, hay đang lặn, để đo cái bóng dài ra là bao nhiêu, hoặc ngăn lại còn bao nhiêu, không những của các ngọn núi mà thôi, mà của tất cả những chỗ lồi cao trên địa thế của mặt Trăng.

Hiện nay kỹ-thuật xi-nê ấy đã được áp dụng trong việc họa bản đồ mặt Trăng ở Đại học Đường Manchester ở Anh quốc, với sự cộng ác của Không quân Mỹ; và đã biết được rõ ràng bề cao những ngọn núi lớn nhất của

mặt Trăng, trên phía sáng tỏ đầy đủ mà chúng ta thấy trong những đêm rằm.



Đài Thiên văn Pic-du-mid của Pháp, là nơi quan sát mặt Trăng được tường tận nhất, cũng đã làm công việc họa đồ mặt Trăng, với những điều kiện tối đẹp nhất và thuận lợi nhất.

Công việc này đã khởi sự hồi đầu năm nay (1959) và nội trong 5 năm nữa thì xong. Chừng đó chúng ta sẽ có một bản đồ tân tiến nhất và rộng lớn đầy đủ nhất của mặt Trăng, căn cứ trên những dữ kiện địa-hình xác-đáng nhất (accurate topographical data). Công việc hoàn thành trong 5 năm sẽ tốn kém độ 80.000 Mỹ-kim.

Giáo-sư Zdenek Kopal
(N. V. dịch)

(Xin xem Bản đồ Mặt Trăng
trang sau)

★ DANH NGÔN VỀ PHÉP LỊCH SỰ

Anh đừng tưởng lầm rằng vì tình thân mà anh được quyền tỏ ra bất lịch sự với những người bạn thân nhất của anh. Càng thân-thiện chừng nào, càng phải lễ phép và lịch sự hơn chừng nấy. (Ne vous bercez pas de cette illusion que l'amitié vous autorise à vous montrer désagréable avec vos intimes. Plus les rapports deviennent étroits, plus il est nécessaire de faire preuve de tact et de courtoisie).

OLIVER WENDELL HOLMES

BỒ TÚC VỀ BẢN ĐỒ MẶT TRĂNG



Bản-đồ Mặt-Trăng, theo L. Rudex (Larousse Thế kỷ XX) và bản-đồ mới nhất của nhà Thiên-văn-học Patrick Moore (1959).

BẢN-đồ này hiện nay đã được công-nhận là gần đầy đủ, căn-cứ trên các phương-pháp chụp hình vào đã trình bày trong bài trên. Nhưng đây tôi chỉ họa sơ những nét chính mà thôi, với những tên các địa-diểm quan trọng nhất. Tất cả 184 địa-diểm nhưng đây tôi chỉ ghi sơ-lược các địa-diểm nổi bật hơn hết:

- 1 = Mer de la Sérénité (Biển Quang-đăng) rộng 780 km. bề kính.
- 2 = Mer de la Tranquillité (Biển Yên-lặng)
- 3 = Mer des crises (Biển Khủng-hoảng)
- 4 = Mer de la Fécondité (Biển Phi-nhiên)
- 5 = Mer du Nectar (Biển Mật)
- 6 = Lac des Songes (Hồ Chiêm-bao)
- 7 = Golfe de la Rosée (Vịnh Sương)
- 8 = Golfe des Iris (Vịnh Ngủ-sắc)
- 9 = Mer des Pluies (Biển Mưa)
- Một bề 1200 km, một bề 1091 km.
- 10 = Océan des Tempêtes (Đại-Dương Bão-tổ) 5 triệu km vuông.
- 11 = Mer des Humours (Biển Khí-sắc) 130.000 km vuông.
- 12 = Mer des Nuées (Biển Mây)
- I = Núi lửa Aristarque,
- II = Núi lửa Copernic (cao 4 km).
- III = Núi lửa Riphées.
- IV = Dãy núi Cordillaires.
- V = Dãy núi Leipnitz, trong

này có núi lửa Newton, đây hố sâu đến 7250 mét.
VI = Dãy núi Hémus
VII = Dãy núi Pythagore

CÂY ĐA CỦA CHÚ
CUỘI Ở ĐÂU ?

Từ dãy núi Leipinz (V) ra cho đến dãy núi Hémus (VI), đêm nào trăng Rằm thật sáng tỏ, như trăng Trung - Thu, đứng mặt Đất nhìn lên, chúng ta thấy giống như cây Đa của chú Cuội.

Còn cả vùng rộng lớn từ hướng Bắc (Núi Pythagore, VII) bao vòng đến Hồ Chiêm-Bao (6) cho đến các dãy núi hướng Đông : Plutarque, Condorcet, Pyrénées, giữa những biển Yên-lặng. (2) Biển Khủng-Hoảng (3), Biển Phi-Nhiên (4) và biển Mật (5), thì chính là « Cung điện của Hằng-Nga » mà chúng ta thấy lơ-mơ, từ mặt Đất trông lên.

Các bạn nên nhớ rằng những dãy núi trên Trăng hầu hết đều là Núi lửa đã tắt, còn há những cái miệng hố to-tường mà bề kính có thể đến 292 ki-lô-mét, như núi Bailley chẳng hạn. Núi Clavius, đường kính rộng đến 232 ki-lô-mét.

Còn « biển », thì tuy gọi là biển vì dòm trong kính télescope thấy các vùng ấy có màu xanh, nhưng thật ra thì không phải biển. Vì trên Trăng KHÔNG

CÓ NƯỚC, cũng như KHÔNG
CÓ GIÓ. Các nhà Bác-học tạm
gọi là «Biển» và cho những
danh-từ biển, để họa bản-đồ
cho dễ phân-biệt với núi đỏ
thời. Theo L. Rudex, thì những
biển » ấy có thể là đất, là
thung-lũng, có một màu đặc-biệt,
mà hiện nay chưa khám phá
ra được. Cũng không phải là
cây, hay cỏ, vì trên Trăng
không có một vật gì sống cả.
Trăng là một Vệ - tinh chết,
hoàn-toàn khô-khan, hiu quạnh.

HÀNG - NGÀ

NHƯNG, thưa các bạn,
chính vì thế mà nó là
một vệ - tinh sống đấy. Bởi
những đêm mù-mịt nó tặng
cho ta cả một bầu ánh-sáng
diệu-huyền, như một bầu sữa
thiên-liêng huyền-ảo để nuôi
lòng êm-dịu của loài người;
để nuôi hồn thơ của các giống
Thi-sĩ ở trần-ai.

Cần chi phải có gió mưa diên-
đảo, cây cỏ tang-thương? Cần
chi phải có ca hát thâm sâu,
biệt-ly ai-oán? Ta không biết
cối đời gió bụi mang nặng
kiếp sống này để làm chi vậy
nhì?

Khoa-học ơi! Mi chỉ làm cho
con-người càng thêm đau-khổ
trong tuyệt-vọng mà thôi! Mi
phô-bày sự thật nào-nùng cho ta

thấy, cho ta biết, cho ta nghe,
nhưng Mi không làm cho ta cảm
được!

Không! Một nghìn lần không!
Hãy đề yên cho Hằng Nga Tiên
Nữ ngự trị trên cung Trăng!
Hãy đề yên Nàng ở đấy, đề mỗi
độ Thu về, những kẻ đau khổ
ở cảnh trần gian chật hẹp và
bần tiện, bĩ ố này, còn ngược
mắt lên tìm được mối tình an
ủi chứ!

Khoa-học tàn nhẫn ơi! Mi
hãy đề yên đấy Hằng Nga của
vạn kỷ, Hằng-Nga của Thiên-
Thu, Hằng - Nga của muôn
ức triệu tâm hồn khổ-lụy nếu
không có Nàng thì tê-tái biết
bao, thì đã chết tàn-tạ hết rồi!
Trăng là trái-tim của Thượng-
Đế. Ta thông-cảm với Trăng,
chính là ta thông - cảm với
Thiên - Liêng, với Cao - Xa
Huyền-Bí, với Tinh-Khiết Diệu-
Lành. Ta thông-cảm với Trăng,
chính là ta giải-thoát ra khỏi
kiếp lệ sầu, dẫu là một phút,
một giây, mà thôi!

Hỡi khoa-học, mi đã mang
trong cái chất của mi bao
là tội-ác rồi! Mi hãy lùi xa ra,
khốn-nan! Hãy đề yên Thăng
Cuội ở góc cây Đa! Hãy đề
yên Hằng-Nga ở Nguyệt-Điện!
Và đêm nay, hãy đề Nàng buông
màn tơ ánh sáng huyền-mơ
êm-dịu kia vào ngục thăm của
trần-ai!

N. V.

Mài gươm dưới bóng

trăng tà

★ NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM

Đặng - Dung

VIÊN DŨNG TƯỚNG CUỐI
CUNG CỦA NHÀ TRẦN

PHỤ thân Ông là Đặng-
Tất, người huyện Can-
Lộc tỉnh Hà-Tĩnh, sinh trưởng
tại thôn Tả-hạ, là dòng dõi quan
Thám-Hoa Đặng-bá-Tĩnh, về
cuối đời Trần bước sang đời Hồ,
ông được Hồ-Quý-Ly trọng dụng,
bỏ làm tri phủ Hóa-Châu.

Cách mười mấy năm, cha con
Quý-Ly bị tướng Tàu là Trương-
Phụ bắt. « Hồ-Hán-Thương năm
Khai-dại thứ 5, 1407 », nhưng
ông vẫn giữ chức cũ, cai trị Hóa
Châu.

Tháng 10 năm ấy « 1407 đinh
hợi », Giản-Định Đế tức vị ở
Trường-An thuộc tỉnh Ninh-Bình.
Trương - Phụ phái quân vào
đánh, Giản-Định chạy vào Nghệ-
An. Đặng-Tất nghe tin, bèn giết

quan lại nhà Minh ở đấy, rồi đem
quân nghinh tiếp vua Giản-Định,
và tiến con gái vào cung, ông được
phong chức Quốc công, đề cùng
tính kế khôi phục.

Giữa lúc ấy thì trong hạt có
Phạm-thế-Cảng đầu hàng Trương
Phụ. Phụ phong cho làm Tri phủ
Tân-Bình. Khi Trương Phụ trở
về Đông-kinh (tức là Thăng-
Long), Đặng Tất liền đem quân
đến đánh Phạm thế Cảng, bắt
sống được Cảng ở cửa Nhật-Lệ.
Thừa thắng thu hồi được cả Tân-
Bình, Thuận - Hóa, Nghệ - An,
Thanh-Hóa, rồi lại tiến thẳng ra
Đông-Đô.

Ông thu phục lại được các phủ
huyện, lân cận, quân sự đương lúc
thắng lợi như thế chẻ tre, thì ở
Triều bỗng lại phát sinh một việc
rất là tai hại!

Vì sau khi Đặng-Tất kéo quân
đi rồi, thì bọn hoạn quan đổ kỵ,

tôn hót với vua rằng ông Trương ấy, nắm hết binh quyền, hiện đương mưu thoán đoạt ngôi vua. Vua đã ngu xuẩn, lại thêm có tánh đa nghi, tin lời chúng nói là thực, chúng bèn bày kế hãm hại ông.

Cách mấy ngày, tức là tháng 2 năm Ất Sửu (1409) Đế Ngỗi mượn tiếng ra tiếp ứng, khi đến Hoàng-Giang, sai người đi triệu Đặng-Tất về họp. Ông vô tình, tiếp được sứ triệu, lập tức về ngay. Chẳng ngờ khi về tới nơi vừa bước xuống thuyền thì bọn võ sĩ xô ra, đề ông Tất xuống bóp cổ chết ngay !

Đặng-Tất chết rồi công cuộc chiến đấu của vua Giản-Định tức thời tan như mây khói. Bị quân Tàu tiến công, vua tôi vội vàng bỏ chạy. Bao nhiêu phủ huyện lại thuộc về địch. Dân chúng lại sa vào vòng nô lệ người Tàu.

Về phần con ông Đặng-Tất là Đặng-Dung lúc ấy đương ở Nghệ-An, được tin cha bị giết một cách vô lý như vậy, rất là oán hận, liền đem quân bản bộ ra Thanh - Hóa đón Trần - Quý - Khuếch vào Nghệ-An, tôn làm Hoàng-Đế, đổi niên hiệu là Trùng-Quang, đóng tại Chi-La.

Lúc ấy Giản-Định đương đóng ở thành Ngự-Thiên. Đặng-Dung đến đánh úp, bắt được Giản-Định đem về Nghệ-An. Trần-Quý-Khuếch (tức Trùng-Quang) áo mũ chỉnh tề ra đón, thì bỗng xảy ra một việc rất lạ ! Vì đương tháng mưa dầm, thế mà lúc Giản-Định đến thì giờ tự nhiên tạnh nắng, mây vàng che phủ bốn phương, mọi người cho là điềm quý, nên không giả thù mà lại còn tôn Giản-Định làm Thượng-Hoàng, đề cùng lo toan việc nước.

Tháng 6 năm nhâm-thìn (1412) Trương Tầu là Trương-phụ lại kéo vào Nghệ-An, khi vào đến Ninh-Bình thì Đặng-Dung và Nguyễn-Soái chặn đánh ở Mô-Độ, kịch chiến suốt mấy ngày đêm, làm cho quân Minh bị thiệt hại nặng. Hiềm vì lực lượng quá mỏng, không thể cầm cự được lâu, Đặng-Dung phải rút lui.

Lúc ấy vua Tôi cùng về cả Nghệ, quân sĩ 10 phần chỉ còn non nửa, chưa kịp bố trí thì bọn Trương-Phụ đã lại kéo vào, vua tôi đành phải rút vào Hóa-Châu dựa thế hiểm trở, rồi sai NGUYỄN-BIỂU đem lễ vật ra Nghệ mượn tiếng cầu phong, đề tạm hoãn binh, nhưng Trương-Phụ không cho. Nguyễn-Biểu mắng Phụ tàn tệ,

bị Phụ giết chết. (việc này ở Đại-Nam - nhất - thống - chí về mục Nhân-vật Hà-Tĩnh, quyển 13 trang 28 chép rằng : Biều phụng mạng đến dinh Phụ. Phụ bắt phải quì, Biều không chịu, muốn thử an xem thế nào ? Trương-Phụ mời Biều ăn cơm, trong mâm cơm có một món nấu sọ người. Biều liền cầm đũa moi lấy hai mắt chấm tương ăn rồi khen ngon ! Phụ thấy vậy tỏ ý kính phục cho về.

Nhưng khi Biều đi rồi, thì tên phản quốc Phan-Liêu nói với Phụ rằng : Nếu Ngài muốn lấy nước Nam thì không có người ấy tất nhiên không được ! Phụ nghe lời cho người đuổi theo mời lại.

Lúc ấy Biều ta đã về đến Lam-Kiều, bỗng thấy có người phi ngựa mời lại, đoán rằng thế nào cũng bị Phụ giết, ông bèn lấy bút đề vào cột cầu mấy chữ : mong 1 tháng 7, Nguyễn Biều bị chết. rồi theo trở lại, Trương-Phụ khuyên ông hàng phục đề phong quan tước. ông quát mắng ầm ĩ ! Phụ mất thế diện, sai đem ra chém. Về sau đời Lê Hồng-Đức có lập miếu thờ phong hiệu Nghĩa-Liệt-Đại-Vương).

Đầu tháng 9 Quý-tị (1413) Trương-Phụ lại tiến binh vào đến Thuận-Châu cắm trại.

Lúc ấy Đặng-Dung đương ở Thái-Gia, thấy Phụ đóng ở Thuận-Châu. Đặng-Dung dẫn đoàn cảm tử đi tấn công quân địch. Đêm cuối thu, nhân lúc sương mù dày đặc, trong khoảng rừng núi âm u, mấy chục thuyền nan nhẹ nhẹ, thả theo dòng suối tiến ra, không hề có một tiếng động !

Về phần Trương-Phụ, Tướng sĩ ở trong thủy trại, gặp lúc đêm khuya giá rét ! Phần nhiều chui vào các ống rom, canh phòng không được cần mật. Đặng-Dung thừa thế cho thuyền bơi thẳng vào trong. Ông nhảy sang thuyền địch đâm chém lung tung. Quân sĩ của Trương-Phụ nhao nhao nhảy cả xuống sông !

Giữa lúc ấy thì Đặng-Dung vác giao nhảy lên thuyền của chủ soái, sấn vào trong khoang, định bắt Trương-Phụ. Nhưng vì giới tối như mực, chẳng còn trông rõ ra ai, nên chỉ đâm chém mỗi tay mà Phụ thì lui về phía sau, lẩn xuống thuyền con trốn thoát !

Đặng-Dung bèn phóng hỏa đốt trại địch rồi kéo trở về, nhưng sau đó ông bị quân Tàu bắt được cùng với vua Trần-Quý-Khuếch.

Tháng tư năm Giáp ngọ (1414) Trương-Phụ cho người áp tải vua tôi nhà Trần sang Yên-kinh,

nhưng khi đi thuyền. Để Quý-Khuếch (tức Trùng-Quang) lao mình xuống sông! Đặng-Dung cũng nhảy theo để giữ trọn tiết tháo với nhà vua.

Còn sót lại mình Nguyễn-Soái bị viên giám thủ coi chừng rất ngặt. Sau ông làm quen để gây cảm tình, rồi nhân lúc đánh cờ ông vác bàn cờ đập tên Giám thủ vô sọ! Rồi ông cũng nhảy xuống sông. Vua tội các ông mất, nhà Trần cũng mất trong tấn bi-kịch thê-thảm ấy.

Dưới đây là một bài thơ rất hay của Đặng-Dung, trích trong bộ *Đại Nam nhất-thống-chí*, quyển XIII, chương 38:

述懷詩

大	南	一	統	志	卷	
十	三	張	三	十	八	
世	事	悠	悠	素	老	何 ?
無	窮	天	地	入	酣	歌 !
辰	來	屠	釣	成	功	易 !
事	去	英	雄	飲	恨	多 !
致	主	有	懷	扶	地	軸 !
洗	兵	無	路	挽	天	河 ?
國	讎	未	復	頭	先	白 、
幾	度	龍	泉	帶	月	磨 ?

DANH NGÔN

Ái tình chớp nhoáng như một tiếng sét gây ra, không khác nào một truyện ngắn mà muốn viết thành một truyện dài.

S. H.

PHIÊN ÂM :

*Thế sự du du nại lão hà ?
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca !
Thời lai đồ, diếu, thành công
đ!
Sự khứ anh hùng âm hận đa !

Trí chủ hữu hoạt phù địa trục !
Tây bình vô lộ vấn thiên hà !
Quốc thù ọ phục đầu tiên bạch ?
Kỷ độ long tuyền đới nguyệt
ma ?*

DỊCH :

*Việc còn man mác, già rồi
Rượu thơ khuấy cả đất giời
mệnh mỏng !

Khi nên đồ diếu thành công,
Lắm khi nhớ bước, anh hùng
ngậm cay !

Phò vua trục đất muốn xoay,
Tây bình khôn nổi kéo ngay
thiên hà.

Thù còn, mái tóc sương pha,
Bao năm dưới bóng trăng tà
mài gương ?*



★ THIẾU-SƠN

ANH Nguyễn Vỹ bảo tôi viết bài cho số Trung-Thu từ ngày trăng Thu chưa mọc, nghĩa là ngay từ hồi mới sắp sửa vào thu. Lúc này tôi sống nhiều với dĩ-vãng nên lại được dịp sống lại với những chị Hằng xa xưa, trong những năm cách biệt với gia-đình, với những đứa con còn thơ ấu.

Thu đầu xa nhà là thu năm 1949. Hồi đó, tôi ở chiến khu Đ. ở vùng Đất Cuốc, Đất Đạo, Mỹ Lộc, Tân Uyên, ở những nơi đã có những trận đánh lớn mà tôi sung sướng được nghe kể lại

những chiến công oanh liệt của dân ta.

Tôi đã được thấy tận mắt những chiến lợi phẩm đem ra triển lãm gồm có những cây súng sáu, những thanh gươm, những chiếc nón của tướng, tá, thực dân, những quân kỳ và những bội tình của những người đã vượt sông Rhin, vượt sông Danube nhưng không vượt qua được sông Đồng-Nai và những núi rừng của miền Đông Nam Việt.

Tôi đã được đưa đến những đồng gạch vụn ở vùng Đất Cuốc mà người dân ở đó đã giải thích như sau :

‘Đây là cái bát cuối cùng mà

“người Pháp đã phá bỏ để rút lui. Trước đây Pháp đóng đồn ở vùng này nhiều lắm. Chúng ta đã dứt hết hệ thống và cuộc kháng chiến đã có mỗi tan rã. Nhưng anh Ba đã gầy dựng lại được cơ đồ. Và bắt đầu từ cuộc rút lui này mà anh Ba đã tổ chức lại được hệ thống từ miền Đông sắp dẫn tới miền Tây..”

Té ra tôi đã đứng trên miếng đất lịch-sử đề tưởng-tượng đến sự nghiệp của một chiến-sĩ quốc-gia, một anh-hùng dân-tộc, linh-hồn của kháng-chiến ở miền Nam. Người đó là anh Ba, tức là Trung-Tướng Nguyễn-Bình.

Nhân-vật lịch-sử này tôi đã nhiều lần được gặp và sẽ còn có dịp nói tới ở Tập-chí Phở-Thông.

Bài này viết về Thu thì nhứt định phải nói đến đêm Trung-Thu năm ấy.

Khách ở thành vào chiến-khu thường chỉ hằng được những ngày đầu, những ngày mà mình còn được đóng vai tân-khách, được mời mọc, được tiếp đón, được người ta ân-cần săn-sóc tới mình và chịu khó ngồi nói chuyện cho mình nghe. Nhưng tân được ít lâu rồi cũng thành cựu, cũng phải khép mình vào một kỷ luật chung

với mọi người, cùng hưởng một chế độ và cùng ăn uống như nhau; nghĩa là món ăn chỉ rỗng rã có một món rau muống chấm tương, nuốt không vô mà cũng cứ phải nuốt. Hồi đó lại có một con cạp ba chân với một chân thọt ở đầu tới hoành-hành. Nó đã rinh một anh đại đội phó và còn rinh luôn người vợ ông khu trưởng. Phải làm nhà sàn mà ở, đêm không được xuống thang, sợ bị rinh bắt tử.

Chính Trung Thu đã đến với tôi trong cảnh đó. May sao lại còn một chai Rượu Rhum và một gói tôm khô, gia đình mới gói lên được vài hôm.

Tôi khui rượu đề cùng nhậu với anh em, nhưng chẳng ai thấy mặt chị Hằng vì chẳng ai dám xuống thang để làm mồi cho cạp. Trong bọn cùng ở chung có một sĩ quan Pháp ra đầu hàng kháng-chiến. Y ca những bài ca Việt-Nam rất hay nhưng ăn rau muống không quen nên sừng cả nứu răng và sanh tật lấu ăn hơn ai hết. Hôm nay tôi cho y uống rượu, y khoái chí tử nhưng vẫn tha-thiết muốn được ăn một bữa cho đã thèm. Tôi hỏi y: “Cậu muốn ăn món nào trước hết?”. Đáng lẽ ăn tối thì phải ăn súp, nhưng y đòi ăn một

đĩa thịt nguội đủ cả ba tề, xúc-xích, dăm bông, gà quay và bơ nhạt. Qua món thứ hai, tôi hỏi: “Còn thêm món gì nữa?”. Y nói: “Bít Tết, khoai Tây chiên”. Tôi hỏi: “Đã chưa?”. Y nói: “Đã rồi. Muốn thêm thì thêm cho một đĩa măng Tây, xốt chua càng tốt”.

Tôi còn hỏi nữa: “Mà từ này cậu ăn chứ không uống à?”. Y cãi lại: “Thì uống Rhum của anh rồi đó. Nhưng nếu có Sâm-banh thì cũng nên uống đề thưởng trăng.”

Sau khi đã uống thật và ăn giả, y nằm ngủ và anh em cũng lần lượt ngủ theo. Tôi ngủ không được vì lần thứ nhứt tôi xa gia đình trong một cuộc viễn du không tính trước được ngày về. Vợ tôi phải một mình nuôi một bầy con nhỏ dại: đứa con gái út mới 5 tuổi và anh chị nó cũng chẳng lớn hơn nó là bao nhiêu. Tết Trung Thu là Tết của trẻ con mà trẻ con nhà tôi năm đó chắc chắn là không vui.

Trần trọc không ngủ được, tôi nhớ tới bài thơ của Lý thái Bạch như sau:

ĐẠ TỬ

Sàng tiền minh nguyệt quang,
Ngli thị địa thượng sương.
Cử đầu vọng minh nguyệt,

Đề đầu tư cố hương.
Bài này đã có người dịch:

ĐỀ NHỚ

Bóng trắng rọi trước giường,
Ngò là đất có sương.
Ngàng đầu trông trăng sáng,
Cúi đầu nhớ cố hương.

Lòng tôi nhớ cố hương thì ít nhưng nhớ tới vợ con nhiều hơn.

Tôi không thấy rõ mặt chị Hằng nhưng ánh sáng của chị cũng lọt qua những khe cây của chiếc nhà sàn trong một cánh rừng âm-u. Tôi nhìn qua những khe cây đó để tìm hướng cho tâm hồn mình đi về với gia đình trong một đêm Trung Thu ở Chiến Khu, đã xa vợ xa con mà cũng không được *Cử đầu vọng minh nguyệt* như nhà thơ họ Lý.

Những thu sau bớt thê lương hơn vì tôi được mời xuống miền Tây và được ở chung lộn với đồng bào. Ở đây khu giải phóng rộng mênh mông, có khi cả tháng không nghe thấy tiếng súng. Nhưng tôi có ba cái nhược điểm là không biết đi cầu khỉ, không biết lội sông và cũng không biết chèo xuồng. Ở miền này mà không biết ba thứ đó thì cũng như bị cấm cố. Tôi tập đi cầu khỉ

hoài cũng không quen. Tập lái
hoài cũng không được. Còn việc
tập chèo xuống cũng không phải
là dễ. Mỗi lần tôi rở tới cặp chèo
là mấy chú liên lạc la bãi hoải :
«Trời ơi ! Ông không biết lội mà
ông tập chèo, rủi có bề nào thì
tôi bị nạo sát da.» Một lần trong
khi đương ngồi uống nước trên
quán, tôi lên xuống xuống ôm
cặp chèo, chèo đại. Không biết
tôi chèo cách nào mà xuống không
đi xuôi, cũng không đi ngược.
Nó đi ngang rồi tấp qua bên kia
sông và mắc kẹt luôn ở đó. Anh
liên lạc lại có dịp la bãi hoải, anh
phải xin quá giang qua bên
xuống để rước xuống và rước
lên tôi.

Tôi không thối chí. Tôi còn
tập chèo và còn gặp nhiều tai nạn
khác nữa. Nhưng rốt cuộc tôi
biết chèo và thỉnh thoảng cũng
đám một mình chèo xuống đi chơi
lối 1, 2 chục cây số ở những con
sông Ông Đốc, sông Bảy Háp,
sông Trèm Trẹm hoặc ở những
con kênh Chắc Băng hay Cạnh
Đền.

Ở trong khu, Trung Thu là
Tết của Nhi đồng nhưng người
lớn cũng được mời tới tham gia
đề nghe diễn văn, nghe ca hát và
nghe các em biểu diễn văn nghệ

và vui nhộn. Các trẻ em nông dân
cũng có khiếu văn nghệ khá lắm.
Nhưng lần lần tôi lại nảy ra tư-
tưởng bi quan về những cuộc lễ
Tết như thế vì những tiếng «cầm-
thù», «tiêu diệt» và «dã đảo» mà
cũng cứ xuất phát một cách tự-
nhiên ở miệng con nít thì không
phải là một thứ giáo dục hợp lý,
hợp tình, hợp với tuổi ngây thơ
của chúng nó.

Trong thời kỳ kháng chiến thời
cũng được đi nhưng khỏi sao
chẳng đi hại vào những tâm hồn
trong trắng cần phải yêu thương
hơn cừu thi, cần phải cười giỡn
dưới Trăng hơn là bắt chị Hằng
phải chứng kiến cho chúng nó
đương đương oai diệu vô.

Sau khi đã có những tư-tưởng
đó tôi vắng mặt lần lần ở những
cuộc liên hoan và thường lấy
xuống đi chơi riêng để sống đời
sống riêng của mình. Ở thôn quê
trăng đẹp hơn ở thị thành nhiều vì
không có ánh sáng đèn điện làm
át mất cái ánh sáng dịu hiền của
nó. Ở những miền có sông nước,
người ta không phải chỉ có một
chị Hằng mà có những hai chị
Hằng.

Vầng trăng ai xẻ làm hai,
Nửa in đáy nước nửa còn
trên không.

Phải chỉ được ở giữa cảnh gia
đình êm ấm thì hình ảnh trên
đây thật là một hình ảnh đầy thi
vị. Nhưng tôi không được sống
trong cảnh đó nên tôi lại thích hai
câu này của Nguyễn Du :

Vầng trăng ai xẻ làm đôi

Nửa in gốt chiếc nửa soi
dặm trường.

Dầu là dặm trường trên những
con sông, rạch miền Tây hay dặm
trường trên những con đường
mòn ở miền Đông thì cảnh sinh-
ly luôn luôn vẫn làm cho lòng
người tê-tái. Kể gốt chiếc có lẽ
còn đau khổ hơn khách dặm-

trường. Chỉ có chị Hằng là
không bao giờ phát biểu ý-kiến.

Người ta nhắc tới chị hoài,
nói tới chị hoài mà, chị cứ làm
thình, lăm thế. Mà có lẽ đúng.
Người đẹp càng làm thình, càng
được người o bế. Đông, Tây,
Kim, Cồ đã nói ra với chị biết
bao nhiêu câu tâm sự.

Nhưng chắc chị cũng vừa cảm,
vừa điếc. Và rốt cuộc lại thì
chúng tôi chỉ nói cho chúng tôi
nghe với nhau, đề hiểu biết nhau
hơn, đề thương yêu nhau hơn và
đề xây dựng cho nhau một tình-
cảm phong phú và trong sáng như
sự trong sáng dịu hiền của chị.

* DANH NGON

Người ta cũng giống như rượu, thứ đồ càng lâu năm càng chua, thứ
ngon càng lâu chừng nào càng ngon chừng nấy.

CICÉRON

* CÂY DỪ Ở TRÊN LẦU THỨ 5.

Lúc từ già khách sạn, ông họ gọi người gác cửa, giọng gấp rút:

— Này chú ơi ! Chú làm ơn lên tầng lầu thứ 5 phòng số
132 xem tôi có bỏ quên cây dừ trên ấy không ! Tôi gấp quá, chỉ
còn 5 phút nữa là xe lửa chạy ...

Người gác đàn chạy ba giờ bốn cẳng lên 5 tầng lầu rồi trở
xuống với hai tay không. Vừa thở hào hển vừa nói :

— Dạ, có ! Cây dừ của ông có ở trên ấy đấy ạ !

LỊCH SỬ TẾT

* NGUYỄN TRIỆU

NÓI đến truyện Tết Trung-Thu nên tôi có cảm hứng viết mấy ngày lịch-sử về ngày Rằm tháng Tám để nhập đề câu truyện :

15 THÁNG 8 NĂM GIÁP-NGO
(29 Aout 1414)

Bọn tướng nhà Minh là Trương-Phụ và Mộc-Thanh, rút lui về Tàu, bắt đàn bà và con gái nước ta đem theo về rất nhiều.

15 THÁNG 8 NĂM NHÂM-DẦN
(31 Aout 1422)

Lê-Lợi đóng đồn quân ở Quan-Du (châu Quan-Hóa, thuộc Thanh-Hóa), bị quân Minh chặn đánh mặt trước, quân Lào úp đánh đằng sau theo thế « gọng kìm ».

15 THÁNG 8 NĂM GIÁP-THÌN
(4 Septembre 1484)

Vua Lê-thánh-Tôn sai dựng



những bia Tiến-sĩ tại Văn-Miếu thành Thăng-Long. Những bia đá ấy nay còn ở Hà-nội mà nhân dân đất « Ngàn năm văn vật » vẫn còn nhớ « những ông Nghè triều Lê ».

Hồi tưởng lại khi tôi mới 6 hay 10 tuổi, cách đây nửa thế-kỷ, tôi thích nhất là đi xem đèn, xem cổ và nghe hát « Trống-quân » đêm rằm tháng tám, tức Tết Trung-Thu !

Đêm ấy, tôi đi theo những người lớn tới một làng nọ, cách châu thành chừng 10 cây số ; vào đến đình, người đông như kiến, tôi len lỏi mãi mới vào được đến gần sân đình, mon men leo lên một cây Mít ở gần đấy rồi ngồi chờ để nghe hát « Trống quân ». Phía trên đình, các cụ ngồi la liệt ăn bánh, uống nước « trông giăng », dưới sân đình con trai con gái đứng chập ních hai bên :

Đến giờ hát. Bên Nam lên tiếng trước :

« Thình »... « thùng »...
« thình »... « thùng ».. « thình »..

— Anh mới tới đây !

Bây giờ anh mới tới đây,
Gặp em, anh hỏi câu này,
nên chăng ?

Nhất cao là chốn cung Trăng,

hiều là
Cuội kia cũng đứng
lúa-long,
thần tình cùng
Nhất nghiêm là ngày nay.
cả những
Thuyền ngư len lỏi
ân vân...
này, theo
Thấy em anh muốn
ann chép :
Hỏi rằng em có một con cá
h, đến tết
người, đi
Muốn cùng nh
hại nhiều
ế, tàu Vua
Hỏi em, em có giấy treo ở
y loài cùng
nữa. Từ đây

« Thình »-« thình »-« thùng », « thình »-« thùng », trong sử
Bên Nữ đáp, đầu nói đến,
Tang-thương
trong trèo thanh hạm-Đình-Hồ
Con gái thanh
kề một mẫu
— Em là con cháu chúa-Trịnh :

Mẹ cha yêu tết rằm tháng 8.
ước, Chúa xuất
Thấy anh đi nội cho thuộc-
Cho nên em thứ đèn lồng
cái, rất tinh-tế
bên đáng giá tới 20

Còn non còn tháng tám Chúa
Em nay còn-cung, có cái ao
g-trì » rộng chừng

Mấy câu câu mọc đầy. Nơi bờ
á đắp thành núi già
Xin anh đừng
hàng gọi là « Hừu-
ác nhạc-công ngồi

Cũng là hát... Bờ đi trồng
Thì ta giả liễu treo đèn ở trên.
à lấy làm vui lắm,
tới về...

Cũng nh

LỊCH SỬ TẾT

✱ NGUYỄN TRIỆU

NÓI đến truyện Tết Trung-Thu nên tôi có cảm hứng viết mấy ngày lịch-sử về ngày Rằm tháng Tám để nhập đề câu truyện :

15 THÁNG 8 NĂM GIÁP-NGỌ
(29 Aout 1414)

Bọn tướng nhà Minh là Trương-Phụ và Mộc-Thanh, rút lui về Tàu, bắt dân bà và con gái nước ta đem theo về rất nhiều.

15 THÁNG 8 NĂM NHÂM-DÂN
(31 Aout 1422)

Lê-Lợi đóng đồn quân ở Quan-Du (châu Quan-Hóa, thuộc Thanh-Hóa), bị quân Minh chặn đánh mặt trước, quân Lào úp đánh đằng sau theo thế « gọng kìm ».

15 THÁNG 8 NĂM GIÁP-THÌN
(4 Septembre 1484)

Vua Lê-thánh-Tôn sai dựng

Thú



những bia Tiến-sĩ tại Văn-Miếu thành Thăng-Long. Những bia đá ấy nay còn ở Hà-nội mà nhân dân đất « Ngàn năm văn vật » vẫn còn nhớ « những ông Nghè triều Lê ».

Hồi tưởng lại khi tôi mới 6 hay 10 tuổi, cách đây nửa thế-kỷ, tôi thích nhất là đi xem đèn, xem cỗ và nghe hát « Trống-quân » đêm rằm tháng tám, tức Tết Trung-Thu !

Đêm ấy, tôi đi theo những người lớn tới một làng nọ, cách châu thành chừng 10 cây số ; vào đến đình, người đông như kiến, tôi len lỏi mãi mới vào được đến gần sân đình, mon men leo lên một cây Mít ở gần đấy rồi ngồi chờ để nghe hát « Trống quân ». Phía trên đình, các cụ ngồi la liệt ăn bánh, uống nước « trông giăng », dưới sân đình con trai con gái đứng chật ních hai bên :

Đến giờ hát. Bên Nam lên tiếng trước :

« Thình »... « thùng »...
« thình »... « thùng ».. « thình »..

— Anh mới tới đây !

Bây giờ anh mới tới đây,

Gặp em, anh hỏi câu này,
nên chăng ?

Nhất cao là chốn cung Trăng.

Cuội kia cũng được thung-
thăng ra vào ?

Nhất nghiêm là chốn động
Đào,

Thuyền ngư len lỏi cũng vào
tới nơi !

Thấy em anh muốn vào chơi,
Hỏi rằng em có nổi lời được
không ?

Muốn cùng nhau tạc chữ
« Đồng »

Hỏi em, em có vui lòng mà
theo....

« Thình »-« thùng »-« thình »...
« thùng », « thình »....

Bên Nữ đáp, với một giọng
trong trẻo thanh tao :

Con gái thanh tân,

— Em là con gái thanh tân.
Mẹ cha yêu dấu, mười phân
vẹn mười,

Thấy anh đoan chính ở đời,
Cho nên em mới ngỏ lời
một hai...

Còn non còn nước còn dài...
Em nay còn đợi một người
tài hoa !

Mấy câu em nói thật thà.
Xin anh đừng giọng giăng hoa
làm gì,

Cũng là buổi mới tương tri,
Thì ta giảng dụ lễ nghi một
hào.

Cũng như chủ khách dập dìu.

Chớ như giăng gió mà điều nó
kia...

Đó là mấy câu hát « xưa »
là « quê-kịch » thuần-túy Việt-
Nam, đến nay đã 50 năm tôi
còn nhớ !

Theo âm-lịch nước ta đã dùng
từ xưa đến nay, là Lịch nhà Hạ
(2.205-1766 trước T. L.) thì
tháng bảy, tháng tám, tháng chín,
là mùa Thu.

Lịch nhà Thương (tức Ân)
(1766-1122) lấy tháng 12 làm
tháng giêng thì mùa Thu lại
ngang với tháng 6, tháng 7,
tháng 8.

Lịch nhà Chu (1122-250) thì
lấy tháng 11, làm tháng giêng
nên mùa Thu lại ngang với tháng
5, tháng 6, tháng 7. Thế nên
người ta cho rằng, mùa Thu của
nhà Chu là mùa nắng dữ.

Sau này đến Lịch nhà Tần
(246-207) thì lại lấy tháng 10
làm tháng giêng nên mùa Thu
lại ngang với tháng 4, tháng 5
và tháng 6.

Tết Rằm tháng 8 vào giữa mùa
Thu nên gọi là « Tết Trung-
thu », « Tết Trẻ-con » hoặc tết
Trông Trăng ».

Nông-dân miền Bắc chúng ta
thường chú-trọng về đêm 15
tháng 8 để chiêm nghiệm vụ mùa
qua năm sau, như trăng trong

thì được lúa mùa, trăng đục
thì được lúa chiêm, nếu không
có trăng thì thất mùa cả hai vụ,
nên đã có câu ca-dao.

« Tô trắng 14 được lắm,

« Tô trắng hôm rằm thì được
lúa chiêm »

Và lại còn có câu :

« Muốn ăn lúa tháng năm,

« Xem trăng Rằm tháng tám ».

Tục ăn tết Trung Thu (tháng 8)

cũng như tết Đoan-ngọ (tháng 5)
theo Tàu hết vì ta bị Bắc-thuộc
mãi đến cuối đời nhà Đường,
nên diên-tích ăn tết Trung Thu là
do mấy chữ « Vọng-Nguyệt-Đài »
về đời Đường-Minh-Hoàng tức
vua Huyền-tôn nhà Đường (712-
755) :

Một đêm rằm tháng 8, Đường-
Minh-Hoàng cùng Dương-quý-
Phi đến ao Thái-dịch trong hoàng-
thành, nhà Vua đứng dựa vào lan
can trông trăng không biết chán
và tỏ ý kém vui, bèn sắc cho bá-
quan cất đắp một lầu đài cao
ngoài 100 thước ở bờ phía Tây
ao Thái-Dịch để qua năm sau
Hoàng-đế và quý-phi trông trăng,
nhưng vì trong nước lúc bấy giờ
có giặc nên Đài « Trông Trăng »
không xây cất được.

Xét như vậy thì ý-nghĩa chữ
« Trông Trăng của người Tàu
chỉ là một sự vui chơi xa-xỉ cho

thỏa-thích của những vị đế-vương
mà thôi, chớ không có ý gì chiêm
nghiệm như của nhà nông dân-
tộc ta.

Sách Tàu lại còn chép Tết 15
tháng 8 là do diên-tích Đường-
Minh-Hoàng mộng thấy lên chơi
Cung Quảng-Hàn và đã được
người ta soạn ra vở tuồng
« Đường - Minh - Hoàng du
Nguyệt điện » phỏng theo sự-
tích sau đây :

Năm Mậu-ngọ (718 sau T.L.)
là năm khai-nguyên thứ 6, Vua
Minh-Hoàng nhà Đường cùng
thiền-sư họ Thân và đạo-sĩ họ
Hồng, nhân đêm Trung-Thu
(15-8), Thiền-sư làm phép cho
cả 3 người cùng lên trên mây dạo
chơi trong Cung - Trăng, thấy
mình như bay vào cung-diện,
đi đi, lại lại trên lưng chừng
Trời, bay đi được một lát thì tới
một lâu đài đồ sộ cao lớn, cửa
ngoài có tấm băng đá đề mấy
chữ lớn « Quảng Hàn thanh hư
chỉ phủ » nghĩa là cái phủ rộng,
rét, trong sạch hư không...

Xem như thế thì những chữ
« Quảng-hàn », « Nguyệt-diện »
« Nghê thường » đều ở sự-tích
vua Đường-Minh-Hoàng lên chơi
Cung-Trăng và rồi đến khi vua về
Hạ-Giới, bắt chước những vũ-
điệu của các tiên nữ và Hằng-
Nga mà tập-luyện cho cung-nữ
mình múa hát !

Còn về những kiểu đèn mà ta
thường thấy thấp chơi trong đêm

15 tháng 8 thì phần nhiều là
những đèn Mặt-trăng, cá hóa-long,
thiên-thù, những hình tứ-linh cùng
hoa-quả, nhưng đến ngày nay,
đồng bào đã cải-cách, có cả những
đèn xe tăng, máy bay, vân vân...
Về diên-tích những đèn này, theo
một tài-liệu của Nordemann chép :
Về đời nhà Tống, có một con cá
chép vàng thành tinh, đến tết
Trung-thu hiện ra hình người, đi
dỗ đàn bà con trẻ làm hại nhiều
lắm. Bao-công thấy thế, tâu Vua
sai dân làm đèn bằng giấy treo ở
cửa để nó trông thấy loài cùng
giống thì không đến nữa. Từ đấy
dân mới khỏi hại.

Về tết Trung-Thu, trong sử
sách nước ta không đâu nói đến,
chỉ thấy trong « Tang-thương
ngẫu-lục » của Phạm-Đình-Hồ
và Nguyễn Án có kể một mẩu
truyện cũ trong Phủ chúa-Trịnh :

« Mỗi năm đến Tết rằm tháng 8,
cách vài tháng trước, Chúa xuất
gắm, vóc trong nội cho thuộc-
cung chế-tạo các thứ đèn lồng
hàng 100, 1.000 cái, rất tinh-tế
kỳ-sảo, mỗi cái đèn đáng giá tới 20
lạng bạc, đến 15 tháng tám Chúa
ngự ra chơi Bắc-cung, có cái ao
tên gọi là « Long-trì » rộng chừng
nửa dặm, sen, ấu mọc đầy. Nơi bờ
ao lấy đất và đá đắp thành núi giả
và lại có nơi riêng gọi là « Hữu-
ao » để cho các nhạc-công ngồi
thổi sáo và ca hát... Bờ di trồng
nhiều dương-liễu treo đèn ở trên.
Chúa thích và lấy làm vui lắm,
đến gà gáy mới về...

Trong gió heo về

Tôi biết khi Thu hái lá vàng,
Chín trời rung mở lảng Thu sang.
Những tình, những cảnh hồ im chết,
Trong gió heo về, dậy ngổn ngang.

Ai thấy cùng chẳng trong gió sương,
Dặm dài mây rối, khách tha hương.
Ngậm ngùi dừng gót chân vô định,
Ở giữa rừng Thu lá ngập đường.

Ai nghĩ đến không cảnh lỡ thì ?
Nỗi người chinh-phụ nhớ người đi ?
Ai ơi, sao gió trời Thu lại,
Đổ ngập lòng tôi những những gì !

Ai đếm hộ tôi lệ mấy hồ,
Tuổi trên dĩ vãng liệm trong mồ ?
Bao cung đàn khóc khi Thu đến ?
Biết mấy lệ lòng rõ hóa thơ ?

TỪ-TRẦM-LỆ

Mình ơi!

Em muốn lên Trăng...

✧ DIỆU-HUYỀN



Ngồi ngoài
hiên ăn bánh
Trung - Thu
với chồng, Bà
Tú nhìn Trăng
rồi cười :

— Mình ơi, ước gì mình với
em lên ở được trên Cung Trăng
nhỉ ? Em không thích ở trên Trái
Đất này nữa, Mình à !

— Đâu có khó gì ! Trước đây
1700 năm đã có người đi lên
Trăng rồi.

Bà Tú ngạc nhiên :

— Thật à, Mình ?

— Người ấy là một nhà Triết-
học Hy-lạp, và Văn-sĩ trào-phúng,
tên là LUCIEN DE SANO-

SATE. Ông có kể chuyện một
hôm ông đi chơi trên bờ biển,
thình-lình một trận bão-tố dữ-dội
nổi dậy cuốn ông bay miết đến eo
bờ GIBRALTAR, rồi từ đó bay
ngang qua một con sông to tên là
ĐẠI - DƯƠNG, 8 ngày 8
đêm cứ bị gió cuốn bay lên cao
mãi, cao vút mãi lên chín tầng
mây, rồi ngày thứ 8 ông rơi xuống
một hòn đảo tên là « ĐÀO
QUANG-MINH ». Té ra ở đây
là Mặt-Trăng ! Ông đi dạo chơi,
thấy Cung-diện một Nữ-chúa...

— Có phải cô Hằng - Nga
không ?

— Chính cô Hằng - Nga. Cô
Hằng-Nga có yêu một vị Thiên-

thần rất đẹp trai, tên là ENDYMION. Nhưng Endymion, một đêm nằm ngủ mê thấy một nàng đẹp quá, tên là CYNTHIE, chàng cứ nghe tiếng rất yêu-dương của Cynthia gọi tên chàng hoài, mà chàng không biết nàng ở đâu. Thức giấc dậy, Endymion từ giã Hằng - Nga, và chạy khắp các phương trời để tìm cho được nàng Cynthia... Tìm được rồi, hai người yêu nhau say-mê... Đó là câu chuyện của nhà Văn Lucien de Samosate ở Hy-Lạp, hồi thế-kỷ thứ III, vào khoảng năm 263, kể lại cuộc hành-trình của ông lên Cung - Trăng và một chuyện tình-duyên dang-dở của cô Hằng Nga bị chàng Endymion từ bỏ. Chàng Endymion này chính là một vị Thiên-Thần Hy-Lạp đẹp trai lắm. Thi-sĩ Anh, là JOHN KEATS, (1818) cũng có làm một tập thơ, ca ngợi sắc-dẹp của Thần Endymion. (Và tặng Vong-Linh Thi - sĩ CHATTERTON, thơ rất hay nhưng chết mới có 18 tuổi). Anh nhớ trong tập đó có câu này thú lắm :

A thing of beauty is a joy for ever.

— Là nghĩa sao, Minh ?

— Một cái vật gì đẹp là một niềm vui muôn đời. Cũng như

Mình đẹp, Mình là niềm vui muôn đời của anh vậy mà.

Bà Tú sung-sướng cười, tím-tím... Bà hỏi :

— Còn ai lên Cung Trăng nữa, Minh ?

— Vua HUYỀN-TÔN đời nhà Đường bên Tàu, hồi đầu thế-kỷ thứ VIII. Ông Vua này lại dặt theo nàng DUONG-QUÝ-PHI « du nguyệt-diện »...

Thế-kỷ XVII có nhà Thi-sĩ Pháp, CYRANO DE BERGERAC cũng có lên trăng. Ông có viết quyển : « *Histoire comique des Etats et Empires de la Lune* », xuất bản năm 1656. (Lịch-sử trào - lộng của các Quốc-gia và đế - quốc Mặt Trăng). Nhà Thi-sĩ hài-hước kể những chuyện thật tức cười và châm-biếm sâu-sắc, xảy ra ở trên xứ Trăng. Cuối thế - kỷ XIX, cũng có hai ông Văn-sĩ lên thăm Cung Trăng. JULES VERNE, trong quyển « *De la Terre à la Lune* » (Từ mặt Đất lên mặt Trăng) xuất - bản ở Paris năm 1865, kể một chuyến đi lên Trăng. Văn-sĩ Anh, H. G. WELLS cũng có viết về cuộc hành trình lên Nguyệt-Điện. Còn ở Việt-Nam mình, thì có Thi-sĩ TẢN - ĐÀ, NGUYỄN-KHẮC-HIỆU cũng

đã có lần « gánh thơ lên bán chợ giời ». Hình như Giời chê không mua, nên Thi-sĩ lại phải gánh về Hạ-giới, nhưng thế nào lúc về ông chả ghé vào nhậu vài tuần rượu với cô Hằng !

— Thế ra cô Hằng - Nga cao vòi-vọi kia mỗi tháng ra trình-diện với quả Đất chỉ có một đêm Rằm thôi, mà cũng quyến rũ được trí tưởng - tượng say - mê của bao nhiêu người nhỉ !

— Đó là anh chưa kể những kẻ điên vì cô ấy. Như Thi sĩ LÝ BẠCH lên trên cung Quảng Hàn không được, mê quá không biết làm sao, một đêm ngồi thuyền thấy bóng cô Hằng Nga dưới sông, thi sĩ liền nhảy đại xuống nước định hiếp dâm nàng, không dè bị trôi luôn theo dòng ngân-thủy...

— Rõ thật cái ông Thi sĩ ấy điên rồ !

— Kể cũng đáng tiếc ! Vì nếu Lý Bạch nán đợi đến thế-kỷ XX này hãy ra chào đời một lượt với tụi mình, thì họa may ông có dịp đi du lịch trên cung Trăng và tha hồ tình tự với cô Hằng.

— Thế ra mình tin rằng ở Thế kỷ này...

— ... Chúng ta sẽ có dịp lên cung Trăng. Minh khỏi lo. Hai đứa

mình cứ sửa soạn ngay từ bây giờ thì vừa... Đề sang năm xách va-li đi.

— Sang năm ?

— Phải rồi, sang năm, 1960: Chứ bây giờ người ta chưa bán vé.

— Vé gì, hả mình ?

— Vé du lịch lên Cung-Trăng đó.

— Ai bán ? Bán ở đâu ?

— Hiện nay ở bên Mỹ có hai công ty đang tổ chức cuộc du-lịch lên Trăng. Một, tên là MOON MINING INCORPORATED (Công ty nặn danh các hầm mỏ trên mặt trăng). Đây là nhóm người triệu phú dự định lên mặt trăng để khai khẩn các hầm mỏ trên ấy. Vì khoa học đã khám phá rằng trên trăng có nhiều chất kim-khí lạ. Còn một hội du-lịch nữa, tên là HAYDEN PLANE TARIUM, ở New York, cũng đang tổ chức những cuộc du-lịch khứ hồi từ Trái Đất lên Trăng rồi về. Đã có một thiếu nữ người Thụy Điển, rất đẹp, ghi tên trước vì cô sợ hết chỗ !...

— Tên cô ấy là gì, hả Minh ?

— Anh quên tên. Cái gì... Bo Bo... như Greta Garbo vậy... nhưng anh có thấy hình của cô ấy đăng trên tờ báo Mỹ *Life* ... Cô

đẹp... thật là đẹp, hai mươi tuổi, (cũng gần bằng như tuổi Minh, thấy hông?) và hiện giờ ở với ông cha già của cô, ở Stockholm, kinh đô Thụy-điển.

Bà Tú thấy chuyện đi du lịch lên Trăng, lúc đầu bà tưởng ông Tú nói chơi, không dè bây giờ bà thấy ông Tú nói thật, bà hơi băn khoăn... hồi hộp :

— Nếu người ta đã mở sở du lịch đi lên Trăng, thì em với Minh cùng đi nhé ?

— Anh cũng đã dự tính như thế, chứ ở dưới mặt đất này ngột thở lắm rồi.

— Nhưng đi bằng gì, hả mình?

— Đi bằng một chiếc phi thuyền. Nghĩa là một chiếc hỏa tiễn lớn như một chiếc Tàu, và nặng, có thể chứa được mỗi chuyến vài chục người.

— À, Minh à, em đọc các báo nói về hỏa tiễn lên Trăng, mà em vẫn không hiểu làm sao nó lên được? Họ viết về khoa học khó hiểu quá. Minh giảng rành rẽ cho em nghe đi. Thí dụ như chiếc phi thuyền bay lên Trăng, máy móc nó thế nào, làm sao nó bay được một khoảng cách xa quá như thế? Em nhớ có lần Minh nói cho em biết rằng từ mặt đất lên đến mặt Trăng là

384.000 ki-lô-mét, phải không Minh?

— 384.000 là khoảng-cách trung-bình. Vì Trăng xoay không ngừng chung quanh quả đất, cho nên khoảng-cách có thay-đổi từ xa nhất là 409.000 ki-lô-mét, đến gần nhất là 360.000 ki-lô-mét.

Vì thế, nên khi người ta chế chiếc hỏa-tiên, người ta phải tính thế nào để khi nó lên đến gần mặt Trăng thì nó phải lọt đúng vào vòng quỹ-đạo của Mặt-Trăng, nếu không thì nó sẽ không đến Trăng được, và sẽ rơi ra ngoài, tiêu-tan hết.

— Đường quỹ-đạo là đường gì hả Minh?

— Mặt Trăng xoay chung quanh quả đất theo một vòng tròn nhất-định. Đường vòng ấy gọi là quỹ-đạo (Orbite). Hỏa-Tiên lên gần đến Trăng phải lọt đúng vào đường quỹ-đạo. thì mới gặp được Mặt - Trăng.

Cũng như đường rầy, chiếc xe lửa phải lăn đúng trên đường rầy thì mới chạy được đến ga.

— Nhưng chiếc Hỏa-Tiên làm sao bay lên được một khoảng cách trên dưới 380.000 ki-lô-mét để gặp mặt Trăng? Nó nhờ sức mạnh gì đẩy nó lên một cao-độ mịt mù cùng tận như thế?

— Anh phải vẽ một chiếc Hỏa-Tiên trên giấy thì anh mới giảng cho Minh thấy rõ được.

Minh coi đây nhé. Hỏa - tiễn có nhiều thứ. Của Nga, có *Spoutnik*, Của Mỹ, có *Explorer*, *Pioneer*, *Vanguard*, *Discoverer*, *Atlas*, v. v. . . Anh lấy một chiếc *Pioneer I*, như anh vẽ sơ-được bên đây, làm thí - dụ cho Minh thấy cái nguyên - tắc khoa-học làm cho một Vệ-tinh nhân-tạo cao 32 mét, nặng 50 tấn (Hỏa-Tiên *Pioneer I*), mà có thể bay vút đến quá 126.000 ki-lô-mét. Cái Hỏa - Tiễn này, cũng như các Hỏa-Tiên khác đều có 4 tầng, hoặc hơn nữa.

— Tại sao phải 4 tầng, hả Minh?

— Trước hết, Minh có biết tại sao Trái đất chẳng dính vào đầu cả mà tự nhiên nó cứ quay tròn hoài, lơ-lửng giữa không-gian, không bao giờ rớt? Minh có biết tại sao không?

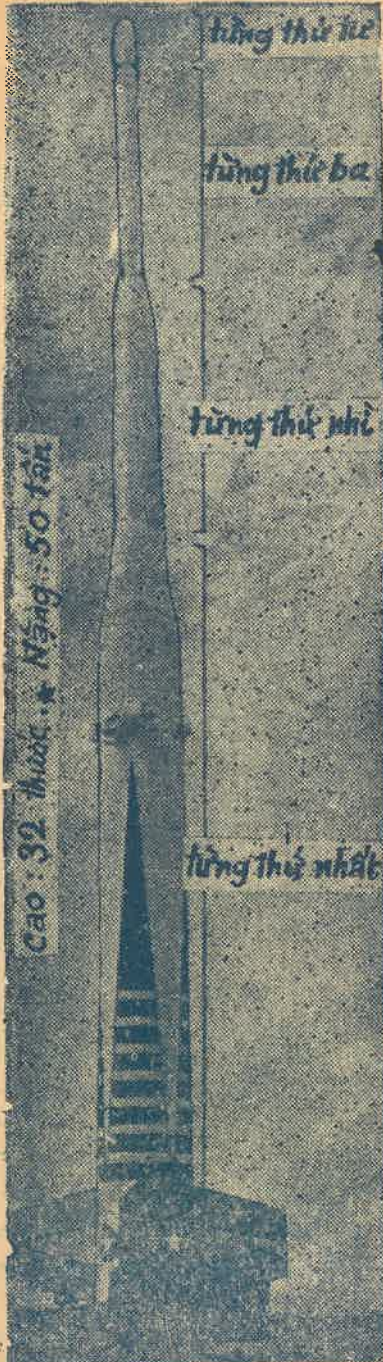
Bà Tú mỉm cười :

— Chắc tại nó không muốn rớt!

— Nó không rớt tại vì nó nhờ có một sức mạnh ôm giữ chặt lấy nó : gọi là sức *hướng tâm* (*Force centripède*) sức ấy thu-hút mọi vật vào Trái Đất tức cũng gọi là *sức thu-hút của Trái Đất* (*Attraction Terrestre*).

— Cái đó dễ ợt, em biết.

— Nhờ cái dễ ợt khỏi điềm



đó mà sinh ra nguyên tắc Hỏa-Tiền hay là « Vệ tinh nhân tạo ». Bởi vì nếu muốn phóng một hỏa-tiền hay bất cứ một vật gì, lên thượng tầng không khí, thì hỏa-tiền đó tất nhiên phải có một tốc độ thật mạnh mới vượt ra khỏi được sức thu hút của trái đất. Nếu tốc độ ấy là 8 ki-lô-mét một giây đồng hồ (8 KM/SECONDE) nghĩa là MỖI GIỜ 28.800 KI-LÔ-MÉT, thì hỏa-tiền ấy chỉ có tốc độ quân bình, ngang với sức thu hút của trái đất chứ không vượt ra khỏi cái vùng thu hút ấy được. Cho nên muốn thoát ly ra khỏi hãm sức thu hút của trái đất, Hỏa-tiền phải có một tốc độ 11 km/giây, nghĩa là 40.000 km. — giờ, Minh hiểu không ?

— Em hiểu rồi. Nhưng em chưa hiểu tại sao...

— Thong thả. Minh đừng có vội. Muốn cho hỏa-tiền có tốc độ 40.000 KM MỖI GIỜ, thì người ta phải làm nó có nhiều tầng, mỗi tầng vượt qua một giai đoạn. Thí dụ, khi phóng Vệ-tinh nhân tạo lên người ta chỉ cho cái máy phản lực của hỏa-tiền ở tầng nhất chạy thôi. (xem hình vẽ) 3 hỏa-tiền ở ba tầng trên gắn vào từng nhứt nhưng

chưa chạy. Khi hỏa-tiền tầng nhất đã tự động và bay lên cao được 12.000 ki-lô-mét — giờ (tốc lực tối đa của nó) nó sắp tắt thì cũng vừa đúng lúc máy phản lực của hỏa-tiền ở tầng nhì bắt đầu chạy tiếp, và vượt mạnh thêm $12.000 + 2.000 = 24.000$ ki-lô-mét—giờ.) Lên đến đây, hỏa-tiền ở tầng nhì vừa hết tốc độ, sắp tắt, thì vừa đúng lúc hỏa-tiền ở tầng ba bắt đầu tự động và bay vút lên được thêm 12.000 ki-lô-mét nữa. Nghĩa là ba hỏa-tiền ở ba tầng đã thay phiên và kế tiếp nhau bay vút lên ba giai đoạn, tốc độ cộng lại là ba lần $12.000 = 36.000$ ki-lô-mét — giờ. Thế là ba hỏa-tiền ở ba tầng dưới đã lần lượt, cái trước, cái sau, cách nhau 12.000 ki-lô-mét — giờ, hết cháy và rời ra tiêu-tan, chỉ còn lại giai đoạn chót, một hỏa-tiền cuối cùng ở tầng tư vượt ra khỏi vùng thu hút của Trái Đất, rồi phóng thẳng lên thượng-tầng để lọt cho trúng đích vào đường Quỹ-đạo (orbite) của Mặt Trăng.

Minh hiểu rõ chưa ? Tất cả máy-móc của Vệ-Tinh nhân tạo đều theo nguyên-tắc ấy cả.

— Minh à, như thế, nghĩa là 3 hỏa-tiền ở ba tầng 1, 2, 3, chỉ có tác-dụng là đẩy Vệ-tinh nhân-

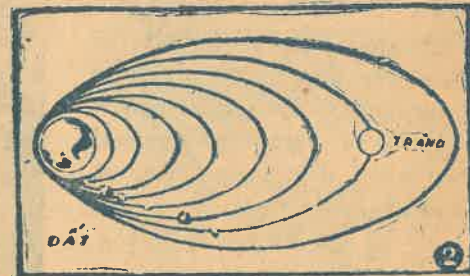
tạo vượt qua 3 giai-đoạn để thoát khỏi sức thu-hút của Trái-Đất mà thôi. Xong nhiệm vụ, thì mỗi cái tự rời ra. Chính cái hỏa-tiền ở tầng thứ 4 còn lại sau cùng mới đúng là cái Vệ-tinh nhân tạo bay thẳng lên Trăng ?

— Đúng. Nhưng nó cũng chưa bay thẳng lên tới Trăng được ngay. Lên Trăng có hai đường đi. Một đường đi trực-chỉ tới Trăng. Một đường khác đi vòng Trái Đất. Chính đường trực-chỉ thẳng tới Trăng rất là nguy hiểm, Khi hỏa-tiền đã lên khỏi Trái Đất 300.000 ki-lô-mét rồi, nghĩa là chỉ còn cách Mặt Trăng

80.000 ki-lô-mét thôi, thì hỏa-tiền bắt đầu rơi vào vùng thu hút của Mặt Trăng (Attraction lunaire). Nhưng sức thu-hút của trăng có sáu lần kém thua sức thu-hút của Địa - cầu. Vì vậy, hỏa-tiền bắt đầu bay chậm-chậm, và xoay tròn chung quanh mặt Trăng. Đó là con đường thứ nhất (xem hình 1). Còn con đường

thứ 2 thì xa hơn nhiều, phiền-phức hơn, nhưng chắc chắn hơn. Theo con đường này, Hỏa-tiền sẽ làm Vệ-tinh bay xung quanh quả Đất, và cứ nói rộng đường quỹ đạo của nó ra mãi 7 hay 8 lần, thì nó gặp đúng đường quỹ-đạo của Trăng (Hình 2).

Bà Tú lấy dao cắt một miếng



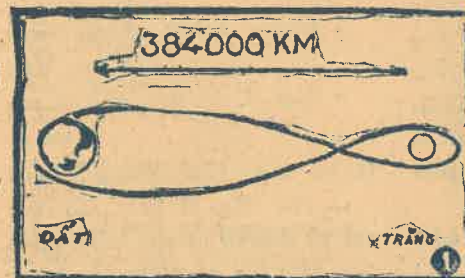
bánh Trung-thu đậu xanh, có trông đỏ trứng gà, đưa ông Tú :

— Cái này ngon lắm, Minh... Rời làm sao Hỏa-tiền rơi xuống mặt Trăng được, Minh nhỉ ?

Ông Tú ăn hết miếng bánh :

— Minh cắt cho anh miếng nữa đi. Bánh Minh mua ngon

quá... Minh hỏi làm sao Hỏa-tiền rơi xuống mặt Trăng được hả ? Các nhà Bác học chế ra Hỏa-tiền phải nghiên cứu tỉ-mỉ, tính toán từng ly từng tí để sao cho Hỏa-tiền đúng ngày nào, giờ nào, phải gặp Mặt Trăng ở nơi nào trên đường quỹ đạo



(Orbite) của nó, rồi Hỏa tiễn sẽ đổ bộ xuống Mặt Trăng. Hiện nay nhà Bác học VON BRAUN, là người cha đẻ ra V2 của Đức, và các Vệ tinh nhân tạo của Mỹ bây giờ, đã nghiên cứu xong và sắp thực hành trong năm tới một chương trình du hành vĩ đại lên các hành tinh... Hiện chiếc DISCOVERER VI đang bay theo đường Quỹ đạo trong tháng 8 này sẽ mở kỷ nguyên mới cho sự thực hiện đưa loài người lên đến Cung-Trăng, và Kim tinh, Hỏa tinh.

Bà Tú ngó lên trời, một vòm trời sáng dịu như màu sữa :

— Sao Kim Tinh là ngôi sao nào đâu, hả Minh ?

— Là Sao Hôm kia ! Nó với Sao Mai vẫn là một. Hồi xưa người Hy-lạp, La-Mã, cũng tưởng nó là hai cái khác nhau, cho nên cái mọc buổi tối thì gọi là VESPER, cái mọc buổi sáng thì gọi là LUCIFER. Ta cũng vậy, tối ta gọi nó là Sao Hôm, buổi sáng thì gọi là Sao Mai. Tiếng khoa học gọi là Venus, hay Kim tinh. Người Tàu gọi là sao Thái-Bạch. Tiếng Pháp còn gọi nó là L'Etoile du Berger. Nó là hành tinh gần quả đất nhất.

— Gần là bao nhiêu kí-lô-mét ?

— Khoảng cách của nó đối



Bác-học VON BRAUN, cha đẻ của Vệ-tinh nhân-tạo Mỹ

với trái đất rất là bất thường, nhưng nó cũng là gần nhất Mặt trời, nghĩa là vào khoảng 108 triệu kí-lô-mét.

Bà Tú uống hớp nước trà nóng rồi ngâm :

« Buồn trông chênh-chéch sao Mai,

« Sao ơi, sao hỡi, nhớ ai sao mờ ? »

là nó đấy, phải không Minh ?

— Nó đấy, đề hôn nào rảnh anh kể chuyện nó cho mình nghe. Sao Mai kia có nhiều chuyện lý-

thú lắm, Minh à ... Nó vẫn là ngôi sao sáng nhất trong vòm trời Văn Học, giữa nó với các nhà Văn Thơ Đông-Tây. Kim-Cổ, có một mối duyên văn tự lưu truyền từ ngàn xưa.

— Mình ăn bánh dẻo không ?

Ông Tú gật đầu :

— Ăn chứ.

Bà vừa cắt bánh vừa bảo :

— Thôi, đêm nay Trung Thu. Mình ăn bánh uống trà rồi đi nghỉ. Hôm nào mình rảnh rãnh đã, em sẽ hỏi Minh về đời sống trên mặt Trăng ..

— Ủ, Anh có coi mấy quyển sách Thiên Văn học nói về mặt Trăng và thề chất của nó. Hôm nào anh nói cho nghe. Đêm nay anh đề nghị hai đứa mình dắt nhau đi chơi rong, và coi múa lân chơi.

— Ời, đi. Minh. Em cũng thích coi múa lân lắm.

Nửa giờ sau, đi ngoài đường Ông Tú lại kể những chuyện « Con-lân » cho bà Tú nghe ...



★ DANH-NGÔN

Hôn nhân không phải là chiếc thuyền tình cặp bến, mà chính là bắt đầu vượt sóng ra khơi.

P. P.



ƯỚC GÁC NGỦ CỦA ĐA-VI

NGÔ-THỊ-CỨC



ĐA-VI đã đi bộ từ sáng sớm cho đến trưa. Tiết Thu mát - mẻ, chàng mệt lả và nóng bức ở - thê. Chàng tìm một bóng râm rợp, ngồi xuống nghỉ chân chờ đón xe ngựa để tiếp tục hành-trình.

Chàng nghĩ đến bao - trùm nh vật. Gió thu làm lay - cành cây ngọn cỏ, phủ một mặt đất vờn-vợn bóng cây. Len-lỏi trong khe một dòng suối trong xanh lờ - lờ. ĐA-VI bước đến, quỳ

xuống bên bờ khoát lăm, một ngum giải - lao. Nước suối trong lành làm chàng mát dạ.

Không - gian im - lặng như tờ. Hương thơm ngàn hoa thoang-thoảng... Gối đầu trên góì hành-lý, ĐA-VI ngã mình trên bãi cỏ khô bên bờ suối, dưới bóng mát một cây cao. Chàng cảm thấy nhẹ - nhàng khoan - khoái và lâng - lâng buồn ngủ...

ĐA - Vi đã ngủ say, ngủ thật say l. Con đường mòn ngập nắng... Thỉnh-thoảng có vài kẻ

bộ-hành qua lại dọc bờ suối, có kẻ đi bộ, có người đi xe. Người đi thân - nhiên dăm - dăm nhìn thẳng mà đi, người thì đi-ngang. ĐA-VI chỉ liếc mắt ngó chàng một cách thờ-ơ, hay mỉm cười nhìn chàng trai trẻ ngủ sao mà say thế ! Bao nhiêu người qua lại trên đường, mà ĐA-VI vẫn triền-miên trong giấc điệp...

Xa-xa, một cỗ xe ngựa lộng lẫy sang-trọng chạy chậm-chậm rồi dần-dần ngừng lại gần nơi chàng nằm. Vì một trong bốn con ngựa kéo xe bị thương ở móng, người đánh xe nhảy xuống bận-rộn săn-

sóc con thú. Từ trong xe một người đàn ông đã già lụm-cụm bước xuống, người vợ ông đã già bước theo sau. Hai vợ chồng tóc bạc, trông có vẻ điềm đạm và hiền-từ. Họ tạm ngồi chờ dưới bóng cây. Bỗng hai người nhìn về phía dòng suối, rồi chăm-chú vào gả đàn ông nằm dài ở đó. Họ đứng lên, bước rón-rén lại và khẽ làm lên một tiếng động nhỏ để chọc chàng thức dậy. Nhưng chàng không hay biết tí gì, vẫn ngủ ngon lành.

Người chồng bảo :

— Ai thế này. Nó ngủ sao mà say sưa vậy ? Hơi thở êm ái nhẹ nhàng làm sao ! Ước chi ta ngủ ngon được như thế thì sung sướng biết mấy, chứngtô ta còn sức lực và một tâm hồn thanh thoi không bận rộn !

Người đàn bà tiếp lời chồng :

— Và tuổi trẻ vẫn còn ! Người già như chúng ta không bao giờ ai ngủ ngon được như thế nhỉ !

Đôi vợ chồng già càng lúc càng chú trọng chàng thanh niên không quen biết kia đã nằm ngủ yên lành ở đấy. Một lúc, người vợ khẽ nói với chồng :

— Trông nó dễ thương giống con trai chúng mình quá

nhỉ ? Mình có nên gọi nó dậy không, hở ông ?

— Gọi làm gì ? Chúng ta đâu có biết tính nết của nó ? Gọi nó dậy nó cự cho đấy !

— Nhưng tôi trông bộ mặt nó thật thà quá, đáng mến lắm !

Trong khi câu chuyện giữa hai vợ chồng kéo dài, ĐA-VI vẫn chưa lay động, cũng chẳng biết có hai người đang hết sức chăm chú vào mình !

Hai vợ chồng này rất giàu có. Người con trai độc nhất của họ vừa chết, trong thân thuộc không còn một ai để họ nhường lại cái gia tài kếch xù sau khi họ chết. Vì lẽ đó mà thấy chàng thanh niên hiền lành dễ thương này, họ muốn gọi dậy để nhận làm con nuôi, và sau này sẽ là kẻ thừa hưởng tất cả sự nghiệp vĩ đại của hai ông bà.

Người vợ lại hỏi :

— Chúng ta nên gọi nó thức dậy không ? Ta gọi đi, ông nhé ?

Nhưng thỉnh lình người phu xe vội tiến đến thưa :

— Bẩm ông Bà đã chữa xong rồi ạ ! Con ngựa đã nghỉ và khoẻ lại rồi, ta đi là vừa.

Hai vợ chồng ngừng bật câu chuyện, nhìn nhau bối rối. Tuy thế, họ vẫn vội vã đứng lên bước

đến cò xè. Ngồi vào xe rồi, họ không còn ý nghĩ nhận Đa-Vi làm con nuôi nữa.

Cò xe gặp gềnh từ từ chuyển bánh ...

Đa-Vi còn ngủ, chẳng hay biết gì sự giàu sang phú quý bỗng chốc đã đến gần kề và cũng bỗng chốc đã tan đi !

Một vài người lặng lẽ thần thờ qua lại ...

Một thiếu nữ chậm rãi bước... Dáng điệu trang-nhã khoan-thai, nét mặt ngây thơ diễm-lệ. Tay cầm vài cành hoa dại, nàng đi trong nắng thu ấm áp, nét mặt duyên dáng thờ ơ, vô tư-lự. Nàng dừng lại bên suối cúi xuống khoác nước tưới bó hoa. Bỗng nàng kinh-ngạc khẽ kêu lên :

— Ô ! kia... Ai nằm đây thế này ? ... À, một người đàn ông đang ngủ !

Rồi nàng lại thẹn thùng lùi lại định bước đi. Thành lình một con ong to tưng bay vù vù quanh đầu gã thanh niên. Cô gái sợ con ong cắn người đang ngủ, tội nghiệp, nàng lệ-làng dùng khăn tay đuổi nhẹ con ong đi nơi khác. Bức tranh êm đẹp biết bao !

Nàng đứng lại e dè ngấm nhìn chàng trai trẻ một cách triu mến. Nàng khẽ nói một mình :

— Chàng phiêu khách nào đây tao nhã và khả-ái quá ! Một Thi sĩ chăng ? Nhưng sao chàng ngủ mê quá thế này ?...

Nàng thờ dãi muốn ngồi bờ suối đợi chàng tỉnh dậy, xem ai. Nhưng chàng ngủ say quá, nàng ngồi gần sợ mắc cỡ, nên đứng dậy đi. Nàng định đi xa xa rồi sẽ quay trở lại xem.

Đa-Vi không cử động. Nét mặt vẫn tự-nhiên trong giấc ngủ. Biết đâu cô gái đẹp này là người đẹp dịu-hiền trong mộng tưởng của chàng, người mà chàng có thể sống với nàng cả một đời tràn trề hạnh phúc ? Nếu chàng thức dậy, làm quen với nàng, thì chắc hẳn cuộc tình-duyên sẽ thành.

Nàng là con một phú-thương. Sống trong gia đình lễ-giáo, nề nếp, nàng hấp thụ được tính thành thật, nét dịu-dàng, và được cha mẹ chiều chuộng hết sức. Cha mẹ nàng chắc sẽ hoan-hoan khi biết được chàng trai trẻ chân thật này là bạn của con gái mình. Thế rồi chàng sẽ hỏi cưới nàng. Mỗi tình êm đẹp ấy

sẽ bền chặt mãi mãi và hạnh-phúc nhất trần-gian.

Nhưng Đa-vi vẫn say - sưa ngủ..., Thiếu-nữ quay lại, thấy chàng vẫn ngủ, nàng bỗng dưng thẹn đỏ mặt rồi đi luôn...

Một mối tình thơ-mộng đột-ngột đến bên chàng rồi cũng đột-ngột biến mất !

Vừa lúc ấy, từ đầu đường hai gã đàn ông đang nhanh bước. Chúng dừng lại dưới bóng cây. Cả hai có bộ mặt đen cháy, đôi mắt to và sáng trông rất hung bạo. Thân hình vạm-vỡ quần áo dơ bẩn, xốc-xếch. Chính là hai kẻ cướp đường mà dân vùng này hằng kinh - sợ. Chúng cứ giựt của người và thắng tay giết chết ai chống cự lại chúng.

Vừa nhìn thấy Đa-Vi nằm ngủ bên bờ suối tức thì một đứa trong bọn nói :

— Mày, mày có thấy cái gói gì dưới đầu nằm hử không hả ?

— Thấy rồi ! Có cái túi nhỏ nhỏ chắc trong ấy có tiền.

— Nhưng nếu hửn thức dậy, phình lình thì sao ?

Tên kia không đáp. Hửn từ từ

rút trong túi áo ra một con dao, găm dài và sáng quắc, nhắm thẳng về Đa-Vi ngạo nghễ nói :

— Con dao sẽ giữ hửn nằm yên !

Chúng len lén bước nhẹ đến sát bên Đa-Vi và sửa-soạn giựt gói đồ. Đa-Vi vẫn bình-thản ngủ, hơi thở nhẹ nhàng...

Tên cầm dao giục bạn :

— Mày giựt ẹ đi ! Nếu hửn nhúc-nhích thì tao đâm liền !

Nẻo đường đang vắng lặng, bỗng sột soạt. Một con chó chạy vụt đến, đứng lại bên bờ để uống nước. Nó uống ngon lành không để ý gì đến hai tên cướp và người nằm ngủ cả.

— Khoan đã ! Một tên bảo bạn. Bây giờ ta không làm gì được đâu, có thể là chủ con chó này đang đi săn nó đấy !

Tên kia lệ-làng bỏ dao vào túi rồi nói nhanh :

— Phải đấy, chúng mình phải chạy khỏi nơi này. Mau đi, kéo con chó sữa lên, báo động thì nguy !

Rồi chúng giả bộ thần-nhiên tiến bước, chẳng mấy chốc thì mất dạng.

Đa - Vi ngủ bất say, nét mặt hơi tỉnh lại. Chàng vừa thức dậy sau giấc ngủ một giờ đồng hồ. Chàng trở mình nhẹ-nhẹ, uể-oải vì còn ngái-ngủ. Tiếng xe chuyển bánh từ nẻo xa vang lại ; lớn dần, lớn dần và đi ngang qua chàng. Đa-vi ngồi vụt dậy chạy ra lễ gọi :

— Này, bác tài ôi ! Còn chỗ nào cho một người ngồi không ?

— Vâng, chỉ còn một chỗ trên mui đây. Mời cậu ngồi tạm.

Đa-Vi trèo lên mui, bác đánh xe cho xe tiến...

Cô xe chuyển-động gập-gềnh trên mặt đường. Đa-Vi không buồn ngó lại chỗ mình đã nằm.

Hiện giờ chàng chỉ nghĩ đến những dự định kiếm công việc làm ăn cho những ngày sắp đến. Vì chàng là một thanh niên thất nghiệp, một bạn trẻ tài hoa nhưng trong túi không có tiền.

Chàng vừa ngủ một giấc yên lành và bình-thản ra đi, tiếp tục cuộc hành-trình đi tìm sinh-kế.



Chàng không hay biết tí gì về vận may đã tới tận tay mình và chỉ thiếu một chút nữa là đã đem đến cho chàng sự giàu sang, hoặc cả một mối tình thơ mộng ! Chàng cũng không biết được mình đã tới gần thần chết, bên mũi dao sắc bén của tên cướp đường ! Tất cả các sự việc ấy chỉ diễn ra trong khoảng thời gian chàng ngủ một tiếng đồng - hồ !

Cuộc sống mang lại cho chúng ta rất nhiều biến-cố, nhiều thử-thách



song chúng ta không biết đến đó thôi. Nhiều biến-chuyển xảy đến với chúng ta — biến-chuyển trong tâm-tình hay trên đường sự-nghiệp — chúng đến kề bên ta nhưng nhiều khi chỉ lướt qua, không để lại hậu-quả vào cuộc đời, không ghi lại kỷ-niệm vào tâm-trí ta, không chút bận lòng !

Nếu chúng ta được biết và dự-định chạm vào tất cả những sự đổi thay, xoay-trở của cuộc sống xảy đến cho định-mệnh chúng ta thì đời ta chắc sẽ c. ứa quá nhiều những niềm hy-vọng, mối kinh-

hoàng, ngạc-nhiên, hay những điều thất-vọng, luyến-tiếc làm chúng ta bận-rộn đến nỗi không thể nào nghĩ ngợi được dù chỉ muốn nghỉ-yên trong sáu mươi phút đồng-hồ ngắn-ngủi thôi !

Ước gì suốt cuộc đời ta được như giấc ngủ sáu mươi phút của Đa-Vi để tinh-thần, tâm-tư ta được bình-thản, nhẹ nhàng không một mối lo !

(Phỏng theo chuyện ngắn
DAVID-SWAN của Nathaniel
Hawthorne)

★ HAI ÔNG BÁC-SĨ.

Ông họ đau nặng, người vợ đi gọi một ông bác-sĩ nhưng ông này lại đi vắng nên bà đi gọi ông khác.

Trong lúc ấy ông bác-sĩ trước trở về nhà rồi lại đi ngay đến nhà người bệnh. Ông sau cũng vừa đến. Cả 2 cùng vào phòng thăm bệnh, Hai bác-sĩ đều ngồi 2 bên cạnh giường, luôn tay dưới mền, cùng bắt mạch cho bệnh nhân.

Một ông nói :

— Thưa ông, ông mắc phải bệnh cảm sốt đây !

Ông kia lại cãi :

— Không phải đâu ! Ông chỉ say rượu một tý thôi.

Nghe thấy thế, bệnh nhân tức cười, vội tặc mạnh tấm mền lên thì thấy 2 ông bác-sĩ vô-tình cầm tay bắt mạch cho nhau !

C.



Trung Thu du thuyền

Nhâm-Tuất chi Thu bắt nguyệt thiên
Tái qua kỷ vọng nguyệt nhưng viên
Phong-lưu Thát-Thú dư hào-húng
Đạo đức Tiên-sinh lãnh nhâ-truyền

Ngắm đảo giang hồ vô tục vận
Chước đồng phong nguyệt tức tiên duyên
Tương-tương Sư đệ bình thu sắc
Thương há giang lưu tiên hậu thuyền.

LƯU-KỲ-SƠN

(Thân phụ của thi-sĩ
LƯU-TRỌNG-LƯ)

(Anh của Thi sĩ
LƯU-TRỌNG-LƯ)

LƯU-KỲ-LINH, dịch :

Thầy trò
chơi Trung Thu
trên sông Linh

Gặp thu Nhâm-Tuất hân tiên-
duyên Sông hồ cầu vịnh ra mùi tục
Tháng Tám qua rằm nguyệt vẫn
Thát-Thú khôn ngăn dòng cảm
húng Tiên-Sinh khéo giữ lối tâm-

truyền (1)
Trăng gió bầu nghiêng sẵn thú
tiên Thu đẹp mặc tình Sư đệ ngắm
Xuống lên theo nước trước sau
thuyền

Bài này trích ở « Kỳ-Sơn
thi-văn tập » của Gia-Nghiêm,
Lưu-trọng-Kiến, hiệu Kỳ-Sơn.

a) Bài này Gia Nghiêm vịnh
cuộc chơi thuyền đêm 16 tháng 8
năm Nhâm-tuất, do cụ Hồ-sĩ-Tạo,
bạn của Gia Nghiêm, cùng các
môn đệ tổ-chức. Cụ H.S.T. quê
huyện Nam-Đàn (Nghệ an), thầy
học yêu quý của nhà đại chí-sĩ
Phan Sào-Nam, đậu giải nguyên-
trường Nghệ, vào làm tri phủ
Quảng-trạch (Quảng-bình). Khi
về hưu, cách đây trên 60 năm,
Cụ ở lại quê vợ, làng Văn phú, và
mở trường dạy một số khá đông

sĩ phu tại làng Cao lao (quê chúng
tôi) để truyền văn phong, văn khí
cho đất Quảng - Bình.

Cuộc buồm thuyền dưới trăng
thu này tiêu biểu cho một lối giáo-
dục của các cụ ta xưa, lối giáo-
dục thông cảm với thiên nhiên,
với tạo vật, Kỳ thú biết bao nhiêu!
Nó hơi giống lối « Trục quan giáo
dục » của Tây Phương (éducation
intuitioniste)

b) Đầu đề, chúng tôi quên mất
hẳn đặt tạm như vậy.

2) Hai câu 3, 4 của nguyên-
tác, ý nghĩa quá hàm súc, chúng
tôi chỉ dịch thoát được có thể
thôi.



★ DANH NGÔN

Người ta không thực hành hết điều mà người ta dự-định,
và từ dự định đến thực hành, quãng đường còn xa.

(On n'exécute pas tout ce qu'on propose
Et le chemin est long du projet à la chose.

Molière)

★ CON BỌ CHẾT

Trong một toa xe lửa, hai bà ngồi cạnh nhau.

Bà kia đề con chó ngồi dưới chân giữa mình và người bên cạnh.

Bà này nhìn con chó với cặp mắt khó chịu, đoạn nói với chủ của nó ;
— Dạ xin lỗi bà ! Nhờ bà đề con chó này sang bên kia ; tôi
thấy như có một con bọ-chết đang bò trong chân của tôi rồi...

Bà nọ, vội vàng vừa bồng con chó cứng đề sang phía bên này
vừa nói :

— Ki-ki ! Nằm qua bên này con ! Bà ấy có bọ-chết đấy !

C.

NORTON

HOÀNG-ĐẾ NƯỚC MỸ

(Tiếp theo P. T. số 18)

NORTON thấy việc buôn bán có cơ phát triển mạnh, chàng bèn quyết định « làm

một cú », về việc buôn gạo, chắc mẫm rằng cú này sẽ đưa chàng đến bậc triệu-phú.

Lúc bấy giờ dân chúng di cư đến San Francisco mỗi ngày một đông đúc, thành-phố mở rộng thêm ra, mìa gạo tự nhiên lên cao. Lại có tin rằng nước Tàu cấm xuất cảng gạo. Norton nghe tin ấy bèn rủ ba

người hùn vốn được 400 ngàn đô-la để mua trước hết các thuyền chở gạo ở ngoại quốc sắp đến. Không ngờ những tin tức do bọn con buôn đầu cơ phao ra đều là những tin thất thiệt, vì mấy hôm sau trên hai chục tàu chở gạo

Trung-Hoa đến. Giá gạo vì vậy sụt xuống phân nửa. Norton bị lỗ một vốn muốn sập nghiệp. Vì chuyển lỗ này Norton đổ nợ lung tung và bị các chủ nợ kiện ra tòa. Norton bị phá sản, các hãng buôn của chàng bị tịch thu. Chàng khỏi bị tù nhưng không còn một xu dính túi. Viên Lãnh-sự Anh thấy tình cảnh Norton

như thế, thương hại cho chàng và trợ cấp cho chàng một số tiền nhỏ để cho chàng sống qua ngày tháng.

Rồi từ đấy trong thời gian ba tháng Norton mất tích.

Vài tháng sau tại tòa soạn báo *Bulletin* là tờ báo độc nhất mới mở ở San Francisco, một buổi sáng nhân viên đang làm việc thì có một chàng y phục sang trọng, vẻ mặt cương quyết đến hỏi ông Chủ-nhiệm. Một anh ký-giả biết mặt chàng Norton liền túm-túm cười : « Xin chào Hoàng-đế ! » Rồi anh ký-giả đưa Norton vào phòng ông Chủ-nhiệm và giới-thiệu : « Thưa ông Chủ-nhiệm, có Hoàng-đế Norton 1er muốn nói chuyện với ông ».

Norton đưa ông chủ-nhiệm một tờ giấy viết tay, và chỉ nói mấy lời :

— Tôi yêu cầu ông đăng ngay trong số báo hôm nay bản tuyên ngôn của tôi.

Nói xong, Norton nhả - nhận bắt tay chào ông Chủ-nhiệm rồi đi ra.

Ông Chủ-nhiệm mỉm cười đọc bản tuyên ngôn như sau đây :

« Theo ý nguyện của đại đa số công dân xứ Hoa-kỳ, trăm là Joshua Norton, trước kia ở

Algon Bay, Cap de Bonne Espérance di cư đến ở San Francisco được 9 năm và 10 tháng, trăm tuyên bố rằng kể từ hôm nay Trăm lên ngôi Hoàng-đế xứ Hoa-kỳ. Và, Trăm ban lệnh cho hết thảy các vị đại diện xứ Hoa-kỳ phải đến nhóm hội-nghị ngày mồng một tháng hai năm tới, tại rạp hát Music Hall, ở thành phố San Francisco để cải tổ các luật pháp hiện hành cho hợp với chế độ của Trăm ban bố cho nhân dân.

Làm tại San Francisco ngày 17 tháng 9 năm 1895.

Hoàng-đế Hoa-kỳ, Norton 1er ».

Đọc xong bản tuyên ngôn, ông Chủ-nhiệm nhún vai cười : « Thật là đồ điên ! » Xong ông vứt tờ giấy vào xọt rác.

Nhưng, bỗng nhiên ông nghĩ lại. Nếu ta đăng đại bài này lên trang nhứt, có lẽ báo bán chạy như tôm tươi ! Từ xưa đến nay, trên thế giới có chuyện lạ như thế này bao giờ đâu ! Thật là một chuyện khôi hài không tiền-khoảng hậu, công chúng và cả thế giới sẽ đổ xô nhau mà mua báo ta để xem « bản tuyên ngôn của Hoàng đế Hoa kỳ ! » Biết đâu nhờ bản tuyên ngôn của anh chàng điên ấy mà đăng trong báo ta, ta sẽ

hết bạc cắc, và không mấy chốc
ta trở thành triệu phú !

Nghĩ như thế xong, ông chủ
nhiệm liền cúi lượm tờ giấy trong
xọt rác ra lấy đưa thợ sắp và cho
đăng chữ lớn tám cột trên trang
nhứt.

Quả nhiên số báo ấy ra, được
công chúng đổ xô nhau mua. Tất
cả xứ Hoa-kỳ từ ông Tổng Thống,
các vị Bộ trưởng, các vị cao cấp
chính phủ, cho đến các công chức,
các nhà buôn, các thợ thuyền,
các giới kiều dân và lãnh sự ngoại
quốc, đều nhao nhao mua số báo
ấy để xem. Báo *Bulletin* phải in
thêm lên gần 5 triệu số mới đủ
bán.

Bản tuyên ngôn của "Norton
Ier, Hoàng đế nước Hoa-kỳ"
công bố trên nhật báo *Bulletin*
được toàn thể dân chúng Mỹ đón
đọc. Dư luận xôn xao, kẻ cho là
chuyện đùa, người cho là chuyện
điên, nhưng đại đa số, dân chúng
Mỹ ưa thích chuyện vui vẻ hiếm
có như thế, và còn tìm cách tuyên
truyền quảng cáo cho "Hoàng
đế Norton Ier" để làm một
chuyện khôi hài đặc biệt xứ Mỹ.

Hơn nữa, nhiều nhà chính-trị
Mỹ không ưa Hoàng-đế Napoléon
I của Pháp tuy ông này đã chết
lâu rồi và càng không ưa người

cháu nối nghiệp ông là Hoàng-
đế Napoléon III nên họ lợi dụng
chuyện Hoàng-đế Norton Ier của
một anh chàng phiêu - lưu thất
nghiệp ở San Francisco làm một
cuộc tuyên truyền hài-hước để
nhạo báng Hoàng-đế Napoléon
của Pháp.

Từ ngày dân chúng Mỹ có một
vị "Hoàng-đế", nhật báo *Bulletin*
ở San Francisco luôn luôn đăng
lên trang nhứt những "đạo dụ"
của "Hoàng-đế" ban bố cho thần
dân. Và luôn luôn dân chúng Mỹ
mua mỗi ngày tờ báo *Bulletin* để
xem những bản thông cáo của
"Hoàng-đế Norton Ier". Đại
khái Hoàng - đế ban một chỉ dụ
giải tán Quốc-hội Mỹ, giải tán
đảng Cộng-Hòa, đảng Dân chủ,
sửa đổi Hiến - pháp Mỹ, và cải
tổ quân đội.

Lúc đầu anh chàng Joshua
Norton cũng định đùa giỡn chơi
cho vui, nhưng những bản
tuyên ngôn và chỉ dụ của anh
ta đăng trong báo *Bulletin* được
dân chúng "hoan nghênh", "ủng
hộ" và nhất là được các bạn hữu
của anh "khuyến khích", "tán
thành" anh dần dần lấy chuyện
đùa làm chuyện thật, tưởng đâu
dân chúng Mỹ thành thật suy
tôn anh làm "Hoàng - đế" và

từ đó anh tự cho anh là "Hoàng-
đế" chánh hiệu !

Nhà cầm quyền Mỹ biết Joshua
Norton là đứa điên, vì buôn bán
thất bại và do óc phiêu lưu, anh
đã hóa ra một người điên, nhưng
chuyện điên của anh không có hại
gì cho chánh phủ, không làm rối
cuộc trị an nên chính quyền Mỹ
làm ngơ và còn cho là một chuyện
vui đùa lý thú mà họ sẵn sàng tha
thứ.

Ba tháng sau Norton tự xưng
là Norton Ier Hoàng đế Hoa-
Kỳ, thì ở xứ Mexique có nội
loạn. Mexique là láng giềng của
Hoa Kỳ, nên Hoàng đế Norton
Ier liền đăng trong báo *Bulletin*
một "đạo dụ" tự xưng là "Quốc
vương xứ Mexique" để "bảo
hộ" xứ ấy. Ngay lúc ấy Hoàng
đế Napoléon III của nước Pháp
gởi quân đội viễn chinh sang
đánh dẹp loạn quân ở Mexique
và đặt một cận thần của ông là
Maximilien d'Antriche lên ngôi
vua Mexique. Norton được tin
ấy bèn tức tốc gởi điện tín sang
Paris đề nghị phản đối Napoléon III
và yêu cầu Hoàng đế nước Pháp
phải lập tức đình chỉ việc suy tôn
Maximilien lên ngôi vua Mexique.
Trong điện tín Norton nói : "Lấy
tư cách là Hoàng đế Norton Ier
của nước Mỹ và là Quốc Vương

bảo hộ xứ Mexique, tôi khuyên
ngài nên nghe lời tôi vì chính
sách của ngài định đặt Maximilien
d'Antriche lên ngôi Mexique, sẽ
có kết quả tai hại cho nước Pháp,
và Pháp sẽ bị thất bại đau đớn."

Dĩ nhiên điện tín này được
đăng nơi trang nhứt của báo
Bulletin. Hoàng-đế Napoléon III
của Pháp có nhận được điện tín
ấy và đưa cho triều thần xem. Cả
nhà vua và triều thần cười rộ lên
vì anh chàng điên thất nghiệp ở
San Francisco dám cả gan chơi
đùa với Hoàng-đế Pháp như thế.

Nhưng ai ngờ Maximilien
được Napoléon III đặt lên ngôi
vua Mexique chưa được bao lâu
thì cuộc cách mạng Mexique bùng
nổ dậy và Maximilien bị quân cách
mạng xứ bắn. Quân đội viễn
chinh Pháp bị bại trận lớn lao
và chính sách của Napoléon III
ở Mexique hoàn toàn bị phá sản.

Lời cảnh cáo của chàng điên
Norton không phải là không đúng
vậy.

Từ vụ ấy "Hoàng-đế Norton
Ier" càng gây thêm uy tín đối
với dư - luận và chàng thường
giao thiệp với các vua chúa và
các vị Tổng-Thống trên thế-giới
bằng điện tín,

Sở Buu - điện San Francisco

không bao giờ từ chối những điện tín, ngoại giao của Hoàng - đế Norton Ier. Hơn nữa các thầy công chức ở đây khi Hoàng - đế thân hành cuộc bộ từ nhà ngài đến sở Bưu - điện để yêu cầu cho gọi một bức điện - văn cho Hoàng - đế nước Pháp, nước Nga, nước Đức hay vua nước Anh thì họ rất vồn vã tiếp đón gọi điện - tín đi ngay.

Dĩ nhiên các điện - tín ngoại giao đều được đăng trang như tờ báo *Bulletin* và đọc giả báo ấy mỗi khi thấy một điện tín như thế trên mặt báo, liền vội vàng mua báo xem, và vui đùa bảo nhau : « báo hôm nay có đăng bức điện tín của Hoàng - đế Hoa - Kỳ gửi phản đối Hoàng - đế nước Đức về vụ đánh thuế quá nặng các hàng hóa của Mỹ nhập cảng vào nước Đức ».

Mỗi tin tức sốt dẻo như thế đều được đọc giả hoan nghênh và số báo bán tăng. Nhờ vậy mà ông chủ báo *Bulletin* mau trở nên triệu - phú, và hình như ông này cứ mỗi tháng đều có tặng Hoàng - đế một số tiền khá lớn để tỏ lòng tri - ân đối với « Bộ - Hạ ».

Năm 1.870 Pháp, Đức chiến tranh. Hoàng - đế Norton Ier gửi điện tín sang Pháp ủng hộ Thủ - tướng Gambetta. Khi Đức thắng trận, Hoàng - đế lại gửi điện - tín

sang Đức yêu cầu Thủ - tướng Bismark đừng bắt Pháp phải trả số tiền 5 tỷ quan mà chính - phủ Đức ghi trong Hiệp - ước đình chiến.

Phần nhiều các vị quốc trưởng các chính - phủ ấy không đếm xỉa đến các điện - tín của Norton Ier, Hoàng - đế xứ Hoa - Kỳ. Họ không thèm trả lời.

Duy có một vị vua danh tiếng nhất Âu - Châu là thích giao thiệp với Hoàng - đế Norton Ier mà thôi. Đó là nữ - hoàng Victoria, vua nước Anh.

Có lần, đầu năm, Nữ - hoàng Victoria nhận được điện tín chúc mừng năm mới của Hoàng - đế Norton Ier. Nữ - hoàng gửi điện - tín phúc đáp như sau : « How are you, my old fellow ? » (Ông bạn già có mạnh khỏe không ?)

Cả thế - giới đều phì cười. Có lần Hoàng - đế nước Nga là Alexandre II đánh điện - tín cho Hoàng - đế Norton Ier như sau :

« Trẫm nghe người ta đồn rằng Hoàng - đế Norton Ier xứ Hoa - Kỳ sắp kết hôn với một vị nữ - hoàng Âu - Châu, Trẫm xin gửi lời chúc mừng. »

Đó là vua Alexandre II muốn ngao Nữ - hoàng Victoria của nước Anh.

(Còn nữa)

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU ✧ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

V

(tiếp theo P.T. số 18)

Ở buồng ăn đi sang bên kia là phòng âm - nhạc, trong đó, có hai chiếc cương - cầm, và hai cây tu - cầm.

Người quản - gia nói bằng một giọng cảm - khái :

— Hồi trước, đây là nơi tụ hội của bao nhiêu âm - nhạc - gia cùng các bậc sĩ - nữ cao - quý. Họ đã mở những cuộc diễn - tấu và những dạ - hội khiêu - vũ cực - kỳ nhiệt - náo.

Nói xong, ông ta vén cái màn cửa toàn bằng nhung màu kim - hoàng lên, và né về một bên, để nhường bước cho tôi tiến sang bên vũ sảnh.

Tôi hỏi ông ta :

— Trước thì thế, còn hiện nay thì sao, thưa ông ?

— Hiện nay, thời thế đã hoàn toàn biến cải, lão gia chúng tôi thì suốt ngày ở ngoài, vì công, vì việc, và sự giao tế, và ứng

thủ, thì đã có câu-lạc-bộ. Tiểu thư chúng tôi, lúc còn nhỏ, đã học nhạc và đánh đàn ở nơi đây đấy, nhưng từ khi lớn lên, cô có cao hứng muốn chơi đàn, thì chỉ dùng chiếc cương cầm riêng của cô, ở trên phòng cô. Từ khi cô mang bệnh, cơ hồ như chẳng một người nào, bước chân vào nơi đây nữa.

Thế rồi, bỗng, ông ta nói, bên kia là buồng để nghỉ ngơi, bên này là buồng để hút thuốc. Ông ta chỉ nói thế thôi, chứ không dẫn tôi sang hai nơi đó. Đoạn, ông ta đưa tôi lên lầu.

Chúng tôi đi qua các sảnh đường, nơi nào cũng đầy những nhân tượng. Có một điều, chẳng rõ là ngẫu nhiên hay cố ý, sự trang hoàng ở tầng dưới, người ta lấy các họa phẩm làm chủ và lấy điêu khắc phẩm làm phó; mà, ở trên lầu, trái lại, điêu khắc phẩm đứng chủ vị, và họa phẩm lại xuống hàng phó, vậy.

Trên tầng lầu thứ hai này, có hai cái tiểu sảnh, người quản gia bảo cho tôi rõ, đó là những gian phòng mà thường nhật, thái-thái và tiểu thư, vẫn hay dùng đến. Chúng tôi không đi về phía đó, nhưng tôi đoán, mấy buồng khác nữa tất là buồng ngủ của thái-thái và tiểu thư. Còn tầng thứ ba, chúng tôi không lên trên đó làm gì, vì người quản gia nói, đó là buồng nằm của bọn đầy tớ gái, cùng là những buồng để đồ vật, luôn luôn khóa kín. Bởi vậy, trên ấy chẳng có gì đáng xem.

Sau đấy, chúng tôi trở xuống dưới nhà, người quản gia đưa tôi tới chỗ nhà để xe hơi, trong này có tới bốn chiếc; người quản gia móc túi, lấy ra một chiếc chìa khoá, trao cho tôi và nói:

— Đây, chiếc xe này, riêng để tiên sinh dùng; chìa khoá đây.

Tôi nhìn tấm biển, thấy: R K 3.148

Ông ta chỉ một chiếc xe khác và nói:

— Còn chiếc xe này là của tiểu thư, đấy.

Chiếc xe này là kiểu xe sáu ngồi máy, sơn xanh, số hiệu: RK 9452; ngoài ra, còn hai chiếc xe khác nữa, sơn màu xám-bạc, ông ta không nói là của ai; tuy tôi có chú-ý nhìn số hiệu nhưng tôi chẳng hỏi cho rõ, xe của ai.

Bên cạnh nhà xe, là nhà bếp, trong đó, có hai người bệch-dịch đàn ông. Người quản-gia liền giới thiệu tôi với họ, họ nhìn tôi và khẽ nghiêng đầu chào tôi, tôi đáp lại, đoạn, người quản-gia đưa tôi ra. Tôi hỏi:

— Hình như ông và họ đều có phòng riêng ở trên gác nhà bếp kia, có phải không ạ?

— Thưa phải đấy.

— Ông làm việc ở đây, đã được bao lâu rồi?

— Thưa, hơn mười năm rồi.

— Nhà ông ở đâu ha?

— Thưa, nhà chúng tôi ở mãi trên quê.

— Thế, ông có năng về thăm nhà không?

— Cứ vài tuần lễ, tôi lại xin phép về một bận.

Chúng tôi đi quanh vườn hoa, đến tới chỗ buồng ngủ, dành riêng cho tôi. Người quản-gia liền mở cửa ra cho tôi vào và bảo tôi:

— Tiên-sinh nên đi nghỉ một lát đi...

— À, ông đã rõ tên tôi là gì, rồi đấy chứ?

— Thưa, lão-gia đã có nói cho tôi biết, từ hôm qua, kia đấy ạ.

— À thế, thưa ông, quý danh là gì đấy nhỉ?

Ông ta vừa cười, vừa đáp một cách rất chừng-chạc:

— Thưa tên tôi là: Bối-ông-Thoát, ạ.

— Tốt lắm, cảm ơn ông.

Ông ta quay gót đi ra, tôi liền đóng cửa buồng lại.

Cái buồng này cùng ở vào phía trước biệt thự, như phòng chứa sách, bề mặt quay ra hành-lang; chỉ bước xuống cầu thang chừng mười bậc, là có thể ra thẳng vườn hoa và thăm cỏ; nếu ta đứng ở đây mà nhìn ra xa, thì ta sẽ thấy mấy cái gốc cây to, cùng cái đu-tiên và những pho tượng đá; nếu ta quay đầu về phía hữu, ta sẽ trông thấy cái hồ có vòi phun nước; một khi có xe hơi ở nhà xe đi tới hồ nước, để ra cổng, thì thế nào cũng không qua khỏi tầm mắt của tôi, và nếu, trong đêm tối, xe ở phía tả bon ra, bề nào ánh đèn pha của xe, cũng chiếu thẳng vào cửa sổ của buồng này.

Sự bày biện và trang-hoàng của cái phòng tôi ở, rất đổi cổ-nhũ và hoa-lệ. Quả tình, nếu người ta không nói rõ cho tôi hay, tất nhiên tôi phải tự-nhận, cái chỗ túc-trú của tôi hiện tại, có đôi phần hơi quá-phận đối với tôi. Tôi rất đổi phân-vân, không biết cái vị tiểu-thư ấy là người thế nào? Bệnh trạng của cô ta ra sao? Công-tác của tôi sẽ bắt đầu tiến-hành như thế nào? Bao giờ tôi mới được giáp mặt bệnh-nhân của tôi? Ngần ấy câu hỏi cứ lần-vần quay cuồng trong tâm-não tôi.

Một mặt tôi suy-tưởng, một mặt tôi thu-xếp hành-lý cho gọn-gàng. Bền bề vắng-lặng một cách phi-thường. Thỉnh-thoảng có một làn gió nhẹ thổi lướt qua cửa sổ, nó càng làm cho tôi cảm thấy rõ sự tịch-mịch và sự cô-linh của tôi, trong chốn này. Không còn biết làm gì hơn, tôi ngồi xuống ghế sofa, rút thuốc ra hút, và yên lặng chờ đón, bất cứ một việc biến-hóa nào xảy tới.



VI

Độ một giờ đồng-hồ sau, bỗng có tiếng gõ cửa. Tôi nói:

— Xin cứ vào.

Người mở cửa bước vào là quản-gia Bối-ông-Thoát. Ông ta nói cho tôi rõ, thái-thái Thê-tư-Lãng mời tôi lên nói chuyện. Tôi liền đi theo ông ta.

Đây là cái tiểu-sảnh ở tầng lầu thứ hai, thoát bước vào, tôi thấy một bà người đậm-đạp, đã ngồi ở chiếc ghế bành. Bà chợt nhìn thấy tôi, thì đứng lên, gĩa tay bắt tay tôi. Cặp mắt đầy nhiệt-vọng của bà tỏ vẻ như bà chờ đợi sự có mặt của tôi từ lâu và bà có một thái-độ ân-cần, cơ hồ như một khi tôi bước chân vào nơi đây, là các bệnh tật của cô con bà, sẽ nhất đán, tiêu-tán đi hết. Bằng một giọng đầy vẻ từ-trưng, hòa-cát, bà mời tôi ngồi, rồi bà nói :

— Tôi đã được y-sư Xa-lap-Mỹ cho biết, tiên-sinh quả là một vị y-sư lý-trưởng, để trị-liệu cho con gái tôi, tất cả hạnh-phúc của nó đều phó thác vào tay tiên-sinh.

— Thưa bà, chúng tôi sẽ tận-lực.

— Cứ theo lời y-sư Xa-lap-Mỹ, thì điều trước tiên, là để cho em nó giấp mặt tiên-sinh và nhân đó, đem lòng tin cậy vào tiên-sinh, nhưng, em nó, xưa nay, rất sợ hội-kiến với một người lạ. Như vậy, nếu cái ấn-tượng của buổi đầu không được tốt, thì, sau đấy, nó sẽ hết sức nghi-kỵ và đề-phòng. Cũng vì thế, tôi thiết-trưởng, ta nên để cho sự hội-diện này, có một tính-cách hoàn-toàn tự-nhiên, tiên-sinh nghĩ có phải không kia ă ?

Tôi đáp :

— Bẩm vâng, thái-thái dạy chỉ

phải, ta nên để tùy cơ, ứng-biến, thì hơn.

Tiếp đó, bà nói cho tôi rõ về tất cả những biến-thái trong hành-vi của cô con. Cô hay la-cà ở các nơi trà-đình, tửu-điếm, các sòng bạc, cùng là những nơi hạ-lưu ; cô giao-du với rất nhiều những thanh-niên, nam, nữ ; cô đánh bạn với toàn những kẻ không chính-đáng ; bà hỏi tôi, bây giờ nên xử-tri bằng cách gì, để cho cô xa dần những bạn đó ? Tôi chưa kịp đáp, thì bà lại nói tiếp, bà chỉ sinh-hạ được có mình cô là người con gái độc-nhất. Bà chỉ mong làm sao cho cô trở lại ngoan-ngoãn, đứng đắn, như xưa, cho dẫu bà cần phải hy-sinh tới bậc nào đi nữa, bà cũng vui lòng. Bà lại cho tôi biết, ngày ngày, bà hằng cầu-nguyện cho cô con bà chóng được lành mạnh...

Sự phục-sức của bà, thật là điều - hòa và trang-nghiêm, nhưng sự bối-rối trong tâm-can bà, làm cho bà không còn giữ nổi cái dáng-diệu uy-nghĩ, hoa-quý. Tất cả cái vẻ đại-phương của bà đã bị tâm lòng thương con không bờ bến, nó phá-hoại. Cũng nhân trường-hợp này, mà tôi nhận thấy rõ, cho dẫu ở trong cảnh giàu sang, quý-phái, hay cảnh bần-cùng, hạ-tiện, tấm lòng mẹ thương con, vẫn giống hệt như nhau, không hơn, không kém.

(còn nữa)



* BÀ THƯỜNG-LẠC

VÀI THỨ BÁNH TRUNG THU

MỖI độ thu về, đến ngày Trung-Thu, quen theo một tục-lệ rất đầy thi-vi, — hầu hết các gia-đình Việt-Nam đều dùng các thứ bánh đặc biệt của Trung-Thu, để thưởng-thức Trăng-Thu. Đãi khách cũng bánh Trung-Thu, biếu quà Bạn cũng bánh Trung-Thu, cho nên cận ngày Trung - Thu bánh Trung - Thu được bày bán đầy các phố, các chợ, từ Thành-thị đến Thôn-Quê. Từ giàu đến nghèo, ai cũng thích nếm hương vị đặc-biệt của bánh Trung-Thu trong các ngày Thu. Trước kia, bây giờ cũng thế, bánh Trung-Thu đều do các bạn Hoa-Kiều làm ra, và

giấu kỹ cách làm. Nhưng ngày nay, một số đông các bà nội-trợ ta cũng đã làm được, do sự học-hỏi và thí-nghiệm lâu ngày.

Riêng tôi, thưa các bạn, tôi tự xét mình làm sợ không khéo bằng người Tàu, nhưng dù hay, dù dở, cũng biên ra để chị em làm thử. Bánh Trung-Thu, bột ngoài da thì y vậy nhưng có hai ba cách làm riêng từng thứ. Muốn biết thứ nào ngon, thì xin làm mỗi thứ ít bánh thử xem.

Như chị em thấy có chỗ nào sơ - sót, xin chỉ về lại cho nhau tôi rất trọng ơn ; mong rằng được học hỏi thêm của các chị em khéo hơn.

* Vật liệu.

(Làm mỗi thứ ít bánh)

Bốn trăm grammes bột mì, thì để chừng một sét chén ăn cơm bột gạo đậm rây nhuyễn, nhồi với nước ấm, 1 muỗng đường cát trắng, một ti múi bột, chừng một cốc bạc thuốc tiêu mạn, nhồi cho hơi lâu, liệu đừng khô, đừng nhão lắm xong thì lấy khăn những nước ũ lại để đó lo làm nhun.

Làm bánh nhưn hột thì : hạnh nhơn ngâm nước nóng rồi lột vỏ, mỗi một cái bánh chừng 4, 5, hột mè trắng mua chừng 1 đồng bạc đem về để vô nước vút sạch, gạn sạn sỏi ra, tãi ra sàng cho ráo nước rồi rang vàng là được, hột dừa lấy ruột, mỗi cái bánh để chừng một muỗng ăn canh, thịt khô bắc-thảo hơ cho nóng

xắt sơ như cọng bún, như muốn để lập-xương, cũng nướng, cắt khoanh mỏng, chừng 4, 5 lát, hột vịt muối bỏ trông trắng, lấy trông đỏ.

Phải mua một cái khuôn, trong Chợ-lớn, mấy tiệm bán khuôn (bánh in, bánh kẹp) có bán khuôn bánh Trung-Thu.

★ Cách Xào nhưn.

Đường thì mình phải liệu : những món nói trên Hạnh nhưn, hột dưa, mè rang, thịt bắc-thảo, lập xương, đường chừng một chén ăn canh, thắng với một muống ăn canh nước, chừng đường hơi sánh (lửa phải in-it) mới trút các thứ nói trên vào trộn lẹ tay cho đều. để chừng một muống ăn canh bột năng trộn đều, nhấc xuống, tãi ra đĩa cho nguội, thiệt nguội, nhưn vò mới được. Nhưn nguội vò để trông đỏ hột vịt muối vào giữa vò tròn. Ngắt cục bột to bằng trái quít, nắm dẹp để nhưn vò giữa, bao lại ; bột bánh in khô (có bán ở tiệm bánh) vò cho đều, mới nhận vào khuôn nó mới không dính khuôn, gỡ ra sắp vào vỉ nướng, lửa cho đều nướng vàng là được.

★ Bánh nhưn hột sen.

100 grs mỡ gáy heo luộc chín

xắt như hột lựu, trộn vào ; bột vò thì y vậy ; còn muốn làm nhưn hột sen, thì mua hột sen chừng bốn trăm grs về ngâm nước sôi gỡ lấy nhụy rửa sạch, nấu cho như, để ráo nước tãi cho như, rồi cũng trộn đường khô vào sen liệu ngọt là được, bắt lên bếp xào cho đều chừng đường sánh lại đổ tí muối.

Nhưn khô, vò viên để hột vịt muối vào giữa cũng làm như cách nói trên nướng vàng là được.

★ Bánh vò ngoài không nướng.

Nếp xay ra bột, rây cho thật nhuyễn, dần cho ráo ; thấy khô là được. Nhồi với nước ấm nhão như bột bánh ít, lấy sừng dưới lót lá, trên lót giấy mỏng, đem hấp bột nói trên cho chín như vậy không dính mũ chuối bột mới trắng.

Nhưn thì, hột dưa lấy ruột, mức bi cắt bằng ngón tay út, mè rang, một tỷ nước hoa, dùng nhiều nòng lăm, cũng trộn đường, bắt lên bếp sên cho tới, rồi để nguội vò viên, bắt bột bao nhưn, ấn vào khuôn nhận đều gỡ ra, không nướng mà cũng không để trông đỏ.

Như vậy là ăn được.



★ Cô BÌNH-MINH

Mang như thế, là tỏ ý khinh thường các đồ dùng trên bàn ăn của chủ nhà, (dao, nĩa, thìa, đũa, v.v...) không sạch sẽ, sợ bẩn tay mình. Lúc dự tiệc nên cất găng tay trong túi áo (dàn ông), hay là trong bóp (đàn bà), chớ đừng để trên bàn ăn.

Xong tiệc, lúc trở ra phòng khách, đừng hút thuốc, có thể mang găng vào, nhưng lúc từ-giã ra về, chỉ nên mang bên tay trái cho đến lúc lên xe.

2— Trong hôn lễ, lúc lạy ông bà, không nên mang găng, và cũng không nên đội vòng hoa.

3— Lúc nói chuyện ngoài nắng, không có phép xã-giao nào khuyên

KỖ này tôi cũng xin tiếp tục đăng mấy câu hỏi

của Bạn đọc thân - mến, và xin phúc đáp luôn :

★ Cửa bạn Kiều-Trinh, 3, Hàm-Nghi, Đà-Nẵng

1) Cách dùng găng tay lúc dự tiệc.

2) Hôn lễ, trong khi lạy Ông Bà có nên đeo găng tay và "đội" vòng hoa không ? Và,

3) Lúc nói chuyện (ngoài trời) có nên đeo kính râm chăng ?

XIN ĐÁP :

1.— Trong lúc ngồi bàn dự tiệc, triệc đề không nên đeo găng tay.

đừng mang kiến râm; trong một đám bạn hữu hay thân thuộc. Nhưng nếu mình đứng nói với một người mà mình phải kính trọng (lớn tuổi, già cả, địa-vị cao hơn v.v...) thì không được ngó người ấy với đôi *kiến râm*. Nên lấy xuống cầm trong tay.

★ **Của bạn Lưu-Kỷ, J.J. Rousseau Chợt lớn.**

Thưa cô, nếu gọi điện thoại mà mình gọi lớn số của người khác, thì mình làm sao ?

— Ngày lễ Trung-Thu, con của mình chơi với con hàng xóm (cách ba bốn căn và không thân lắm), chúng nó chơi múa đèn với nhau sao không biết nhưng rồi con của mình làm rách đèn giấy của con người ta, con người ta khóc lên rồi vô nhà mết với mẹ nó. Mẹ nó biếu nó cầm cái đèn giấy rách ấy tới ném vô nhà mình rồi bỏ đi về. Vậy mình cư xử thế nào, cho trang nhã ?

XIN ĐÁP :

1— Thưa ông, gọi lớn số điện thoại người khác là việc thường xảy ra. Trường hợp đó, thì chúng tôi thiết tưởng nên xin lỗi người ấy, rồi gọi lại số khác.

2— Về vụ chiếc đèn Trung-Thu theo thiện ý của tôi thì ông nên cho người chạy đi mua cái đèn giấy mới, giống hệt cái đèn mà con ông đã làm rách, rồi cho người nhà đem qua đèn lại cho chú bé nhà hàng xóm, và nói : “ Xin lỗi Bà, vì em tôi lỡ làm rách cái đèn

của chú bé, xin đền cái đèn mới cho chú bé chơi. Xin bà vui lòng.”

Còn cái đèn rách thì ông chịu khó dán lại cho con ông chơi. Không nên oán giận người ta. Thưa ông, như thế ông có đồng-ý không ạ ?

★ **của em Thanh-Xuân, Nữ-sinh Nguyễn-văn-Khuê.**

Thưa cô, em ngồi xem chớp bóng trong rạp Kinh-Đô có một người đàn-ông ngồi ghế cạnh em cứ nghiêng đầu kè đầu em và rử rĩ tán-tĩnh em hoài, lại đề tay lên tay em, và cọ chân vào chân em, một cách hết sức bất lịch-sự. Em giận lắm muốn đánh một bạt tai, nhưng em tự-chủ được lòng tức giận, nghĩ rằng mình phải tỏ ra nhã-nhận, có giáo-dục, vậy thì em phải có thái-độ như thế nào ? Xin cô vui lòng dạy bảo em, em rất thành-thực cảm ơn cô...

ĐÁP :

Em nên được lòng tức-giận là phải. Em không đánh bạt tai, tức là em đã tỏ ra nhã-nhận rồi. Bây giờ muốn người đàn-ông ấy dừng lớn-xộn nữa, thì em cứ ngó thẳng vào mặt người ta, và nói nghiêm nghị :

— “ Xin lỗi ông, sao ông cứ quấy rầy tôi thế ? ”

Rồi em cứ làm nghiêm ngồi xem chớp bóng, đừng để-ý đến họ nữa. Tự khắc người ta mắc-cở, hết dám quấy nhiễu em.



Tình cá duyên người

hay lẽ sự tích Chiếc Đèn Con Cá

★ SONG-AN CƯ-SĨ



Cứ đến rằm tháng tám trẻ em có lệ chơi đèn. Đèn có nhiều kiêu làm theo hình tôm cua, rùa cá...

Riêng về đèn con cá có một sự tích ly-kỳ... được truyền-tụng...



Về đời nhà Tống bên Tàu tại hàng Dương-Châu ở xóm cửa Đông có một trò nghèo tên là Liên-Chân tự là Thiên-Nhiên. Anh ta rất thông-minh hiểu-học óc lòng nấu-sử xoi-kinh chờ gày ra ứng thí.

Khoa thứ 3 triều vua Tống-Thân-Tông, Liên-Chân lại-kinh hững mộng rồng mây gặp hội. Nhưng cũng như Lục-Vân-Tiên hàng bị trở-ngại dọc-đường, khi

đến nơi đã quá trễ chỉ còn biết kêu Trời. Số tiền dành dụm không còn là bao đề trở về quê nên đành xin tá-túc tại chùa Khai-Nguyên gần chợ khoa khác. Chùa này ở cách kinh-thành chừng 3 dặm, có đường thông ra bến Tào-Vân trên bờ đầm Bích-Du, nước sâu thăm-thẳm. Người ta đồn trong đầm có con Cá Chép (gáy) vàng tu luyện hơn nghìn năm nay đã thành tinh thường ngày rằm hóa ra mỹ-nhân dạo chơi quanh đầm.

Một hôm, Liên-Chân đang ngồi học thì thấy thấp thoáng ngoài cửa sổ một bóng giai-nhân tuyệt-sắc. Liên-Chân liền xoay mặt cắt tiếng học to hơn trước. Giai-nhân xam-xam đi lại buông lời hoa-nguyệt, nhưng anh trò nghèo văn sắt-đá không hề xao-xuyến.

Nhiều lần như vậy, Cá tinh

thất vọng ôm hận chờ dịp thỏa mãn mộng lòng.

Nhân dịp rằm tháng tám Liên-Chân gác sách, vào thành dạo chơi, Cá tinh đoán biết liền phun ngọc hóa ra một thôn-nữ đôi tám nhan-sắc mặn-mà khác với khối-thân mấy lần-trước, cầm đèn lồng lẩn lộn vào dân chúng trầy hội hoa-dăng. Mục-đích cá tinh là cố tìm cho được Liên-Chân để buông lời ong bướm. Các cậu trai thấy Cá tinh đều mê-mệt, riêng Cá chỉ nhón-nhác tìm cho được Liên-Chân. Mãi-mê trong cuộc tìm kiếm, Cá tinh quên cả đêm đã hầu tàn. Khi ánh dương le lói trên ngọn cây, Cá-tinh sợ lộ chơn hình vội chạy đại vô vườn hoa phía sau phủ Thừa-Tướng họ Kim nhào xuống hồ bán nguyệt hiện nguyên hình tạm nấu.

Đêm sau, Cá tinh lại hóa ra người cố tìm đường về đầm Bích-Du cho gần gụi Liên-Chân nhưng đường trần không biết lối, nên đành trở lại hồ cũ.

Kim Thừa-Tướng có một tiểu-thư đầu lòng tên Kim-Tuyển, tuổi xuân đang độ trắng rằm, xinh đẹp lạ thường, thích ngâm thơ vịnh nguyệt và nhất lại có tánh

yêu hoa. Thứ hoa mà Kim-Tuyển yêu nhất là hoa Bạch-Mẫu-Đơn. Nàng có trồng một khóm trong chiếc chậu sành Tây-Liêu đặt bên hồ. Cứ mỗi độ trăng về Kim-Tuyển lại cùng thị-nữ ra vườn dạo chơi. Ngồi bên hoa, bóng nàng phản chiếu trên mặt hồ lung linh bóng nước thật là kỳ-diệu! Trăng, hoa và giai-nhân không biết ai trắng hơn ai! Cá tinh nấp dưới hồ liền nổi lên nhìn chăm-chập quên cả biến hóa. Kim-Tuyển thấy cá ngộ-nghĩnh sai thị-nữ lấy bánh bốp nát quăng xuống, cá dớp mau lẹ, luôn cả bóng trăng, hoa và bóng người tuyệt-sắc. Cá như muốn tỏ sự biết ơn, ngẫu nhiên đuôi, lượn đi lượn lại, thỉnh-thoảng tung mình lên không, làm mảnh trăng tan-tác khiến Kim-Tuyển hồn thơ lai láng bảo đem rượu ra vầy xuống hồ. Cá nhào lên dớp hết. Nàng thấy cá cứ cừ-chỉ như người bật cười dòn-dã. Trăng tà, Kim-Tuyển lui về chốn khuê-phòng. Cá tinh liền hiện-hình biết nàng thích hoa Bạch-Mẫu-Đơn liền truyền hơi cho hoa khiến hoa càng xinh tươi hơn trước.

Xuân đã sang hè, Liên-Chân túi tiền cạn rốc hết phương-kế bèn viết chữ thảo đem bán. Chữ chàng như rồng bay phượng múa

lắm người thán phục, có kẻ bảo chàng đem bán cho Kim-Thừa-Tướng sẽ được nhiều tiền. Chàng nghe theo, đến đón ở cửa Phủ. May gặp lúc Thừa-Tướng cùng bạn đồng-liêu đi săn về, chợt thấy Liên-Chân đang cầm mấy bức lạo-thảo đẹp hơn tranh vẽ, liền xuống ngựa, gạn hỏi quê-quán và thân-thể. Cảm-cả h quê người lữ-thứ của Liên-Chân và biết chàng có tài, Kim Thừa-Tướng thân nhận chàng làm Thầy giáo dạy con cháu trong Phủ; cho ngụ tại Tây-Hiên cạnh học-đường thiết lập tại vườn hoa. Lúc rảnh, Liên-Chân dạo chơi chợt thấy chậu hoa Mẫu-Đơn là thứ mà chàng ưa thích nhất chàng liền bước lại nâng-niu khóm hoa quý này. Cá tính nấp ở dưới hồ, nhận biết anh học-trò khó chùa Khai-Nguyên khắp khỏi mừng thầm, muốn hiện ra gái để chọc ghẹo chàng, nhưng lại sợ bị hắt-hủi như các lần trước, nên nhẩn-nại chờ cơ-hội.

Thừa Tướng khi mua được mấy bức lạo-thảo liền đem treo tại phòng khách của mình, lại với Kim-Tuyển đến khoe nét chữ của người hàn-sĩ. Kim Tuyển thấy qua nét chữ sinh mỗi cảm-luyến, ước mong gặp tác-giả. Nhưng thời-xưa dẫu có dễ như ngày nay, Kim-

Tuyển đành chịu đề ước-mong, lắng trong tâm-trí.

Một rằm Trung-Thu nữa đến. Liên-Chân thấy trăng đẹp, động niềm hoài hương, xếp sách bước ra vườn định đi lại hàn-huyên cùng khóm nẫu đơn thì bỗng giật mình vì đã có một nàng Tiên đang đùa cợt với hoa.

Liên-Chân sau phút bàng-hoàng cố định-thần nhìn kỹ. Căn-cứ vào sự phục-dịch của tỳ-nữ chàng đoán biết có lẽ là tiểu-thư ái-nữ của Kim Thừa-Tướng. Danh tuy nghe đồn đã lâu nhưng nay mới thấy, Liên-Chân núp dưới lá nhìn Kim-Tuyển đùa với hoa, lòng những ước một mai công thành danh toại làm sao được sánh-duyên cùng nàng. Nhưng chợt nghĩ đến phận mình Liên-Chân càng thêm tủi lòng. Chờ nàng đi khỏi, Liên-Chân liền bước vội đến cạnh hồ, chàng ngồi xuống bãi cỏ thờ dài suy-nghĩ. Cá tính ẩn dưới hồ thoáng thấy đã thông-cảm tâm-trạng của gã si-tình.

Trong trí Cá liền nảy ra một diệu kế. Liên-Chân chợt nghe tiếng động quay mình liền thấy người đẹp tần-ngần như hoàng-hốt! Liên-Chân vội vàng đứng dậy, sửa áo, cúi đầu chào và xin lỗi đã xâm-phạm đến bờ cỏ xanh tươi. Người đẹp thẹn-thùng đáp

đề. Lại gì tài-tử lại gặp giai-nhân. Duyên tiên định ước qua văn tìn xuân. Thật ra Cá tính đã nhả ngọc ra biến làm Kim-Tuyển. Nhân nhớ lại các bài thi của tiểu thư đã làm ra từ trước Cá tính ngâm lại cho Liên Chân nghe. Cho nên Liên Chân vẫn không nhận ra chơn giả. Vả Cá tính tình tuy nồng đượm nhưng vẫn cố giữ đúng theo lẽ giáo không loil-lả khiến Liên Chân càng mến vì sắc, phục vì tài. Thu qua hè lại mối tình càng keo sơn gắn chặt giữa hai người.

Một đêm, Liên Chân đang ôn bài quyết đoạt giải Khôi nguyên thì bỗng Kim Tuyển giả sức bước vào, khốc lóc bảo chàng rằng cuộc tình duyên vụng trộm đã bại lộ. Tuy chưa vượt ra ngoài lễ giáo, nhưng sáng mai Kim Tướng-công sẽ cho lính đến bắt chàng bỏ vào ngục thất, còn nàng sẽ bị đẩy về quê ngoại. Nàng khốc, nói nếu xa chàng nàng cũng chẳng thiết sống nữa và nàng e ngại chàng sẽ xương khô cốt tăn trong ngục tối. Liên Chân nghe tin như sét đánh, hoảng kinh, hối hận thì đã muộn, khốc lóc cũng bằng thừa. Nàng tiếp:

"Tư-trang của Thiếp đã mang sẵn cả đây, Chàng nên theo lời thiếp tạm đem thiếp cùng trốn

Giáo-sư
Gustave MEILLON
với sự hợp tác Văn-hóa
Việt - Pháp



ÔNG G. Meillon,
Giáo-sư Việt ngữ
tại Đại - học
đường Sinh- Ngữ
Á- Đông ở Paris,

được chánh phủ Pháp phái sang chủ tọa kỳ thi Tú-tài kỳ nhì ở Việt Nam, Cambodge, Lào, và liên-lạc với các giới Văn-hóa Việt ở Sài-gòn, có nhĩa ý đến viếng thăm Tạp chí Phò-Thông trong tuần rồi. Ông vui vẻ cho biết rằng tạp chí Phò-Thông được số rất đông anh chị em Sinh-viên Việt-Nam ở Pháp hoan-nghehnh, và chính ông cũng là một độc giả cần mẫn của Phò-Thông tạp-chí. Ông tỏ ý muốn thắt chặt tình hữu nghị Văn-Hóa giữa Việt Nam và Pháp, và ông rất vui mừng được theo dõi sự tiến triển của Văn nghệ Việt-Nam từ hồi hậu chiến.

Tình tình rất hòa nhã, nói tiếng Việt rất thạo, ông có ở Hà-nội 13 năm, làm giáo sư, và hiểu nhiều về Văn học sử Việt Nam.

Trước khi từ giả Sài-gòn về Pháp ông sẽ dự một buổi hội Thơ của một vài nhóm Thi sĩ ở Sài-gòn trong dịp lễ Trung Thu, và ông sẽ diễn thuyết ở nhà Pháp văn Đồng minh hội. Chúng tôi xin chúc giáo-sư Meillon thành công trong nhiệm-vụ Văn hóa tốt đẹp của ông.

PHÒ-THÔNG

về quê nhà đợi phụ-thân bớt cơn nóng giận rồi sẽ trở ra thú tội.»

Liên-Chân ngần - ngại vì gần ngày thi-cử ; lòng rối như tơ-vò muốn kết liễu cuộc đời cho xong. Nhưng Kim-Tuyến giả đoán biết ý-nghĩ của chàng liền nũng-nịu :

— «Chàng đừng lo, mẹ thiếp rất cứng thiếp, nếu lỡ có xảy ra chuyện gì mẹ thiếp cũng không nỡ nào để cho hai đứa mình phải mang lụy ! Trống canh ba đã điểm, chàng nên cùng Thiếp lên đường kéo quá muộn !»

Nghe vậy, Liên-Chân thôi đành nhắm mắt đưa chân, thử xem con tạo xoay vần đến đâu.

Liên - Chân cùng Kim-Tuyến giả trốn về Dương - Châu. Nàng luôn luôn ở trong bóng tối của khoan thuyền.

Nhưng Cá tinh vừa rời khỏi hồ thì khóm mẫu đơn cũng héo dần và khô rụi. Kim-Tuyến tiều - thừ sầu hoa khóc suốt ngày đêm, nhuộm bệnh vô vàng.

Kim Thừa-Tướng sau khi Liên Chân trốn khỏi phủ, tưởng chàng là một cường sĩ bất đắc chí vả lại xem đồ đạc không thấy mất món nào lại thêm Kim-Tuyến nhuộm bệnh nên bỏ qua việc đó.



Mẹ Kim Tuyến vì thương con, cố gạn hỏi, tưởng là sâu tương-tư tác giả bức Lão-Thảo, nhưng Kim Tuyến thú thật đau vì quá phiền muộn theo hoa và muốn chết theo hoa cho trọn kiếp. Bà Thừa-tướng liền biểu Ông kíp sai người đi tìm cho được giống Mẫu đơn về gây lại để cứu tiều thừ. Các nhà chơi hoa sành cho biết chỉ tại xứ Dương Châu mới có thứ hoa ấy. Thừa Tướng liền sai gia-nhân qua Dương-Châu, rào khắp

thành thị thôn quê tuyệt nhiên không tìm thấy thứ hoa nào giống cả. Có kẻ bảo may ra nhà Liên Tú-Tài có trồng thứ hoa ấy. Khém này do Cá tinh đưa về gây giống.

Gia nhân Kim Thừa-tướng tìm hỏi ra nhà

Liên Chân. Khi gọi cửa chỉ thấy một thiếu nữ vén rèm hỏi : «Việc gì». Nhưng họ rất đỗi ngạc nhiên vì thấy thiếu-nữ này giống hệt Kim Tuyến tiều thừ. Sự ngờ vực của họ càng tăng lên gấp bội khi Liên Chân vừa về đến. Họ nhận ra anh Thầy đồ khó dạy trẻ trong Phủ đạo nào ! Họ quày quả trở về cấp báo cho Kim Thừa tướng. Ông này cũng nhận là kỳ quái. Kim tiều thừ

đang nằm ẹp trên giường bệnh thì còn tiều thừ nào lại ăn ở với Liên Chân ? Hay là thằng Thầy đồ này có phép hù hồn ? Bực mình Ông liền nhờ Bao-Công mở cuộc điều tra cấp tốc.

Tức thời Bao Công ra lệnh trở nã Liên Chân và Kim Tuyến giả đưa về Kinh. Khi đem đối diện nhau hai nàng trông y hệt không thể phân biệt chân giả. Riêng Liên Chân trở mắt nhìn kinh-hoảng, run lập cập. Bao-Công đoán biết giống tinh ma đã mê mắt người trần, liền mượn kính Chiếu Ma của Hiên Viên mới chế để phá tan phép quỷ.

Kính vừa đem đề tại công đường thì cá Tinh đã phóng ra một luồng khói đen ngịt biến mất.

Kim tiều thừ mình ve xác vỏ chỉ còn thoi thóp không thể sống được, Liên Chân đến bên nàng. Trước hình hài khô héo của người yêu lý-tưởng nhớ lại dĩ-vãng chàng quá cảm động bật lên tiếng khóc. Giọt nước mắt chàng

rơi lã tả trên mặt Kim-Tuyến. Một vài giọt đọng trên môi nàng. Nhiệm mầu thay, Kim Tuyến bỗng bừng mắt mỉm cười tươi tỉnh như vừa qua một cơn ác mộng. Nàng ngồi dậy hỏi : «Đây có phải là...», Kim Thừa tướng và Phu-nhân vội đáp : «... Liên Chân, người đã viết bức lão-thảo đó con ạ.»

Xuân năm sau, Liên Chân thi đậu Trạng-Nguyên.

Hôn lễ hai người được cử hành trong một bầu không khí tung bừng náo nhiệt trong một ngày Rằm Trung-Thu.

Bàn Lễ Tơ Hồng được đặt cạnh hồ dưới một trời Trăng. Mặt hồ phản chiếu bóng đôi uyên-ương đang kề lể sự tình bên chậu Mẫu-đơn, dưới ánh Trăng vàng vạc, ánh đuốc Hoa-duyên của một chiếc đèn hình Cá dong đưa bên cạnh liễu, Chiếc đèn con Cá nhắc lại cho hai người thiên ký-ức diệu kỳ... Và từ đó hằng năm chiếc đèn Cá xuất hiện trong đám đèn các giống khác, với mùa Thu trăng sáng ...

TIN MỪNG

Chúng tôi vừa được hồng thiếp của Ông Bà Nguyễn-hữu-Hòa, Giám-Đốc văn phòng Bút Toán ở 231, Phạm-ngũ-Lão Sài Gòn báo tin ngày 6 tháng 9 năm 1959 sẽ làm lễ thành hôn cho trưởng nam là cậu NGUYỄN-HỮU-TÀI đẹp duyên cùng cô TĂNG-NGO-MỸ, lệnh ái của ông Bà Tăng-hồng-Bào, Kỹ nghệ gia ở 72, đường Phát-Diệm Sài Gòn.

Xin thành-thực chia vui cùng hai họ và chúc tân lang cùng tân giai nhân được bền duyên cảm sắc.

NGUYỄN-VỸ

Trăng với tôi.

Vực Trà Khê, đoàn tôi nằm trong tôi.
Chỗ đứng tôi, đối diện với trăng thu,
Thùng rơm gai dầy lá bọc thân u,
Ngoài sáng tỏ, trong một mù bóng-bít.
Tôi nằm ngửa, hai gấu sẫm kẻ khít,
Của nhà lao già, gác khóa ba vòng.
Mặt tia vàng long-long lọt vô song,
Rằm ăn-yêu bên lòng tôi, Khê bao:
Đêm này Rằm, em đang tỏ huyền-ảo,
Gối dây xem, chàng hỏi, Siết Khương Xang,
Em dệt thơ, dệt mộng, kết muôn vần,
Em tặng người yêu em muôn thư?
Gối dây đi, hỏi chàng, nhìn sông của,
Ngoài trời mây rục-rỏ ánh trăng lờ:
Em về đây trọn hết cả năm canh,
Em tất cả dâng chàng lòng trinh-bạc,
Trăng mỉm-mỉm cười duyên, rồi khẽ lắc,
Quên khuấy sai ngàn-cách Siết tôi, năng...

Tôi, giờ đây, muốn nhìn ánh trăng vàng,
Lòng Kao Xuyên, Vội-vàng ngồi nhòm đây.
Sau lưới sắt tôi nhìn Trăng mê-mải,
Núi rừng loang, Trăng giãi ánh sâu-bi...
Giấc ngủ tôi có con chó La-Mie,
(Con chó trắng dễ thương và ngoan ngoãn,
Chó doc-nhập, và trung-thập như bạn,
Lạc ngoài rừng, chúng tôi bắt về nuôi).
Đàn với Trăng, Chó phe. Phẩy mừng vui.
Chó nhảy tót, nhảy lui, đùa với bóng.
Trăng tha-thuốc, yêu-khiên tay áo-mơ,
Giãi trên sân long-long ánh huyền-mơ.
Mặt nếp Trăng là đẹp mặt vầng thơ,
Mặt sông trăng là mặt đũa tở thần.
Chó đùa dõ, chạy quanh, rồi đứng ngắm,
Mặt nhìn Trăng, long-lóng ánh trăng ngọc...
Tôi, tháng tôi, như mặt trăng hơn ma,
Trong ngục Thái nhìn qua song lưới sắt,
Nhìn mê-mải, thềm-thuồng, khế mở mắt,
Nhìn Khát-Khao, ngày-đêm, ánh Trăng say.

uôn' phá' tung cửa ngục, chạy ra ngoài,
 ngấm nó, để ngấm. ngấm say với nó,
 đùa dòn với bóng trắng, bóng chó,
 dẹt tưng, dẹt mòng, với trăng to
 lừng bầy. dưng đờ, mắt lệ hoen nước,
 lúc xuống bàn tre, nài thỏn-thức...
 ả với chó tr. Do ngoài sân ngục,
 bị giam sau bốn bức tường cao!
 Đờ. Do! Mi quý biết nhường bao!
 là cả trăng, Sao, Trời Thờ-mộng!
 là nhũn nư Cười vui kẻ sống!
 là lòng huyết-thống của thiêng liêng!
 Tự. Do là có cả thần-diên!
 ả có nó, trần-duyên là ngục thần!
 *
 Trà-khe say-mê trong giấc dấn
 ả si-ường từ ai lệ dấn dấn trắng!

Ng. Vp



★ Phóng sự của NGUYỄN-THU-MINH

L. T. G.— Các nhân vật trong truyện này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.

Mong quý độc giả hiểu cho.

(Tiếp theo P. T. số 18)

Đến khi Thành và Nga trở lại, Hoàng vội hỏi ý kiến tất cả bằng một câu cộc lốc:

— Sao? về chứ?

Thành ngạc nhiên hỏi lại:

— Cậu định đi đâu sao mà về sớm vậy?

— Đi về nhà chứ còn đi đâu,

— Vậy, các cậu chờ mình nhảy thêm một bản tango nữa rồi cùng về.

Đến đây, Thành cúi xuống nói nhỏ vào tai tôi:

— Bọn nó định chơi lối nhảy «tắt đèn» đấy cậu ạ. Nếu cậu không muốn nhảy thì cố gắng chờ mình nhé!

Tôi mỉm cười gật đầu, và nhìn sang Dung. Thấy thế, nàng tưởng tôi và Thành nói riêng với nhau về nàng nên nàng đưa mắt háy một cái rõ thật «kinh khủng», như muốn nhảy bổ vào tôi mà cấu xé cho lại gan! Nhưng, có một điều lạ mà tôi không thể nào phân tách nổi là trong cái vẻ «kinh khủng»

vẫn gọi lên được sự khoái
n của người đàn ông. Tôi
h giải thích cho Dung rõ
h chuyện giữa tôi và Thành
ông dính líu gì đến nàng cả...
ra kịp nói ra đã có tiếng
a Thái oang oang như mỗ bề:

— Kề ra, chúng mình về bây
cũng hơi tiếc thật. Nhưng,
ông sao... miễn là «cùng về» cả!

Hoàng chậm rãi đáp:

— Cậu khỏi lo, dĩ nhiên là
ng về tất cả. Không những
áng mình về mà còn cả Thùy,
a, Dung nữa.

Xong, liền xoay qua tôi:

— Chúng mình... hiện còn lẽ
t, vậy theo ý cậu, nên mời
m Hồng hay ai cho đủ cặp?

Tôi đáp:

— Mời được Hồng thì hay lắm
, sợ nó đã hẹn với ai mà thôi.

Hoàng xem bộ ngẫm nghĩ trong
y lác, nhìn Dung ra hiệu
ng ngồi gần, rồi nói nhỏ:

— Em sang mời Hồng hộ anh
Nếu, Hồng lỡ bận với ai rồi,
mời Thủy cũng được. Mau,
ng về Dung nhé! Các anh
trước chờ nghe.

Tôi góp thêm:

— Phải đấy, Dung cố gắng
vì Hồng đi cho vui. À, em
ó nói với anh Thành, các
h ra trước đường chờ đấy!

Tuy vậy, lúc chúng tôi ra về,
ng vừa đúng một giờ rưỡi
ng.

Phố xá vắng lạnh trong bóng
đêm.

Những ngọn đèn báo hiệu ở
các ngã đường chớp lia-lịa như
những cặp mắt cáo!

Chính những lúc như lúc
này, những con người đôi
mươi độc thân, xa gia-đình như
chúng tôi mới thấy thấm thía ý
nghĩa của chữ «lang thang». Cuộc đời mới thấy cô-độc, chán
chường qua mỗi bước đi, tiếng
gót giày gõ đều đều khô-khàn
trên vỉa hè phố!

Chúng tôi phải chia làm hai
phe, mỗi bên bốn người. Một
về nhà Thái, một về nhà Hoàng.
Trong số về nhà Hoàng là tôi,
Dung và Hồng.

Đến nhà, chúng tôi tự ý chia
tay đi nghỉ theo sự chỉ định
thường lệ, sau vài lời chào hỏi
thông thường.

Và, phải nói rằng, đây là lần
đầu tiên trong những cuộc gặp
gỡ bên lề cuộc đời, tôi đã quên
hẳn con người tôi, quên cả dĩ-
vãng về con người đang nằm
kề đầu tay ấp với tôi, để tìm
hiếu, ôm ấp thêm một người
đàn-bà... người ấy, không ai
khác hơn là Dung!

Suốt đêm tôi đã nhiều lần cố
ý gọi chuyện «đời» để hiểu
thêm về con người hiện tại của
Dung, nhưng chẳng có gì khác lạ
cả. Nàng tâm thường quá, trắng
trợn quá! Trắng trợn hơn cả
những người «đàn bà» ở các hẻm
đường Cống-Quỳnh, Trần-hưng-

Đạo, mà tôi đã gặp từ trước
đến giờ, hơn cả những điều mà
tôi không dám nghĩ đến!

Thật là không ngờ! Ở giữa
cuộc đời này lại có những con
người như Dung. Mỗi cử chỉ vận
vật của nàng là một ý nghĩa,
một dấu ngoặc lớn, trong
cái cảnh tranh tối tranh sáng
giữa hai con người khác giống.

Những lúc này, càng nhắc
tôi nhớ đến Alice-Lan mà thương
nàng gấp bội và thầm cầu cuộc
đời đừng quá phủ phàng với nàng
nữa, hãy để nàng yên ổn sống
nơi thôn dã! ... Con người
của Alice-Lan thật là bé bỏng,
khờ khạo quá! Đừng xô đẩy
nàng thành những con người
như Dung...

Và, thường lệ, sau một đêm
mưa gió, hai thê xác đã trở
những vết bầm, tôi và Hoàng
chỉ còn nước nhìn nhau cười
thầm, chia hai mặt ra để mà
làm hề để tiễn đưa Dung và
Hồng trở về với ánh sáng của
một ngày lại bắt đầu sau khi
chúng tôi đã đi nhẹ vào tay hai
nàng đúng tám tấm giấy «con
voi» không sức mẽ chút nào,
lần một cuộc taxi đến tận nhà
hai nàng.

Những cuộc tiễn đưa này quả
đúng là cuộc tiễn đưa không
kèn không trống. Thế mà cũng
có người biết được, dậy «chào»
hai nàng mới lạ chứ! Sau khi
tôi và Hoàng nghe câu nói:

— Tốt mình tốt mầy thế, đúng
là đàn «nhảy» không sai.

Tiếp theo là giọng cười, nghe

rất khả ố, khiến chúng tôi phải
cúi mặt xuống đường mà bước lẹ
chứ không dám nhìn ngay vào
mặt kẻ thốt ra câu nói, giọng
cười ấy vì chúng tôi nghĩ rằng
có nhìn cũng thừa..., hơn nữa
trước mặt, đối diện với người
phát ra lời nói thiếu tư cách
ấy là một người đàn bà đang
ngồi chồm hồm!...

Thế rồi cuộc vui của chúng tôi
cũng tàn theo những bước chân
ra về của Dung và Hồng, để bắt
tay vào công cuộc sinh kế
thường ngày!

Trước khi chia tay Hoàng,
tôi nhận thấy Hoàng buồn nhiều
lắm! Nhưng vì tôn trọng nỗi
buồn riêng, tôi không hỏi. Hoàng
cũng bắt tay từ giã mà không
nói điều gì thêm.

Tất cả đều một vẻ trầm lặng,
u buồn như bóng đêm!

Cũng từ buổi tối ăn chơi này
lửa hôm ấy, chúng tôi không
bao giờ thấy Hoàng bước chân
vào các Dancing nữa, ngay cả
những buổi trà-ca-nhạc hay
một cuộc vui gì cũng vậy.

Thỉnh thoảng gặp nhau, tôi
gạn hỏi nguyên do nhưng Hoàng
vẫn một mực làm thỉnh, không
chịu nói ra. Đôi khi lại nhắc
nhở tôi hãy nghĩ đến những
người ngày trước, hãy cố gắng
kiếm cách an ủi Alice Lan, giúp
đỡ cho nàng, đừng để nàng
bước trở lại con đường cũ
mà cuộc đời đang tìm đủ cách

đề kéo nàng, xô nàng vào tôi
 ôi của kiếp sống v. v... Với
 những lúc ấy tôi vờ gật đại
 cho vui lòng Hoàng, chứ thâm
 tâm tôi chẳng muốn nghe tí nào,
 đôi khi còn xen lẫn một ít chế
 ai về sự hiểu đời của Hoàng.
 giữa tôi và Alice-Lan thế nào,
 sao Hoàng hiểu được. Tôi
 và Alice-Lan dù sau này nếu
 không đi chung trên một con
 đường thì ít ra cũng đã hẹn nhau
 cái đích trong tư tưởng rồi !
 Có bao giờ tôi lại không an ủi
 Hoàng. Bằng cứ là tôi và nàng vẫn
 đứng từ cho nhau, vẫn chia sẻ với
 nhau nỗi cực nhọc, đau buồn
 của cuộc đời mà !

Tuy vắng Hoàng, nhưng chúng
 tôi vẫn tiếp tục những cuộc vui
 với ánh đèn màu, vẫn lang thang
 qua những chiều đại lộ để chiêm
 ngưỡng giai nhân thời đại, vẫn
 tìm những cái say qua thể xác
 v. v. Nghĩa là chúng tôi vẫn như
 ngày nào, tụ họp nhau lại để tán
 gẫu, để churôi thể không gồm
 riêng, đám đá không nương tay
 sắc thân, mua những trận cười
 an rợ... Nếu cần đôi khi cũng
 lãng mạn lên trời mà kẹp tay
 ấy a thuốc diều lẻ đi xem ci-né
 t-ma-năng như thường !...

Đại khái về những buổi họp
 gặp nhau là thế đấy !

Cuộc sống giữa chúng tôi cứ
 thế mà kéo dài đến gần một năm
 tu mới có mời tan rã -- kể từ
 ngày Hoàng rút lui khỏi ước đề
 « tiên » — Sự tan rã này không
 phải do ý muốn của chúng tôi

mà là do ở thời cuộc, kinh tế
 không cho phép gần nhau thêm
 nữa ! — Thời cuộc đưa chúng tôi
 lại gần nhau rồi lại làm xa nhau
 — Thành đôi lên vùng cao nguyên
 có núi rừng heo hút, gió lộng tứ
 bề, Thái làm cuộc tiễn đưa sang
 Mỹ, tôi lạc ra miền Trung với
 những con đường dài quanh co,
 có bóng dừa xanh ngắt, lũy tre
 làng, những nàng con gái tóc thề
 lả lướt, nghiêng nghiêng chiếc
 nón bài thơ... và vài người bạn
 nữa cũng chung số phận như
 chúng tôi, lìa xa chốn đô hội
 phồn hoa này.

Và, dĩ nhiên theo thời gian
 chúng tôi lần lượt mất liên lạc
 nhau. Ngay đến giữa tôi và Alice-
 Lan cũng vậy, bắt tin một
 cách khó hiểu.

Mãi đến ba năm sau, một việc
 may mắn trong cuộc sống đã đem
 tôi lại với Saigon, với những hình
 ảnh cũ còn lưu lại trong con
 người tôi.

(còn nữa)

KIÊN. TRINH và TÔI LÀM PHIM tạm gác lại một kỳ

Vì có nhiều bài cần đăng
 trong số Trung-Thu cho kịp
 thời gian. Nên bài Truyện dài
 «Kiên-Trinh» của cô Vân-Nga
 và « Tôi Làm Phim » của Thái-
 ThúcDiễn xin tạm gác lại một kỳ

Vậy xin cáo lỗi cùng quý
 bạn đọc và hẹn tiếp tục vào
 số tới (20).

P. T. Tạp-chí



★ TƯỜNG LỘ-ĐỊCH

Soạn-giả : Ưng-Bình Thúc-Giạ-Thị — (Huế) Phiên-diễn theo sự
 tích tường LE CID của Pierre Corneille.

LE CID là một bi-kịch hay nhất của nhà Đại kịch-sĩ Pháp
 P. Corneille, Thế-kỷ XVII, và cũng là một kiệt-tác văn-chương quốc-
 tế. Cụ Thúc-Giạ không phải dịch ra Việt-văn, như Phạm-Quỳnh. Cụ
 chỉ mượn sự tích Le Cid làm nòng-cốt để xây-dựng thành một bản
 tường xưa của Việt-nam, cũng như chính P. Corneille đã mượn vở
 tường của Văn-sĩ Y-pha-nho là Guilhem de Castro mà làm ra kịch
 Le Cid.

Nhưng bản phiên-diễn của cụ Thúc-Giạ có rất nhiều đặc-diểm
 thuần-túy Việt-nam, và làm nổi bật nghệ-thuật cổ-kịch của ta.

Soạn-giả đã thêm vào một số nhân-vật mới, và bỏ bớt một số
 nhân vật của Corneille, để cho bản bi-kịch cổ-diễn Pháp biến
 thành ra tường hát-bội ta, với những câu hát bằng chữ nho, thay
 cho những câu thơ alexandrins...

Kể ra cũng thật là công-phu, và bản tường Lộ-Địch của cụ
 Ưng-Bình vẫn có một giá-trị riêng-biệt trong lịch-sử ca-kịch Việt-nam.
 Sách dày 96 trang. Giá 46đ.

★ TIẾNG THƠ MIỀN-TRUNG

(TÂM DƯƠNG xuất bản — HUẾ)

Cửa 5 thi-sĩ trẻ tuổi miền Trung : Cao-hoàng-Nhân. Thanh-
 Nhung, Thương-Nguyệt, Từ-thế-Mộng, Võ-thủy-Lam... 30 bài thơ
 tình. Dày 70 trang — giá 25đ.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ BẠCH-YẾN

★ **Bạn Phan-gia-Trai — Học-sinh — Huế.**

Câu : « Chóp-nhoáng thẳng bon dây thép kéo.
Mây tuôn đen ngịt khói tàu bay.

Khởi tàu bay : Đây là khởi của chiếc tàu thủy bay lên đen
ít, chứ không phải là chiếc tàu-bay (phi cơ), vì hồi Pháp mới
g chiếm Nam-kỳ, chưa có máy bay.

★ **Bạn Trường-Châu — Chánh-Hưng.**

Rất tiếc các báo không có thông lệ ấy. Nhưng bạn có thể đến
chuyện riêng với ông Giám-Đốc tại tòa-soạn trong giờ làm việc
hơn.

★ **Một độc-giả không đề tên và địa-chỉ.**

Câu : « On peut toujours adorer une femme, il est moins facile
l'aimer » trong P.T. số 16 là của Marcel Aymée, chứ không phải
Bà Staël.

★ **Bạn Hoài-Niệm — Khánh-Hòa.**

Những thanh-niên thi hành quân dịch đều có quyền lợi như
au không phân biệt có cấp bằng hay không.

★ **Em Nguyễn-văn-Tài — Tam-kỳ.**

Câu : « Ít có người đàn bà nào hiểu rằng : mình sẵn-sàng yêu
mãi-mãi, không có nghĩa là mình sẵn-sàng yêu họ luôn-luôn »
a Văn-sĩ Jacques Deval, trong P.T. số 15 nghĩa là : người đàn
g sẵn-sàng yêu người đàn bà mãi-mãi suốt đời, nhưng không phải
cứ lúc nào họ cũng luôn-luôn tỏ cử chỉ âu-yếm, yêu đương, vì
ng có lúc bất đồng ý-kiến sanh ra giận dỗi, hoặc ấu-đả với nhau
ng không biết chừng !

★ **Bạn Trần-quý-Thoát — Cholon.**

1) Thư gửi từ Cholon ra Saigon vẫn dán 2\$ tem.

2) Kim-Ô là con quạ vàng, chỉ mặt trời.

3) Các số báo cũ hiện ở tòa-soạn cũng không còn, khi nào có
chúng tôi sẽ tin cho bạn biết sau.

★ **Em Văn Thủy-Minh, — học sinh — Hội-An.**

1) Em chép nguyên văn của Shakespeare và Joubert cho chúng
tôi xem mới có thể giảng nghĩa được.

2) Ông N.V. quê ở Quảng-Ngãi, huyện Đức-Phổ, làng Tân-Phong.

3) Theo hiến-pháp của Anh thì nữ-hoàng Elizabeth không có
quyền hạn gì thực-tế mấy, chỉ có quyền hành ở danh vị mà thôi.

★ **Bạn Vĩnh-Thắng, đường Ôn-như-Hầu — Nha-trang.**

1) Napoléon I sinh năm 1769, chết ngày 5-5-1821. Ông không phải
là một người đẹp trai nhứt thời ấy. Lúc còn là một sinh viên trường
Vô Bị Brienne ông thường bị các bạn nhạo là « *Chú Cai lùn* » (Le
Petit Caporal), danh từ ấy mãi đến lúc ông làm Hoàng-Đế cũng
vẫn còn. Lúc sau này, ông trở nên oai-vệ và đẹp hơn trước.

2) Chúng tôi đã gửi đến bạn một quyền PHỔ - THÔNG số 7,
có lẽ bạn đã nhận được rồi ?

★ **Bạn Trần-Tịch — Đệ tam B — Vũng-Tàu.**

Bạn nên đem tờ chứng chỉ ấy đến nơi nào đã cấp cho bạn
để xin sửa lại.

★ **Em Đặng-văn-Nhơn — đường Nguyễn-Du — Huế..**

1) Françoise Sagan là một cô nữ-sinh Trung-học vừa thi đỗ
Tú-Tài rồi viết tiểu-thuyết. Nhưng cô nổi tiếng vì cô có một văn
tài đặc biệt.

2) Ở Sài-gòn có rất nhiều Trung-Học tư-thục.

★ **Một học sinh ở đường Nguyễn-Thành — Huế.**

Màu vàng của Quốc-Kỳ Việt-Nam tượng trưng cho dân tộc Á-
Đông, 3 sọc đỏ tượng trưng Bắc, Trung, Nam.

★ **Một độc giả ở Vĩnh-Long.**

1) Các nước trên thế-giới theo khối Cộng : Nga-Sô, Tiệp-Khắc,
Ba-Lan, Trung-Cộng v.v...

Theo khối tự-do : Mỹ, Anh, Pháp, Ý, Gia-Nã-Đại v.v...

Trung lập : Ấn-Độ, Ai-Cập, Nam-Dương v.v...

2) A F P = Agence France Presse (tên hãng Thông tấn xã Pháp)

Reuter = Thông tấn xã Anh.

Tass = Thông tấn xã Nga Xô.

3) Chữ CL-DAU mà bạn thấy trong các bức ảnh in trên báo tức chữ Cliché Dầu. (Cliché = Bản kẽm)

★ **Bạn Nguyễn-Lam-Hồ — học sinh — Đà-Nẵng,**

Phái Thi-Sơn (Parnassiens) Nguyên núi Parnasse là tên một núi của Cô-Hy-Lạp ở tỉnh Phocide, gần đền Delphes. Ngày nay là núi Liakoura, cao 2460m. Theo thần-thoại cô Hy-Lạp thì Parnasse là nơi tụ hội của các Thi-hào Hy-Lạp và La-Mã: Dante, Ronsard, Racine, Corneille, Molière, Voltaire, Byron, Goethe, Schiller, Victor Hugo, Lamartine, Baudelaire, Leconte de Lisle, và Théodore de Banville mới tụ họp nhau nơi tạp-chí *Revue Fantaisiste* xuất-bản năm 1861 và thành lập riêng một thi hội gọi là *Ecole parnassienne*, ta dịch là phái «*Thi-Sơn*» lấy tên tích núi Parnasse cô Hy-Lạp làm tượng trưng. Mục tiêu của phái này là giữ gìn thơ Pháp khỏi bị lôi cuốn theo phong trào lãng mạn của nhân như Musset, Gautier, Verlaine, Mallarmé, và khỏi bị bọn thi-sĩ tân thời ưa dùng các từ ngữ tân kỳ tầm thường, làm mất giá trị của thơ thuần-túy, như Maxime du Camp. Phái Thi-Sơn chủ trương nghệ thuật thuần túy, nghệ-thuật tinh hoa, nghệ-thuật vị nghệ-thuật rất nghiêm khắc đối với những kẻ muốn phá bỏ kỷ-luật Thơ.

Tinh chất của Thơ Parnasse (Thi Sơn) là rất chuộng nghệ thuật thanh nhã, du-dương, êm ái.

Các Thi-sĩ tài hoa có danh tiếng nhất ở Pháp hồi cuối thế kỷ XIX và qua thế kỷ XX, theo chủ trương của phái Thi-Sơn là Sully Prudhomme, Léon Dierx, François Coppée, José Maria de Herédia.

★ **Em Nguyễn-tấn-Phượng — Đà-Nẵng.**

Bài của em không đăng được. Rất tiếc. Em nên cố gắng học và rồi sẽ viết văn sau. Khen em có chí lớn.

★ **Bạn Trần-trọng-Hải — trường Chu-văn-An.**

Rất tiếc trong PHỒ-THÔNG không có chép các bản nhạc khác

★ **Bạn Trần-văn-Thái — Saigon.**

Võ-trường-Toản là một danh-nho nổi tiếng nhất ở cuối thế kỷ XVIII giữa thời Nguyễn và Tây-Sơn tranh hùng. Về lai lịch và sinh-nơi thì chép là người Quảng-Đức, có sách lại nói người Thanh-Dương (thuộc tỉnh Gia-Định).

Tiên-sinh học rộng tài cao, rất thông-đạt truyền Cổ-kim, gặp hồi Tây-Sơn khởi nghĩa, tiên sinh ẩn trú một nơi, mở trường dạy học, các môn đồ bực nhứt của ông là: Ngô-tùng-Châu, Trịnh-hoài-Đức, Lê-quang-Định, Ngô-nhân-Tĩnh v.v...

Hồi Nguyễn-phúc-Anh xưng vương, thường cho vời tiên-sinh tới đề hồi về kinh-sử cổ-kim. Nguyễn-vương muốn cho tiên-sinh ra làm quan song ông từ chối.

Tiên-sinh từ trần ngày 9 tháng 6 năm Nhâm-Tý (1792) Nguyễn Vương truy tặng cho cụ là: «*Gia-Định xử sĩ Sùng-Đức Võ tiên-sinh*» Cụ chết đi để lại cho Nguyễn-Vương cũng như cho người dân Việt một nỗi niềm nhớ thương lưu luyến tiếc.

★ **Bạn Hà Rạng — Đà Nẵng.**

1) Câu: «*Thốt có tanh hôi, ruồi mới dờ, gan không mật mỡ kiến bỏ chi!*» của Nguyễn-bình-Khiêm. Vì bản chính không có, nên đôi lời truyền tụng làm tên tác giả.

2) Bài Quốc Thiệu Mỹ «*La Bannière Etoilée*» (Lá cờ ngôi sao) là do một người Pháp làm đề mừng nước Mỹ mới tranh thủ được độc lập nên người Mỹ dùng nó để làm Quốc Thiệu luôn.

3) Câu: «*Gió đưa cành trúc la đà,*

Tiếng chuông Thiên-Mụ canh gà Thọ Xương.

là 2 câu ca dao xuất xứ ở Huế, vì Thọ Xương là tên cũ một huyện ở gần Chùa Thiên Mụ.

Câu: *Phất phơ cành trúc la đà*

Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ-Xương.

Hai câu này bắt chước theo 2 câu trên.

★ **Bạn Tôn thất Miên — Huế**

1) Ông Phạm Công Thiện 18 hay 20 tuổi, chúng tôi không được biết rõ, hiện dạy Anh văn tại một trường tư.

2) Nữ sĩ Françoise Sagan chỉ viết tiểu thuyết, chứ không biết làm thơ. Về tiểu sử của thi sĩ Vũ hoàng Chương chúng tôi không được biết.

★ **Bạn Nguyễn đăng Đẩu — Bảo Lộc**

Thành thực cảm ơn bài thơ của bạn gửi tặng PHỒ-THÔNG.

★ **Bạn Đỗ văn Cảnh — đường Võ Di Nguy — Gò Vấp.**

1) Vàng, thi sĩ Trần huyền Trân trong quyển «*Thi Nhân V. N*» tên thật là Trần Kim.

2) Hiện trường «*Bách Khoa Bình Dân*» Saigon có dạy các lớp

sinh ngữ ban đêm, nhưng phải ở Sài Gòn mới học được vì trường này không dạy theo lối hăm thu. Loại tự học các sinh ngữ thì có Méthode Linguaphone (học bằng đĩa máy nói) bạn có thể biên thư hỏi nhà sách Xuân-Thu (Portail cũ) số 185 đường Tự Do, Sài Gòn

3) Vụ thuyền = chiếc thuyền huyền ảo.

★ **Bạn Thiện-Phúc — học sinh — Huế.**

1) Tôn thất = là họ của đàn ông, thuộc dòng Hoàng phái nhà Nguyễn. Công tử tôn nữ, Công tôn nữ thị, Công huyền tôn nữ, Tôn nữ thị, v.v... là họ của phụ nữ, cũng thuộc dòng Hoàng phái.

Phụ-nữ Hoàng phái có nhiều họ như thế là do sự phân chia theo hệ thống tôn ty của các phái.

2) Vua Minh-Mạng chia 20 tôn-hiệu theo bài thơ dưới đây :

*Miền, Hoàng, Ung, Bửu, Vĩnh.
Bảo, Quý, Định, Long, Đường.
Hiên, Năng, Kham, Chế, Thuật.
Thế, Thị, Quốc, Gia, Xương.*

★ **Bạn Châu-hòa-Nhã — học sinh — An-Giang.**

Ngoài những giờ học bài ở trường, bạn có thể đề vài giờ xem sách, nếu thấy không tiện bạn nên xem sách vào các ngày Chúa Nhật hoặc ngày lễ. Thành thực khen bạn là một học sinh cần mẫn.

★ **Em Hoàng-hữu-Hân — trường Pellerin — Huế.**

1) Tổng trưởng : (ministre.)

Bộ trưởng : (secrétaire d'Etat)

Thường thường theo các chế độ Đại nghị (Régime parlementaire) như bên Pháp, Tổng-Trưởng lãnh trách nhiệm trước Quốc-Hội Bộ-Trưởng chỉ chịu trách nhiệm riêng với Tổng-Thống trong các chánh thể Tổng-Thống chế (Régime présidentiel) như ở Mỹ hay ở Việt-Nam hiện tại. Còn Thứ trưởng là người phụ giúp Tổng Trưởng.

2) Vâng, chữ *anticonstitutionnellement* là chữ adverbial dài nhất của tiếng Pháp.

3) Nhạc-sĩ *Johan Strauss* là người Áo, sinh năm 1825 và chết năm 1899 tại Vienne.

4) Đại thừa (trong đạo Phật) là chi phái Mahayana (Tàu, Cao-Ly, Việt-Nam, Nhật)

Tiểu thừa (Hinayana) : Miến-Điện, Cao-Miên, Lào, Xiêm... ✧

5) Quả địa cầu không hoàn toàn tròn, hai đầu Bắc và Nam cực hơi dẹp.

6) Về Tòa phả án, Tối Cao pháp viện v.v... là một vấn đề khá dài, chúng tôi rất tiếc không thể giảng giải trong phạm vi nhỏ hẹp của mục này.

7) Bầu trời chỉ là một khoảng không gian, được bao bọc bởi một lớp không khí dày đặc, nên khi nhìn lên chúng ta thấy một màu xanh.

8) Sao băng (Étoile filante), không phải là một ngôi sao, ở dưới đất ta nhìn lên thấy, tưởng đó là một ngôi sao băng, hay nói theo các nhà Thi-sĩ là « Một vì sao rụng », nhưng đó chỉ là một khí tượng (một hiện tượng của không khí) do một tia lửa trong không khí vụt xẹt ra rồi tắt, thế thôi.

★ **Em Nguyễn-Kỷ — Quảng-Ngãi.**

1) Theo ý nghĩa tượng trưng của các màu sắc trong nghi lễ Thiên-Chúa-Giáo đã xác định từ đời Giáo-hoàng Innocent III và thông dụng đến ngày nay thì màu tím là tượng trưng cho sự buồn rầu, hoặc hối hận. Màu xanh mới là biểu hiệu cho tình thương yêu, quyền luyện. Màu của hy vọng.

Về hoa thì có hoa *Violette* (hoa màu tím, cánh nhỏ) biểu hiệu cho sự nhớ nhung.

2) Em coi lại PHỔ-THÔNG số 9 bài Nguyễn - nhược - Pháp và nàng Tiên áo đen. đó là một trang hồi-ký, dĩ nhiên là chuyện thật.

★ **Bạn Văn - Hà — Nha-trang.**

Tự tôn mặc cảm : mình tự có ý tưởng rằng mình hơn người ta, (Complexe de Supériorité).

Tự ti mặc cảm : trái với tự tôn mặc cảm, mình tự có ý tưởng rằng mình kém hơn mọi người, (Complexe d'infériorité).

Thoải mái : thư thả, thong dong.

★ **Bà Minh-Tâm — Đà-Lạt.**

Câu « Chớ sửa mặc chớ, đàn lạc đà cứ đi » là dịch câu tục ngữ của Pháp : « Les chiens aboient, la caravane passe. » Có nghĩa là việc mình làm phải thì mình cứ làm, con đường thẳng mình cứ đi, mặc kệ dư luận bậy bạ của những kẻ không hiểu mình.

★ **Bạn Huỳnh-thanh-Thoại — Huế**

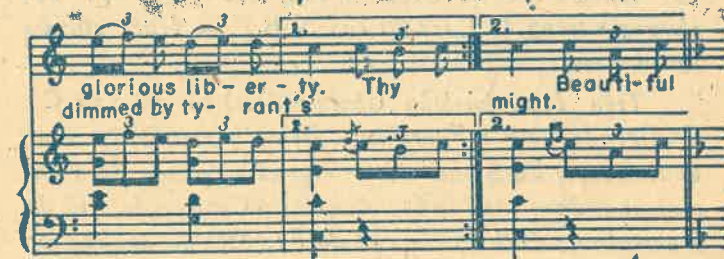
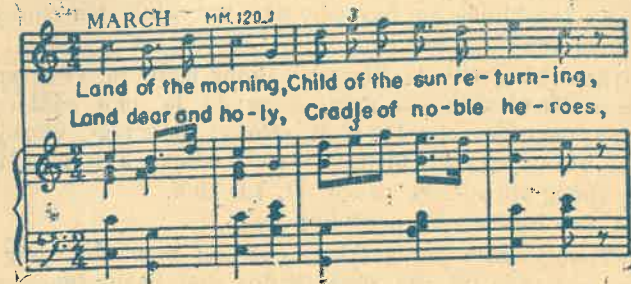
3) Bạn hỏi về quốc thiều của Phi-Luật-Tân, Cao-Ly, Ấn-Độ v.v. xin lần lượt đăng dưới đây :

PHILIPPINE NATIONAL ANTHEM

LYRICS BY
J. PALMA

MUSIC BY
J. FELIPE

MARCH MM. 120 J



XIN SỬA LẠI CHO ĐÚNG

• Trong *Phê-Thông SỐ NÀY*, trang 91, Danh ngôn, thay vì : « On n'exécute pas tout... »

Xin sửa lại : « On n'exécute pas tout... »

• Cuối trang 111, mấy lời « tin mừng », thay vì : « Cô Tăng-ngọc-Mỹ, lệnh ái của ông bà... », xin sửa lại : « Cô Tăng ngọc Mỹ, ái-nữ của ông bà... »

• Trong *Phê-Thông số 18*, trang 55, cột nhì, (bên phải), giòng thứ tám, thay vì : « Năm 1958 » xin sửa lại : năm 1895.

Trong *PHÊ-THÔNG số 17*, mục « *Đáp bạn bốn phương* » trang 123, trả-lời bạn N.B.T — Huế, xin sửa lại như sau :

Trên Hàn-thử-biêu (thermomètre) có ghi chữ C : Centigrade, và F : Fahrenheit. Bên Pháp và nhiều nước khác thường dùng phân-độ Centigrades, Phân độ Fahrenheit ít dùng ; trừ ra bên Anh (0 độ Centigrade : 32 độ Fahrenheit ; 100 độ C : 212 độ F). Một đôi xứ hãy còn dùng Hàn-thử-biêu phân độ Réaumur (5 độ C : 4 độ R).

Hàn-thử-biêu do Galilée chế tạo trước năm 1597.

B. Y.

TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG LỊCH

★ Ông Nguyễn Nam Kỳ — đường Phan thanh Giản — Cần Thơ
Ngày 25-12 âm lịch năm Kỷ Mão nhằm ngày Thứ Sáu 2-2-1940
Dương lịch

★ Ông Nguyễn văn Mẫn — 57 Nguyễn Hoàng — Phan Thiết.

— Ngày 27-11-37 Dương lịch năm Canh Thìn = 28-10-1940, tháng Đinh Hợi, ngày Giáp Tuất

— Ngày 20-3 Dương lịch = 8-2 âm lịch năm Đinh Sửu, tháng Quý Mão, ngày Bình Ngọ

— Ngày 15-12-30 = ngày 26-10 âm lịch năm Canh Ngọ, tháng Đinh Hợi, ngày Kỷ Hợi.

— Ngày 10-10-40 = 10-9 âm lịch năm Canh Thìn, tháng và ngày Bình Tuất

— Ngày 26-12-38 = 5-11 âm lịch năm Mậu Dần, tháng Giáp Tý, ngày Nhâm Thìn.

Thuốc ta hay thật

MỘT NGÀN ĐỒNG BẠC KHÔNG BẰNG 5 ĐỒNG

Ông Trần văn-Mới là nhà nhập cảng có tiếng ở số 50 đường Mạc đình Chi Saigon, vừa rồi ông bị bệnh Dòi ăn. Thầy thuốc trị cho ông : chích thuốc, uống thuốc, cả tuần tốn hơn ngàn bạc mà bệnh vẫn trở trở. May nhờ người quen mách mua có 5 đồng bạc HUYNH LIÊN ở tiệm thuốc Bắc rồi mài với dầu dừa mà thoa thì khỏi ngay. Cũng như trường hợp của bà Võ-thị-Kiều sau đây, bà bị bệnh 15 năm mà uống có một hộp thuốc thì khỏi hẳn. Đây là lời bà thuật lại :

Tôi là Võ-thị-Kiều 55 tuổi, ở số 17 đường Tự-Đức Tây-Ninh bị bệnh tê-thấp, nhức 2 chân, giựt

sáng đêm ngủ không được, nhiều khi tức tôi muốn tự vận. Còn thuốc thì lớp uống lớp chích đủ thứ, mà hơn 15 năm rồi vẫn vô hiệu quả.

Tôi mua thử một hộp thuốc 39 NGUYỄN-AN-CU về uống, đêm đầu thấm thuốc lại nhức thêm, tôi trì trí uống tiếp qua đêm thứ hai thì ngủ thật ngon, sáng ra ăn cơm thật ngon lại nhiều.

Lại thêm một chuyện bất ngờ : Vì cái môi trên của tôi lở đã ba năm nay, uống thuốc 39 trị nhức chân mà lại lành môi luôn, tôi hết sức mừng và từ một năm nay tôi không dứt thuốc này trong nhà

CỦ
PHAN-BỘI-CHÂU
KHEN :

« Phương thánh đã dành nhờ sách vở. Tay thân há dễ nhẹ công phu. »

Đó là 2 câu thơ của Cụ Phan-Bội-Châu đề tặng THUỐC RƯỢU 39 của Cụ Nguyễn-An-Cu.

Cụ Phan khen thuốc 39 là thuốc thánh. Mà thật quả vậy ! Thuốc 39 là phương thuốc trị bệnh tê bại như ở môi, tê thấp hay vô cùng !

Người có bệnh hể gặp thuốc 39 thì khỏi ngay, đã hết tê bại như ở môi lại ăn ngon ngủ khỏe ; Cụ Nguyễn Năng - Quốc Tổng đốc ở Thái Bình cũng đã khen tặng thuốc 39 trị tê thấp hay tuyệt !

Mỗi hộp giá 20 đ.

Các hiệu thuốc Ta, Tàu đều có bán và số 54 đường Công Lý Saigon.



VIỆT-NAM CỘNG HÒA
 TỔNG GIÁM ĐỐC
 THIẾT VÃ THIẾT-KẾ
 ĐỒ THỊ

thuộc Phủ Tổng Thống
 Xô - Số Kiến - Thiết

THÔNG CÁO

Xổ Số Kiến-Thiết trân trọng thông cáo:
 bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ-số Kiến-thiết
 sẽ hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D,
 trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ
 00 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày: THỨ
 HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG

Lô Đắc.Đắc trúng	1.000.000\$
Lô trúng	100.000\$
—	50.000\$
—	10.000\$
—	5.000\$
—	1.000\$
—	500\$
—	100\$
5 lô an ủi	2.000\$

ng cộng : 12,326 lô trúng.

Saigon, ngày 26 tháng 9 năm 1958
 Sở Xổ.Số KIẾN-THIỆT

K. D. số : 215/HUKD — Saigon, ngày 4-9-1959
 in tại nhà in TÂN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon

ngày

1.10.59

Cùng một lượt với

PHỔ THÔNG SỐ



một tuần báo mới
 ra đời:

NGÀY MỚI

đưa ra ánh sáng
 nhiều cái mù quáng
 nhiều cái lỗ.lãng
 nhiều cái ngao.ngán
 nhiều cái lãng.nhãng

CHỦ BÚT
 NGUYỄN-VỸ

PHỔ THÔNG
 vẫn tiếp tục ra
 đều mỗi tuần
 ngày 1 và 15

LỚP HỌC PHÚ-VĂN-TẾ, LIỄN-ĐỐI

★ Là một nhà thơ, qui Bạn chỉ biết làm thơ ; chưa đủ !
Cần phải biết đủ loại : **PHÚ-VĂN-TẾ, LIỄN-ĐỐI.**

★ Quí Bạn muốn biết cách thức Phú-Văn-Tế, Liễn đối,
xin biên thư về địa chỉ sau đây để được ghi tên và nhận
chương trình. (Nhớ đề cò thơ hồi đáp).

Ó. LÊ-VĂN-TẮT

LỚP HỌC LÀM THI HÀM - THỤ. CHÂU - ĐỐC (ANGIANG)

★ MUỐN TÌM HẠNH PHÚC người , con gái cần duyên
dáng, hiền lành, cương quyết và thủy chung như nàng
QUỲNH - GIAO trong quyền **BẾN NGÂN HÀ.**

★ **BẾN NGÂN HÀ** của **LÊ-VĂN-TẮT** bán khắp nhà
sách lớn : 32đ.

Nơi đáng tin cậy của các bạn yêu
nghệ-thuật nhiếp-ảnh :

Quán ĐÔ-THÀNH

Quán 23, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Sài-gòn

— Nhận rửa, in, rọi các cỡ hình ảnh đen trắng và màu
EKTACHROME.

— Nhận đi chụp ảnh các nơi đám tiệc, lễ-lạc, ảnh
quảng-cáo, ảnh phóng-sự v.v...

— Chụp lại các giấy tờ, tài-liệu, hình ảnh cũ ra mới.

— Mua, bán, sửa-chữa các loại máy ảnh, máy quay
phim, chiếu.

— Bán phim, thuốc, giấy (có bán lẻ cho người muốn
rửa hình lấy).

— Phát-hành các loại ảnh tài-tử Việt-Nam và Quốc-Tế.

— Sản-xuất các loại ảnh danh-lam thắng-cảnh Việt-Nam.

Chúng tôi lúc nào cũng sẵn-sàng đề chỉ-dẫn các bạn
mới chơi ảnh.